

BÁCH KHOA

SỐ 80 — NGÀY 1.5.1960

KHẢO-LUẬN

- HOÀNG-MINH-TUYNH } Bàn về chữ « Từ »
và THONG-KHAM } trong Phật-giáo.
LÊ-PHỤC-THIỆN } Vấn đề định chính
sử-liệu Việt-Nam.
PHẠM-HOÀNG } Mọi đảo nghịch về giá-trị.
PHẠM-ÁI-BÍCH } Tinh-túy của Triết-lý
Phật-giáo.
FRANÇOIS SCHMITZ } Chương-trình khoáng-
(VŨ-ĐÌNH-LƯU dịch) } trương nghề trồng cây
cao-su tại Việt-Nam.
ĐOÀN-THÊM } Người đàn bà và
văn-nghệ-sĩ Pháp.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ } Việt-Ngữ Chính-tả tự-
vị của Lê-Ngọc-Trụ.
CÔ-LIÊU } Cô có thích nhạc Brahms.
TRỌNG-KHANG } Pioneer V.
CÔ-LIÊU } Không có tàu nguyên-tử
từ thế-giới khác đáp
xuống Baalbek.

* Thư trả lời của ô. Nguyễn-Phụng.

* Thư trả lời của ô. Nguyễn-Vỹ.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

- NGUYỄN-VĂN-THU } Diễm-sách : Kỳ-mãn độn
gláp của ông Nguyễn-
Mạnh-Bảo.
Bà ÁI-LAN } Tạ lòng trí kỷ.
PHAN-VĂN-TẠO } Đi mỗ.
ĐOÀN-THÊM } Xoa dịu.
NGUYỄN } Người vợ.
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG } Chiêm bao.
PHẠM-TĂNG } Chiều trên đời thông.
VĂN-TRANG } Trăm quả dứa.

PHẠM-TĂNG minh-họa

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie cũ" 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lào-Mạnh-Tiểu"

— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Tiểu"

SI-RÔ "Verigoud" :

— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi,

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ

(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

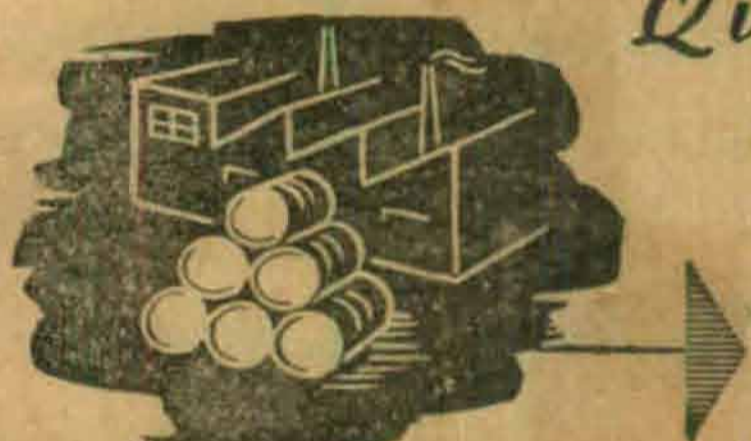
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG



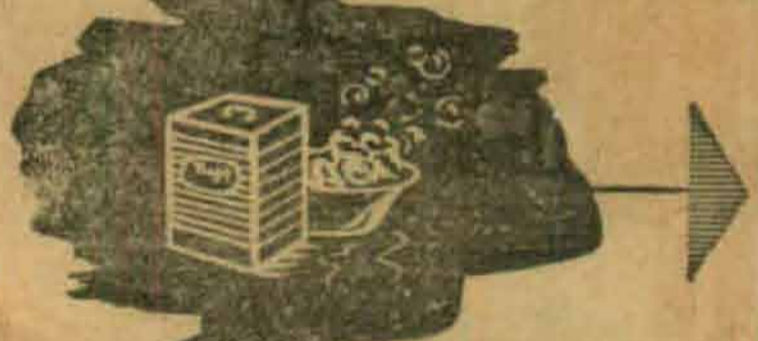
Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



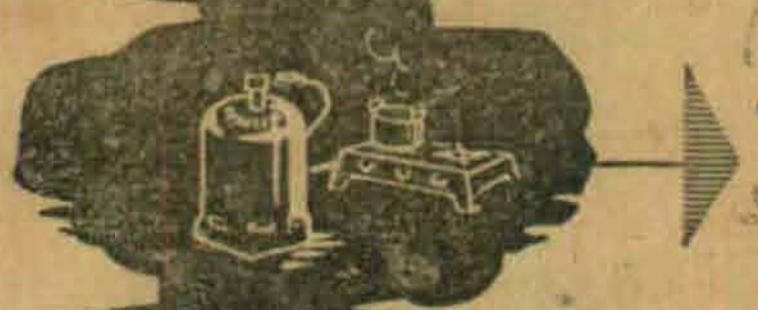
Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



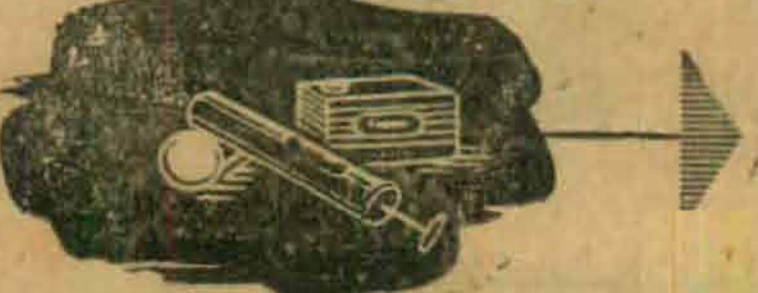
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

*Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.*



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ
CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire, après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental"

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES DU AIR FRANCE 122, 136 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20.981 à 84

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

NHÀ THUỐC

LA - THÀNH

195—201 đường Tự-Do SAIGON

Điện thoại : 20577

LA - THÀNH - NGHỆ, Dược-sư

Nhập-cảng Dược-phẩm

Đại-lý các Viện Bào-chê

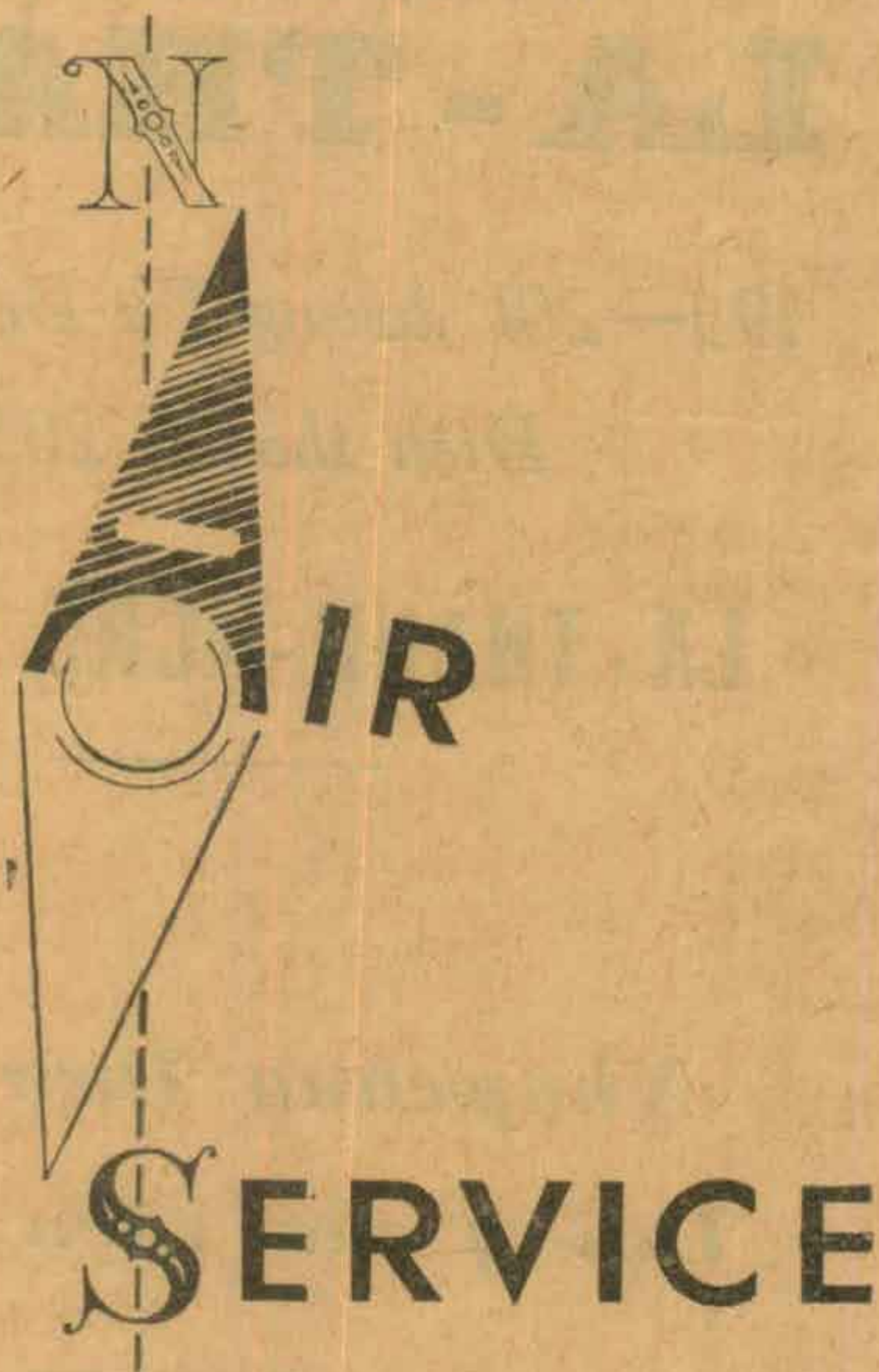
Bào-chê theo toa Bác-sĩ

Sản-phẩm Đặc-chê

Dược-phẩm và Hóa-học-phẩm



Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH-KHOA

Số 80 — Ngày 1 - 5 - 1960

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH và THONG-KHAM	<i>Bàn về chữ « Từ » trong Phật-giáo</i> 3
LÊ-PHỤC-THIỆN	<i>Vấn đề dinh-chính sử-liệu Việt-Nam</i> 9
PHẠM-HOÀNG	<i>Một đảo nghịch về giá trị.</i> 19
PHẠM-ÁI-BÍCH	<i>Tinh-tủy của triết-lý Phật-giáo.</i> 20
FRANÇOIS SCHMITZ (VŨ-ĐÌNH-LƯU dịch)	<i>Chương-trình khoáng-lương nghề trồng cây cao-su tại Việt-Nam</i> 29
ĐOÀN-THÊM	<i>Người đàn bà và văn-nghệ-sĩ Pháp</i> 39
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>« Việt-ngữ chánh tả » tự-vị của Lê-Ngọc-Trụ</i> 53
CÔ-LIÊU	<i>Cô có thích nhạc Brahms</i> 61
TRỌNG-KHANG	<i>Pioneer V.</i> 67
CÔ-LIÊU	<i>Không có tàu nguyên-tử từ thế giới khác đáp xuống Baalbek</i> 71
✻	<i>Thư trả lời của Ô. Nguyễn-Phụng</i> 77
✻	<i>Thư trả lời của Ô. Nguyễn-Vỹ</i> 83
NGUYỄN-VĂN-THU	<i>Điểm-sách: « Kỹ-môn độn giáp » của Ô Nguyễn-Mạnh-Bảo.</i> 87
Bà ÁI-LAN	<i>Tạ lòng tri kỷ (thơ).</i> 98
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Đi mỗ (truyện ngắn)</i> 100
ĐOÀN-THÊM	<i>Xoa dịu (thơ).</i> 107
NGUYỄN	<i>Người vợ (dịch l'Épouse của Tchekhov)</i> 108
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG	<i>Chiêm bao (thơ).</i> 115
PHẠM-TĂNG	<i>Chiều trên đôi thông (thơ)</i> 117
VĂN-TRANG	<i>Trăm quả dưa (truyện ngắn).</i> 118

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

*Làm sao chấm dứt tình trạng
« Quân bình khủng-bổ »*

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

: *Thành tích 50 năm khoa-học.*

ĐOÀN-THÊM

: *Nuôi con cho biết lòng cha*

BÙI-HỮU-SÙNG

: *Tiếng chuông thứ hai về thơ sáng
thơ tối*

CÔ-LIÊU

*Viễn ảnh về xe không gian chạy
bằng ánh sáng mặt trời*

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

} *Tiệc thay duyên Tẩn phận Tẩn.*

và NGUYỄN NGU-Í

TRẦN-VĂN-KHÊ

: *Hát ả-dào...*

H. Đ.

: *Nghề xuất-bản với loại sách Tết
cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*

NGUYỄN-NGU-Í

: *Thử bàn về vài cái « nhỏ nhất lật
vật » chưa giải-quyết trong chữ
Việt : chữ ghép (viết có gạch nối,
viết dính, viết rời) ; cách viết tên
người, tên đất, chức tước... ; cách
viết âm i...*

HOÀNG-THÁI-LINH

: *Người quán rượu (tùy bút)*

VŨ-HẠNH

: *Vàng Hời (truyện ngắn).*

PHAN-DU

: *Á-Xiu (truyện ngắn).*

VÕ-PHIẾN

: *Ngày Xuân êm đềm (tùy bút)*

PHAN-VĂN-TẠO

: *Một chuyện vui*

MẶC-THU

: *Màu thuốc lá (truyện ngắn).*

KIỂU-YIÊU

: *Ngựa trong tranh (dịch Liêu Trai).*

NGUYỄN

: *Anh chàng nghiện (truyện dịch).*



BẢN VẼ

CHỮ « TỪ »

TRONG PHẬT-GIÁO (1)

HOÀNG-MINH-TUYNH
và THONG-KHAM

Phật-giáo có « từ-bi » không ?

Kẻ có một trăm ái-dục
Thì có một trăm khổ não.
Kẻ có chín mươi ái dục
Thì có chín mươi khổ não (v. v.)
Kẻ có một ái dục
Thì có một khổ não.
Kẻ không có ái dục
Thì không có khổ não. (2)

Một bản kệ như trên, đọc lên nghe thấy rõ phản-hưởng Phật-giáo, bút ý vừa có vẻ tiêu-cực vừa có vẻ giác tỉnh, khiến cho ta tưởng như ý-kiến của một số sử-gia cho rằng Phật-giáo không thể có « từ-bi » là đúng. Vấn-đề thật ra không phải giản-dị như vậy. Nếu ta chịu xem xét vấn-đề một cách gần gũi hơn, không

(1) Tài-liệu chính chúng tôi dùng làm căn-cứ để viết tập biên-khảo này là cuốn « *Aspects du Bouddhisme* » của Henri de Lubac, do Editions du Seuil xuất-bản.

Để tiện cho những vị muốn nghiên-cứu thêm, chúng tôi xin ghi thêm mấy cuốn cơ-bản khác sau đây :

O. Oldenberg, <i>Le Bouddha.</i>	R. Grousset, <i>Sur les traces du Bouddha.</i>
P. Oltramare, <i>La théosophie bouddhique.</i>	Philippe Stern, <i>De l'amour humain à l'amour mystique dans les fresques d' Ajanta.</i>
R.P. Allo, <i>Plates d'Europe et baumes du Gange.</i>	
Louis de La Vallée Poussin, <i>La morale bouddhique.</i>	

Kinh và Kệ chúng tôi tra trong các bản tiếng pali và tiếng sanscrit trong thư-viện của ð. Thong Kham tại Vientiane (Ai-Lao).

(2) : xin xem trang bên

những ta có thể sửa chữa lại một số sai lầm nhiều người đã vô-tình mắc phải, mà còn có thể am-tường phật-giáo thâm sâu hơn.

Ái cũng biết một trong nghĩa-vụ đầu tiên của mọi phật-tử là *ahimsa* (vô nã). Giới luật ấy có trước Đức Phật Thích Ca Mâu-ni và là giới luật chủ-yếu của Kỳ-na giáo cùng Ấn-Độ giáo hiện đại. Giới luật ấy khuyên mọi người phải tôn-trọng sinh-mệnh. Tuy nhiên theo lời dạy của Đức Phật, phạm-vi của giới luật ấy còn rộng lớn hơn nhiều: « Mọi hành-vi có phương-hại tới tha-nhân đều là tội lỗi. » Bởi vậy « mỗi khi các người muốn hành-động thì các người nên xét coi hành-động ấy có phương-hại tới tha-nhân chăng, phương-hại tới các người chăng, phương-hại tới các người và tới tha-nhân chăng? Nếu có, thì hãy thôi đi; vì một hành-vi xấu sẽ chín và biến thành khổ-não »; Bộ Jataka Mala, tóm tắt giới luật trên lại thành một phương-thức hợp với phương-thức của Đức Chúa Giêsu: « Chớ làm cho tha-nhân những điều các người không muốn tha-nhân làm cho các người. »

(1) Do ð. Oldenberg viện dẫn, Le Bouddha, bản-dịch Pháp-văn. Xin so với câu Đức-Phật đáp lại hai vợ chồng người kia khóc con:

Piyato jāyati soko.

« Piyato jāyati bhayam.

Piyato vippamittassa.

Natthisoko, kuto bhayam. »

Uất ức khóc than phát sinh do bởi ái dục.

Kinh sợ phát-sinh do bởi ái dục.

Nếu dập tắt ái dục thì không có uất ức và kinh sợ.

Pháp-cứ, Thiên Piyavagga
(Dhammapada Piyavagga)

Tuy nhiên, *ahimsa* chỉ là một giới luật căn-bản. *Ahimsa* không bao gồm tất cả nghĩa-vụ của phật-tử đối với tha-nhân. Nghĩa-vụ của phật-tử bao gồm nhiều điều khác, tiêu-cực cũng có, tích-cực cũng có, và có thể thu rút lại ba đức-tính chủ-yếu gọi bằng ba tên: *maitri* (từ), *dāna* (bố thí) và *karuṇā* (bi). Chỉ sau khi đã nghiên-cứu cả ba đức-tính chủ yếu này, ta mới có thể quyết đoán Phật-giáo có « từ bi » không, địa vị « từ bi » trong toàn bộ Phật-giáo thế nào và mới có thể đem « từ bi » của Phật-giáo đối chiếu với « bác ái » của Ki-tô-giáo được.

« Từ » trong Phật-giáo là gì ?

« Từ » theo định-nghĩa trong bộ Itivuttaka.

Từ là gì? Từ là một căn tính của tâm-hồn, căn tính thâm sâu, nhu-hòa mà chân thật, người ta cần phải giữ-gìn luôn luôn, Từ vượt trên mọi thiện pháp và mọi thiện pháp sở dĩ có giá trị là do bởi từ, như bộ chú giải Itivuttaka (Như thị ngữ) đã minh định trong lời ca tụng tuyệt diệu dưới đây :

« Hỡi các thầy Bích-Khưu (3) tất cả mọi thiện pháp, các thầy đã thật hành không sánh được với một phần mười sáu của tâm từ. Tâm từ đuổi được ác pháp ra khỏi lòng và thu lại tất cả thiện pháp, cùng làm cho lòng được trong sạch, sáng láng và phóng ra những vòng hào-quang xán lạn.

(2) Bích-Khưu (Bhikkhu) người Trung-Quốc viết là Tỷ-Khưu.

« Hỡi các thầy Bích-Khuru, ánh sáng của tất cả các vì sao không sánh được với một phần mười sáu của ánh sáng trăng rằm; trăng rằm thu lại tất cả ánh sáng, chiếu dài và phóng ra những hào quang xán lạn thế nào thì, hỡi các thầy Bích-Khuru, tất cả những thiện pháp cũng không sánh được với một phần mười sáu của tâm từ như vậy; tâm từ đuổi được ác pháp ra khỏi lòng và thu lại tất cả thiện pháp, cùng làm cho lòng được trong sạch, sáng láng và phóng ra những vòng hào quang xán lạn.

« Hỡi các thầy Bích-Khuru, tháng cuối mùa mưa, mặt trời đã mọc trên nền trời quang-đăng, không mây, làm biến tan mọi tối tăm trong không-gian, chiếu dài ánh sáng và phóng ra những vòng hào quang xán lạn thế nào; hỡi các thầy Bích-Khuru, đêm tàn, sao mai chiếu dài ánh sáng và phóng ra những vòng hào quang xán lạn thế nào, thì hỡi các thầy Bích-Khuru, tất cả mọi biện pháp các thầy đã thật hành không sánh nổi với một phần mười sáu của tâm từ như vậy. Tâm từ đuổi được ác

pháp ra khỏi lòng và thu lại tất cả thiện pháp, cùng làm cho lòng được trong sạch, sáng láng và phóng ra những vòng hào quang xán lạn ». (1)

« Từ » theo định nghĩa trong Truyện-kỳ Phật-giáo.

Truyện-kỳ Phật-giáo cũng có ý khác sâu căn-tính ấy vào tâm khảm con người khi kể lại rằng: « Lúc Phật thành thai, mọi sinh vật đều có lòng thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, mọi người cùng lấy tấm lòng thảo hiếu đối với cha mẹ mà đãi ngộ nhau ». Truyện kỳ nhắc lại lời đại-đức Kasyapa, trong ai văn đọc khi Phật tịch: « Ngài có tâm từ, Ngài lấy tâm từ làm khí-giới, nên không có một sinh-vật nào bị Ngài làm hại. » (2) Truyện-kỳ còn nói Phật từng trách các người Bà-la-môn đã quên phương-tiện hay nhất để làm điều

(1) Xin đối chiếu với thuyết bác-ái của thánh Phaolô 1 Cor., XIII.

(2) Trong kinh Parinibbapasutta.

Danh ngôn, danh lý

THUẬT CHỈ-HUY

- ✿ Khi bạn đã giao một công việc cho cộng-sự-viên của bạn thì bạn nên đòi người ấy trình-bày cho bạn chương-trình hoặc kế-hoạch hành-động trước khi bắt tay khởi sự. Như vậy, bạn mới có thể chấp-thuận một cách thấu đáo, có thể coi xem kế-hoạch bộ phận có được thiết-lập ăn nhịp với kế-hoạch chung không, hoặc có cần phải sửa chữa chỗ nào không (phòng bệnh còn hơn chữa bệnh) và nhất là có thể lâm-thời xuất toàn lực nâng đỡ công việc của cộng-sự-viên đang khi tiến-hành.

thiện là : tâm từ. Lời dạy của Truyền kỳ thật ra đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp, khiến cha Allo, trong cuốn sách : « Mụn nhọt của Âu-Châu và dầu thơm của Hằng hà » đã phải khen rằng : « Phật-giáo quả đã làm cho các nước Viễn-Đông có được một ý-tưởng sinh - hoạt đơm mầm hòa-bình và nhân-đạo... »

Không gì quý hơn *Maitrì*, cũng không gì mạnh hơn *Maitrì*. Chỉ duy *Maitrì* là tiêu trừ được oan trái : « Oan trái không bao giờ tiêu trừ được oan trái. Tâm - từ tiêu trừ được oan trái. Đó là pháp có từ ngàn xưa (1) ». Tâm-từ cũng thắng được ác pháp. « Ác pháp như lửa, tâm từ như nước. Dùng nước để tắt lửa, sao lại không được ? » Tâm-từ mạnh cho đến nỗi có thể xóa bỏ những tội lỗi nặng nề nhất, nếu kẻ phạm thật có tâm từ. Có người *Maitrakanyaka* là tiền thân của Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni hay làm việc phúc thiện, y tặng các thầy Bích - Khuru tới ba mươi hai đồng tiền vàng ; song một hôm y lỡ tay xô té mẹ (2), vì mẹ không chịu cho y vượt biển buôn bán nơi xa. Thuyền y đi nửa chừng bị đắm, y giạt được vào bờ một hòn đảo và được ba mươi hai mỹ nữ lưu lại trong những lâu đài cực kỳ tráng lệ một thời gian, những mỹ

nữ đó là thành quả của ba mươi hai đồng tiền vàng bố thí của y vậy. Rồi một bữa kia, tới một nơi nọ và được gặp một người đang bị cực hình là đầu bị một bánh xe có khía đồ rục xoay vào. « Người đã làm nên tội gì để phải khổ như thế ? » « Tôi đã phạm một tội thái ác và phải ở lại đây cho đến khi có người tới thay thế, song tôi tuyệt vọng vì chắc không có ai dám đánh mẹ như tôi ». Ngay lúc đó, *Maitrakanyaka* chợt nhớ tới tội xô té mẹ của y và chiếc bánh xe khỏi sự xoay trên đầu y. Ý đau quá, thốt lên một lời nguyện siêu tuyệt : « Khổ cực thật ! Ta nguyện rằng những kẻ làm tội như ta phải tới thay thế ta, ta xin chịu lãnh tất cả tội lỗi của họ để đừng có một chúng sinh nào phải chịu cực hình nơi đây nữa ». Ý tưởng đó giải thoát tức khắc được *Maitrakanyaka*. (3)

Tuy nhiên, coi như truyện này, ta thấy muốn có *maitrì*, phải có hùng khí, do đấy khi Phật khuyến dụ, cổ lệ đệ tử, Ngài bảo rằng :

« Hỡi các thầy Bích - Khuru, kẻ nào bị giặc cướp lấy cửa cửa thân ra từng mảnh mà còn để cho oan trái xâm nhập lòng mình thì chưa có thể gọi là kẻ làm theo lời Như-Lai dạy. Bấy giờ các thầy cũng cần phải nỗ lực và bảo rằng : « Không ! Đau đớn như vậy cũng không thể làm ta đổi lòng. Ta không thốt ra một lời hung ác, ta vẫn giữ tâm từ, không chút oán hận ; ta lấy tâm từ không oán hận, không ác ý mà chiếu sáng cho kẻ ấy trước nhất. »

(3) Theo cha H. de Lubac thì khi bị chiếc bánh xe xoay trên đầu, *Maitrakanyaka* nguyện rằng : « Xin chớ có ai khổ nạn đến nỗi phải tới đây để thay thế tôi. »

(1) Na hí verena verāni
Sammattā dha kudācanam
Averena ca sammantī
Esa dhammo sanantano

Trong thế-gian, không bao giờ dùng oan trái tiêu trừ được oan trái.

Có dứt bỏ oan trái mà lấy tâm-từ thì mới tiêu trừ được oan trái. Đó là pháp có từ ngàn xưa
(Pháp-Cú — Quyển 1, số 1)

(2) Theo cha H. de Lubac thì *Maitrakanyaka* đánh mẹ.

Và chính ngài đã lấy tiết hạnh của ngài khi xử sự với người Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Devadatta là anh vợ ngài, tính tình rất hiểm độc. Sau khi dùng tà-thuật để chống lại ngài và dụ hoặc các đệ tử đời bỏ ngài, Devadatta bị đau nặng: tự núi Kicchakota là nơi ngài ở, Đức Phật đưa tay ra tới với đầu y và chữa cho y khỏi bệnh. Khỏi bệnh rồi, tên gian quyết lại tìm cách xâm hại ngài, y vận dụng nổ pháo bắn trúng ngài một phát khiến máu chảy ròng ròng, mặc dù có lương y Jivaka tận tâm cứu chữa mà máu cũng không sao cầm lại được; bảy giờ đại-đức Kasyapa mới lớn tiếng kêu lên: « Bạch thầy, nếu quả thật thầy đối với tất cả kẻ thù thầy như thái-tử Ràhula thì máu hãy cầm lại. » Máu liền cầm lại tức thì. (1)

« TỪ » là căn-tính phải dụng công tu luyện mới có được.

Một căn-tính quý báu, mạnh mẽ và nhiều khi khó-khăn như vậy không thể dễ-dàng mà có được, cần phải nỗ-lực và khổ-công tu-luyện lâu ngày. Bởi vậy một trong những việc hành đạo chính của các thầy Bích-Khuru là phải tham-thiền để được có *maitrì*. Sự tập luyện chia làm nhiều thời-kỳ, nhiều giai-đoạn để giúp người tập-luyện *tuần-tự nhi tiến*. Thầy Bích-Khuru phải nguyện cho toàn thể chúng-sinh được hạnh-phúc tuyệt-đối. Song bởi

(1) Theo bộ chú giải Pháp-Cú, Devadatta lăn đá từ trên núi xuống định hại Phật. Thật ra, không thể si hại được Phật, chính Phật sợ Devadatta không hại được ngài sẽ uất lên mà chết và không kịp ăn năn trước khi chết, nên chính ngài đã tự ý để cho đá trúng ngón chân ngài và để cho máu chảy ra. Tâm-từ của ngài do đây, càng phát lộ rõ rệt.

không thể nào « chỉ quán » (tập trung tư-tưởng), thầy Bích-Khuru phải chia người ra làm ba hạng: *bạn*, *thường* và *thù*. Hạng bạn và hạng thù lại chia ra làm ba thứ (đại, trung và tiểu), gồm lại thành tất cả bảy thứ. Thầy Bích-Khuru khởi sự nguyện cho người thân-thiết trước, rồi vẫn giữ một lòng thành-thật ấy, nguyện cho từng thứ một, lên mãi cho tới kẻ thù độc hại nhất của mình. Khi đã nguyện găm lần lên được bảy cấp và ở cấp nào cũng giữ nguyên được một lòng thành thật, thầy Bích-Khuru có thể triển-dương sự nguyện găm của mình rộng ra tới thành-thị, đất nước, thập-phương và bao-quát được cả chúng-sinh trong một tâm-tư.

Bảy giờ tập luyện có thể thay đổi theo nhiều hình thức khác và lần lần, người ta sẽ quen cách sinh-hoạt với căn-tính quý báu hơn hết là tâm từ.

« Kẻ chiều hôm sớm mai giữ được tâm từ trong chốc lát, được nhiều công quả hơn kẻ chiều hôm sớm mai dâng tặng mỗi lần một trăm bình thức ăn. Bởi vậy, hỡi các thầy Bích-Khuru, các thầy hãy học cho biết điều này: « Chúng tôi muốn phát sinh, gia-tăng, thúc-đẩy, chiếm-đoạt, tập-rèn, hoạch-đắc, sử-dụng tâm từ để sua đuổi ác pháp ra khỏi lòng cho lòng được trong sạch. »

Tính-chất tích-cực của từ.

Những tỷ dụ trên chứng tỏ *Maitrì* (từ) không có tính-chất tiêu-cực như *ahimsa* (vô nã). Có tâm từ không phải chỉ là từ bỏ oan trái như từ bỏ thị dục. Sở dĩ

nhiều người lầm tưởng tâm từ có tính-chất tiêu-cực, có lẽ bởi tại ngữ-vựng của Phật-giáo thường gồm nhiều danh-từ tiêu-cực và Phật-giáo thường cổ lệ luân-lý bằng cách trình bày những nghĩa-vụ chính dưới những hình-thức tiêu-cực. Như ngũ-giới của Phật-giáo là : đừng sát sinh, (bắt sát) đừng trộm cắp, (bắt đạo) đừng nói dối, (bắt vọng ngữ) đừng tà dâm, (bắt dâm) đừng uống rượu (bắt ẩm tửu). Tội, theo Phật-giáo, là điều ô uế ; đức là sự trong sạch. Nhiều nhà bác-học cũng định nghĩa *sila* (*trì-giới* là khuôn khổ người ta phải đứng trong đó để không làm điều tội lỗi) là « thôi phạm tội và không tái phạm » (Kinh Nāgarjuna Mahaprajna paramita sastra). Tuy nhiên, căn cứ vào những điều trên để bảo *Maitrī* chỉ có tính-chất tiêu-cực

là điều không đúng. Một người xét đoán gât gao như cha Allo đã phải nhìn nhận : « Từ, theo Phật-giáo truyền dạy, dù ai nói sao thì nói, thật ra có tính-chất nghiêm chính tích-cực ».

HOÀNG-MINH-TUYNH

và

THONG-KHAM

KỶ TỚI : « Từ » phải biểu lộ bằng hành động.

CÁO LỖI

Vì thiếu dấu, mong các bạn đọc coi dấu trên các chữ ừ, ừ, i trong các chữ kinh, như một gạch con (=) thí dụ Nāgarjuna, maitrī. Đa tạ.

* Ý-niệm về công việc không làm giảm, mà cũng không làm hại tình bạn. Ý-niệm ấy làm cho tình bạn trở nên phong-phú vì đem lại cho tình bạn một ý-nghĩa. Khi hành-động không cấp thiết, người lãnh-đạo cần phải suy nghĩ và thăm dò ý-kiến, tự-nhiên người ấy phải đàm-luận với các cộng-sự-viên, xin họ cho ý-kiến và bày ra cuộc tranh-luận. Song khi đã gom góp được hết mọi yếu-tố cho quyết-định và khi đã quyết-định thì vấn-đề chính không còn phải là tình bạn nữa mà là công việc. Khi lệnh đã ra thì phải thi-hành. Một ý-kiến đã tung ra, các chỉ-thị đã đưa ra, mỗi người đều phải tuân theo và không nên nói đi nói lại nữa. (Delsuc)

Lễ « nghinh-triều »

Ngũ-Tử-Tư bị vua nước Ngô giết chết, rồi liệng thây xuống sông Tiền-Đường. Đời sau, cứ đến ngày 17 tháng Chín âm-lịch, người ta thấy sóng thủy-triều ở sông ấy nổi lên, liền chò là uất-khí của Ngũ-Tử-Tư nổi lên, và rủ nhau đi coi rất đông. Do đấy, thành-lập tục đi lễ, gọi là lễ Nghinh-triều (đón thủy-triều) có ý nhớ tưởng lại cái uất-khí của nhà liệt-sĩ họ Ngũ, mà người ta tin là chưa tan đi được.

NHỮNG ĐIỀU-SAI LẦM TRONG BÀI

MỘT HỌC-GIẢ TRUNG-QUỐC

với vấn-đề đính-chính sử-liệu Việt-Nam

LÊ-PHỤC-THIỆN

L. T. S. — Trong tạp-chí Bách-Khoa số 77 ngày 15-3-1960 các ông : Nguyễn-Hiến-Lê, Nguyễn-Hữu-Ngư, và Phạm-Quang-lực đã góp ý cùng học-giả Trương-quân-Chương về vấn-đề đính-chính sử-liệu. Trong bài sau đây, ô. Lê-Phục-Thiện, chuyên-viên Hán-học viện-khảo cổ Việt-Nam, lại đề-cập đến vấn-đề trên đây và cống-hiến bạn đọc Bách-Khoa thêm nhiều ý-kiến mới mẻ nữa, hy vọng sẽ giúp cho sự góp ý cùng vị học-giả Trung-quốc được phong phú và đầy đủ hơn.

NHẬT - BAO Tự-Do số 952 ra ngày 29-2-1960, có đăng bài « Một học-giả Trung-Quốc với vấn-đề đính-chính sử-liệu Việt-Nam » viết bằng Hoa-văn đăng Trung-ương nhật-báo, xuất-bản tại Đài-Loan ngày 26-1-1960, được ông Quang-Triết dịch ra Việt-văn để cống-hiến độc-giả Việt-Nam.

Trước khi bình-luận những sử-liệu do học - giả Trung - Quốc Trương - Quân -

Chương nêu ra trong bài báo, tôi trân-trọng bày tỏ mấy nhận xét chung sau đây :

1) Xét đại-ý bài báo, học-giả Trương-Quân-Chương đã đề-cao sự hùng-cường và « tinh-thần cứu khổ phò nguy » của các triều-đại Trung-Quốc, có lẽ ông tưởng viết như thế có thể gây được lòng cảm-phục của người Việt-Nam chăng. Song sau khi đọc bài báo nói trên, nhiều người Việt-Nam cho rằng học-giả Trương-Quân-Chương có óc

chúng-tộc không được rộng rãi và có ý bênh-vực những cuộc xâm-lãng của đế-quốc xưa.

2) Nhiều người Việt-Nam còn phàn-nàn : Trong những sách giáo-khoa Hán-văn do Bộ Giáo-Dục Trung-Hoa Dân-quốc đã xét định cho dạy tại các trường học Trung-Quốc, có những câu sai lầm về lịch-sử, địa-lý Việt-Nam, có thể xúc-phạm đến danh - dự của Tổ - tiên người Việt-Nam và gây sự hiểu lầm giữa hai dân-tộc Hoa-Việt. Tôi đã được đọc một số sách giáo - khoa. Trung-Quốc do Chính-Trung thư-cục (Hong-Kong) ấn - hành, nay xin kể ít câu sai lầm ấy để làm dẫn-chứng,

— Thời ấy, thanh-uy triều Nguyên rất thịnh, phía đông đánh nước Nhật-bản, phía nam các nước Qua-oa (Java) (1), An-Nam, Diến-Điện, trước sau theo về xin phụ-thuộc. — Lịch-sử khóa-bản (Cao-cấp Tiểu-học, không đề tên tác-giả) quyển thứ II, trang 23, dòng 9, 10.

(1) Những chữ ghi trong dấu hoặc () đều do tác-giả bài này chú-thích thêm.

— Trong đời các vua Thanh Thánh-tổ cùng Thanh Cao-Tông... các nước An-Nam, Diến-Điện, Nê-Bạc-Nhĩ (Népal) đều liệt làm nước phiên-thuộc. — trang 8, dòng 3, 4, quyển thứ III, sách nói trên.

— Trong bộ sách ấy, quyển thứ II, trang 28, có in bản-đồ « Minh-dại cực-thịnh thời-dại cương-vực đồ » vẽ hình - thể nước Việt-Nam và đề tên Giao-Chỉ An-Nam ở trong phạm-vi hình-thể Trung-Quốc.

Quyển thứ III, trang 8, có in bản-đồ « Thanh-dại cực-thịnh thời-kỳ cương-vực đồ » vẽ hình-thể nước Việt-Nam và đề tên An-Nam ở trong phạm-vi hình-thể Trung-Quốc.

— Sau cuộc chiến-tranh, hai nước Hàn-Quốc, Việt-Nam ở dưới sự thao-túng của Tô-Tiên (Nga-xô), đều có nguy-chính quyền cùng chánh-phủ đối-lập. Sách nói trên, quyển thứ IV, trang 46, dòng 8, 9.

— Người Pháp bổ-nhiệm Hy-lạp-đặc (Philastre) làm chức kinh-lược Việt-Nam,

Hoàng-đế Caligula

Cồ kim có lẽ chưa có vị đế-vương nào hung-hãn, độc ác cho bằng Caligula, trị vị đế quốc La-Mã từ năm 37 tới năm 41. Gần như hóa điên, ông muốn cho nhân-dân La-Mã chỉ có một đầu để ông có thể chặt bằng một lát gươm ; ông lại phát rồ đến mức phong cho con ngựa Incitatus lên chức chấp-chính. Về cách-trị dân, ông có ý-kiến sau này : « Chúng oán ta cũng được, miễn chúng sợ ta là đủ. »

được người Việt-Nam tín-nhiệm (?) đến năm Đồng-Trị thứ 3 (1874) đính-ước cùng người Việt (?), thừa-nhận nước Việt-Nam làm nước độc-lập (!) do nước Pháp bảo-hộ. — Lịch-sử (Nam-dương Hoa-kiều, Cao-cấp Tiểu-học, tác-giả Trần-duy-Lân), quyển thứ III, trang 13, dòng 11.

— Vì muốn bảo-tồn nguyên-khí (!) của người Việt-Nam, nên Chính-phủ nhà Thanh chẳng muốn tiếp-tục tác-chiến, liền cùng với người Pháp nghị-hòa. — (Cùng một trang với câu kể trên).

— Nhân-dân Hán Việt đều có thể nắm giữ triều-chính, cho nên những người làm vua ở Việt-Nam trải qua nhiều đời đều thuộc họ người Tàu, như ba triều Đinh, Lê, Lý trong đời nhà Tống, ba triều Trần, Lê, Mạc trong đời nhà Minh, hai triều Lê, Nguyễn trong đời nhà Thanh đều như thế... Đến nỗi người Việt-Nam còn có rất nhiều tư-tưởng Hán-tộc, như trong thời-kỳ người Việt đánh quân Nguyên, thường mặc áo mũ đời nhà Tống để đánh giặc. Về sau lũ người ấy đều bất-mãn với các y-phục, tập-tục của người Mãn-Thanh. — Sách nói trên, quyển thứ III, trang 15.

— Hoa-kiều di-cư vào nước Việt-Nam, từ sau khi Tần-Thủy-Hoàng sai 50 vạn dân bị đày vào Việt-Nam, rồi đời nào cũng có tăng thêm... Sau nhân nước Việt-Nam cần dùng đến Hoa-kiều, xin mở biên-giới Việt-Nam mời Hoa-Kiều vào. — Sách nói trên, trang 16.

— Việt-Nam, Ai-Lao, Giã-Phô-Trại (Cambodge) hiện thời ở trong liên-bang Pháp. Ai-Lao, Giã-Phô-Trại là những đơn-vị hành-chánh của nước Việt-Nam. — Địa-lý (Nam-Dương Hoa-kiều, Cao-cấp

Tiểu-học, tác-giả Chương-Hy-Lâm) quyển thứ III, trang 26.

Còn nhiều câu sai lầm khác, tôi không thể kể hết trong bài này. Vì thế, có người đã ngỏ ý-kiến :

« Nếu muốn cho những sách giáo-khoa ấy được nhập-cảng vào Việt-Nam, cơ-quan hữu-trách Trung-Quốc nên đính-chính những câu sai lầm về lịch-sử, địa-lý Việt-Nam. »

Thật không có người nào muốn sửa chữa những sách sử-ký Trung-Quốc hoặc Việt-Nam do người đời trước đã viết, như có một độc-giả nhật-báo Tự-Do đã làm tường (xem bài « Có nên sửa đổi lịch-sử vì mục-đích lợi-ích hay không ? » đăng nhật-báo Tự-Do số 958 ra ngày 7-3-1960.)

3) Đọc bài báo của học-giả Tường-Quân-Chương, tôi không đồng ý với những ông đã nói : « Những sử sách Việt-Nam biên-soạn trong hồi Pháp-thuộc, có ghi chép nhiều đoạn lịch-sử rất bất-lợi cho Trung-Hoa, mà hiện nay vẫn còn sử-dụng.

— .. Người Pháp đã đề-cao sự kiện lịch-sử của Trung-Nữ-Vương...

— .. Nhà cầm-quyền Pháp đã cấm người Việt-Nam đọc các sách về Trung-Hoa. »

Sự thật, những sử-sách hiện nay đang sử-dụng tại các trường học Việt-Nam Cộng-Hòa đều do người Việt-Nam mới soạn sau ngày nước nhà thu-hồi độc-lập ; các soạn-giả đã tham-khảo những sử-liệu do các sử-gia Việt-Nam, Trung-Hoa và người Pháp viết, không có điều gì bất-lợi cho Trung-Hoa ; trừ những sự-kiện có thực như các cuộc đò-hộ cùng việc xâm-

lãng của các triều-đại Trung-Quốc mà không ai có thể chối-cãi được. Nếu có điều gì sai lầm trong lịch-sử Việt-Nam, bắt-lợi cho Trung-Hoa, mong Quý-vị đăng lên báo-chí để chúng ta cùng thảo-luận.

— Không khi nào người Pháp lại đề-cao sự-kiện lịch-sử của Trưng Nữ-Vương, khiến người Việt-Nam thêm tính tự-hào, tinh-thần tranh-đấu để chống lại quyền-lực của thực-dân Pháp.

Để dẫn-chứng, tôi tạm dịch một đoạn trong bài cuộc viễn-chinh của Mã-Viện (L'expédition de Ma-Yuan) của giáo-sư Henri Maspero, đăng trong tập kỷ-yếu trường Viễn-Đông Bắc-Cổ, năm 1918 : « Ông ấy (Mã-Viện) bằng lòng cho Lưu Long dẫn một đạo quân với sứ-mạng tiêu-diệt hai chị em (bà Trưng). Sau cuộc chiến-tranh trong nửa năm, Lưu-Long đuổi kịp hai bà ở Kim-Khê hay Cấm-Khê. Người An-nam lại bị đánh bại một lần nữa. Trưng-Trắc và Trưng-Nhị bị bắt và bị giết cùng với một ngàn nghĩa-quân. Số quân sĩ còn lại phải đầu hàng, và trận chiến-thắng đưa đến sự hàng-pnục của tất cả dân-chúng miền thượng-du hơn 20.000 người (tháng giêng năm 44). Thủ-cấp của hai chị em (bà Trưng) gửi sang Lạc - dương » (1).

(1) Il se contenta de donner à Lieou Long le commandement d'une colonne avec mission de réduire les deux soeurs. Celui-ci, après une campagne qui dura une demi-année, réussit à les atteindre à Kim-K'i ou Câm-khê. Les Annamites furent encore une fois battus. Tcheng Tso et Tcheng Ni furent prises et mises à mort avec un millier de leurs partisans. Le reste se soumit, et cette victoire entraîna la soumission de toutes les populations de la haute région au nombre de plus de 20.000 hommes (Janvier 44). Les têtes des deux soeurs furent envoyées à Lo-yang (BEFEO XVIII—III 17—18).

Xem đoạn trên đây, tôi nhận thấy giáo-sư Henri Maspero đã viết về cái chết của hai bà Trưng đúng theo sử-liệu trong Hậu-Hán thư (2), chứ không theo các sách sử Việt - Nam đã chép : « Hai bà Trưng gieo mình xuống sông Hát-giang mà tự-tận. » Vậy nói người Pháp đã đề-cao sự-kiện lịch-sử của Trưng Nữ-Vương, thật không đúng.

— Trong suốt thời-kỳ cai-trị Việt-Nam, không khi nào các nhà cầm-quyền Pháp lại ký một nghị-định cấm người Việt-Nam đọc các sách vở Trung-Hoa thuộc loại cổ-điển ; họ chỉ cấm người Việt-Nam đọc những tân-thư viết bằng Hán-văn, Việt-văn hoặc Pháp-văn nói về chính-trị có hại đến quyền-lợi của thực-dân Pháp và của các vua quan đương-thời. Nói như thế, không phải tôi có ý biện-hộ cho người Pháp, nhưng tôi không muốn trong khi người Pháp không còn quyền-thế ở Việt-Nam, chúng ta lại nói sai công việc của họ.

4) Tôi cũng không đồng ý với một ông đã viết :

« Điều đáng để ý là tài-liệu Trung-Hoa để lại đều soạn trước tài-liệu của ta hơn mười thế-kỷ, vậy ta phải công-nhận rằng tài-liệu ấy có giá-trị hơn là tài-liệu của ta. Nếu ta có điểm nào dị-đồng giữa sử-ta và sử Trung-Hoa thì chúng ta phải đủ can-đảm và vô-tư để theo sự ghi chép của sử Trung-Hoa » (3). Sau khi đọc những

(2) Một trong 25 bộ chính sử mà bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Trung-Hoa Dân-Quốc gửi tặng bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Việt-Nam Cộng-Hòa.

(3) Đăng nhật báo Tự-do số 955 ra ngày 3-3-1960.

câu trên đây, tôi lấy bộ Nguyên-sử (1) ra xem những quyển chép công việc đời Nguyễn Thế-Tổ làm vua Trung-quốc từ năm 1277 đến năm 1294). Vì bộ sử này chép theo cách biên niên (chép công việc xảy ra trong mỗi năm), nên thỉnh-thoảng mới tìm thấy một đoạn nói về việc Thoát-Hoan (Trần-Nam-Vương) đem quân sang đánh Việt-Nam trong hai lần. Phần nhiều các đoạn ấy nói đến những trận chiến-thắng của quân Nguyên. Về việc Thoát-Hoan phải rút quân về Tàu lần thứ nhất, sau khi quân Nguyên thua lớn ở hai trận Tây-kết, Vạn-kiếp (1285), bộ Nguyên-sử, quyển thứ 13, trang 9B chép rằng : « Trần Nhật-Huyên (2) chạy ra cửa bể, Trần-Nam-Vương sai Lý Hằng đuổi theo đánh bại đó. Gặp khi nắng, mưa và bệnh dịch phát, quân lính muốn trở về Bắc qua châu Tư-Minh (Trần-Nam-Vương) sai lữ Toa Đô trở về Ô-lý, theo quân

An-Nam đuổi theo, Toa Đô chết trận. Để bảo-vệ Trần-Nam-Vương, Hằng chống-cự ở phía sau, bị tên thuốc độc bắn trúng đầu gối bên trái, về đến châu Tư-Minh, bị thuốc độc phát lên mà chết ».

Về việc Thoát-Hoan chạy về châu Tư-Minh (Quảng-Tây) lần thứ hai, sau khi quân Nguyên bị thua lớn ở Bạch-dăng-giang (1288), bộ Nguyên-sử, quyển thứ 15, trang 3, chép rằng :

« Trần-Nam-Vương đóng quân ở châu Tư-Minh, sai Ái-Lỗ dẫn quân về Vân-Nam, Áo-Lỗ-Xích đem quân về Bắc. Nhật-Huyên sai sứ sang tạ lỗi và dâng người vàng để thay tội mình ».

Tôi nhận thấy các sử-liệu trên đây che dấu những thất-bại của quân Nguyên và nói vu cho vua Trần-Nhân-Tông là người đã lãnh-đạo quân dân Việt-Nam đánh đuổi quân Nguyên. Tôi lại đem so-sánh những câu trong hai bộ chánh-sử Việt-Nam và Trung-Quốc cùng chép việc tướng nhà Tống là Quách-Quy đem quân sang đánh Việt-Nam năm Bình-Thìn (1076), tướng

(1) Một trong 25 bộ chánh-sử của bộ Giáo-Dục Trung-Hoa Dân-quốc gửi tặng bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Việt-Nam Cộng-Hòa.

(2) Tên vua Trần-Nhân-Tông (1279-1293).

« John Bull » và « Uncle Sam »

Người ta thường hay dùng tên *John Bull* để chỉ người dân Anh-quốc. John là tên thường, cũng như tên Giáp, tên Ất của ta; còn Bull là con bò mộng. Cách gọi trên có ý ám chỉ người dân ấy nặng-nề mà ương-ngạnh như con bò mộng.

Người dân Mỹ-quốc thì gọi là *Uncle Sam*, chú Sam, là tiếng nhân-cách-hóa giễu cợt nền dân-chủ Mỹ-quốc và gồm những chữ đầu của những tiếng United States of America (Hiệp-Chúng-Quốc Mỹ-Châu) : *U.S Am* biến thành *Uncle Sam*.

Việt-Nam là Lý-Thường-Kiệt đem quân cự-định, quân nhà Tống phải rút lui.

Đại-Việt sử-ký toàn thư, bản-kỷ, quyển thứ ba, trang 16B, chép rằng: « Lý-Thường-Kiệt đón quân Tống ở sông Như-Nguyệt, cả phá quân Tống chết hơn ngàn người. Quách Qui dẫn quân lui. Tống-sử, bản-kỷ, quyển thứ 15, trang 9B, chép rằng: « Lý Hiên-Đức (1) sai người dâng tờ biểu đến cửa quân xin hàng, Quách-Quy bèn đem quân trở về.»

Nếu chúng ta cho rằng tài-liệu của sử Trung-Quốc có giá-trị và đúng hơn tài-liệu của sử Việt-Nam, tức là chúng ta đã làm những việc không công-bằng, không hợp-lý và phủ-nhận những công-nghiệp của Tổ-tiên. Tôi nghĩ rằng: bộ sử nào có giá-trị — không phân-biệt của Trung-Quốc hay của Việt-Nam — là chép đúng những sự-kiện quan-trọng đã xảy ra, cùng nói lên được tình-trạng sinh-hoạt và sự tiến-triển của xã-hội đương-thời. Người khảo-cứu lịch-sử cần tham-khảo nhiều sách sử của nước nhà và của ngoại-quốc, nhưng phải biết phán-đoán, suy-luận xem sử-liệu nào có tính-cách vô-tư và chính-xác hơn, mới có thể theo được; chứ không nên có thành-kiến: sử Tàu viết trước có giá-trị hơn sử Việt-Nam viết sau.

5) Tây-triết đã nói: « De la discussion jaillit la lumière: Nhờ biện-luận mà nảy ra chân-lý ». Tôi ước mong Quý-vị độc-giả xét thấy điều gì sai lầm trong bài này sẽ cho biết ý-kiến. Tôi lại mong ông Quang-Triết (2) đã có công dịch bài báo Hoa-văn đăng nhật-báo Tự-do, nay sẽ dịch bài này ra Hoa-văn đăng Trung-Ương nhật-báo tại Đài-Loan, để học-giả Trương-Quân-Chương cùng Quý-vị độc-giả Trung-

Ương nhật báo sẽ cùng chúng tôi trao đổi nhiều ý-kiến về vấn-đề đính-chính sử-liệu.

Bây giờ tôi xin đem những sử-liệu quan-trọng mà học-giả Trương-Quân-Chương đã viết trong bài báo, đặt thành những câu hỏi để tiện việc bình-luận.

1. — Việc quật - khởi của chị em bà Trưng có tính - cách đòi hỏi độc - lập không ?

Học-giả Trương-Quân-Chương đã viết: « .. Việc quật - khởi của hai chị em bà Trưng có tính - cách phục - thù hơn là đòi hỏi độc - lập. Hai chị em bà Trưng đã bị đối xử bạo-ngược của một viên quan-liều địa - phương, khi vị quan đó đã giết mất chồng của bà, đây là một thực-sự rất rõ-rệt ». Để giải-đáp vấn-đề này, tôi chưa cần nêu những sử-liệu Việt-Nam, tôi chỉ trích - dịch một đoạn trong Hậu - Hán thư (3), quyển thứ 54, trang 7B: « Đàn bà Giao-Chỉ là Trưng-Trắc cùng em gái là Trưng-Nhị làm phản. Trưng Trắc là con gái Lạc-tướng huyện Mê-Linh, gả làm vợ Thi-Sách, người Châu-Diên, rất hùng-dũng. Quan thái - thú Giao - Chỉ là Tô-Định dùng pháp-luật ràng-buộc đó, Trắc oán giận nên làm phản. Đánh chiếm quận.

(1) Tên vua Lý Nhân-Tông (1072-1127)

(2) Trong bài đăng nhật-báo Tự-do số 952, dịch-giả Quang - Triết đã giới - thiệu học - giã Trương-Quân-Chương là một giáo-sư, sử-gia ở Đài-loan; năm trước được cha Raymond de Jeagher (Giám-đốc hiệp-hội Tự-do Thái-bình-đương tại Việt-Nam) mời qua Sài-Gòn, để biên soạn sách giáo-khoa Hoa-văn về môn sử-ký, địa-dư và công dân giáo-dục.

(3) Một trong 25 bộ chính-sử do bộ Giáo-Dục Trung-Hoa Dân-quốc gửi tặng bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Việt-Nam Cộng-Hòa.

Người man-di ở Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phố đều hưởng-ứng, cướp hơn 60 thành ở Lĩnh-ngoại. Trắc tự lập làm vua. Vì thế, sắc phong (Mã) Viện làm Phục-ba tướng-quân, dùng Phù-lạc-hầu Lưu Long làm phó cùng Đốc-lâu-thuyền tướng-quân Đoàn Chí, sang phương Nam đánh Giao-Chỉ ».

Đoạn trên đây đã nói nguyên-nhân cuộc khởi-nghĩa của hai bà Trưng là « Tô Định dùng pháp-luật ràng-buộc đó, Trắc oán-giận nên làm phản ». Chúng ta có thể hiểu rộng thêm : vì chính-sách cai-trị quận Giao-Chỉ của quan lại Trung-quốc đời ấy do Tô-Định lãnh-đạo rất tàn-ác, bó-buộc, nên chị em bà Trưng mới khởi-nghĩa để phá tan xiềng-xích của người Tàu, lấy lại quyền cai-trị Giao-Chỉ cho người Giao-Chỉ, không cần sự bảo-hộ của người Trung-Quốc ; như thế tức là cuộc khởi-nghĩa của hai bà Trưng có tính-cách đòi hỏi độc-lập. Còn việc Tô-Định giết Thi-Sách chỉ là cái động-cơ thúc đẩy cuộc khởi-nghĩa của hai bà Trưng chóng bột-phát và thêm phần mãnh-liệt. Nếu hai bà Trưng không hành-động hợp với nguyện-vọng của dân

chúng thì cuộc khởi-nghĩa ấy không thể thu được kết-quả tốt-đẹp và nhanh-chóng như Hậu-Hán thư đã chép : « .. Đánh chiếm quận. Người man-di ở Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phố đều hưởng-ứng, cướp hơn 60 thành (1) ở Lĩnh-ngoại... » Nếu hai bà Trưng quật-khởi chỉ có tính-cách phục-thù cá-nhân, thì mấy người đã chịu hy-sinh cho cuộc khởi-nghĩa ấy.

Sử-liệu Việt-Nam còn chép rằng : « Bà quả-phụ Man-Thiện cùng con gái là hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị và con rể là Thi-Sách luyện-tập binh-mã, định ngày khởi-nghĩa, để lật-đổ chế-độ đô-hộ của Trung-Quốc. Tô Định biết việc ấy mới giết Thi-Sách, làm cho cuộc khởi-nghĩa chóng bùng-nổ ».

Học-giả Trương-Quân-Chương còn viết : «... Nếu khi đó hai chị em bà Trưng Nữ-Vương, sau khi đã giết (2) được

(1) Các sách sử Việt-Nam chép : « Hai bà Trưng khởi-phục được 65 thành ».

(2) Hai chị em bà Trưng đánh đuổi Tô-Định trong năm canh-tý (40), Tô Định chạy trốn về quận Nam-Hải, chứ hai bà không giết Tô Định.

Ông thánh say

Lưu-Linh đời Tấn là một trong thất hiền. Ông thường mượn rượu làm thú khiển-hứng ; ông sai khiến được rượu mà rượu không sai khiến được ông. Ông làm bài phú « Tửu đức tụng » đề ca tụng công đức của làng rượu, người đời gọi ông là « tủy thánh », ông thánh say.

Tô Định, bình-định được khu-vực sông Hồng-Hà, mà dùng tiến quân lên phía bắc, thì rất có thể là đã không có chuyện Mã-Viện chinh nam ».

Không có sách sử nào chép : sau khi bà Trưng khôi-phục được hơn 60 thành trong địa-phận Việt-Nam, lên ngôi vua, còn tiến quân lên đánh miền Bắc. Chính Hậu-Hán thư chép rằng : « ... Trắc tự lập làm vua. Vì thế sắc phong Viện làm Phục-ba tướng-quân, dùng Phù-lạc-hầu Lưu Long làm phó cùng Đốc-lâu-thuyền tướng-quân Đoàn-Chí, sang phương Nam đánh Giao-Chỉ ». Phải chăng lý-luận của học-giả Trương-Quân-Chương có tính-cách nguy-biến ?

II. — Người Việt-Nam có tôn-trọng, sùng-bái Mã-Viện không ?

Sử-gia Trương-Quân-Chương viết : « Mã-Viện sang Việt-Nam, đã giúp ích rất nhiều trong công cuộc ổn-định trật-tự tại Bắc-Việt, kiến-thiết những công-tác dân thủy nhập điền, mở mang giao-thông, tu-chính lại luật-pháp, nhưng thực sử này chứng-minh chính-sách của đời nhà Hán Trung-quốc, chỉ có một mục-đích là lập lại trật-tự tại nơi địa-phương. Vì vậy mà suốt một giải từ Lạng-Sơn cho tới Hà-nội, dân chúng Việt-Nam đã lập nên biết bao nhiêu chùa Bạch-Mã, để phụng thờ Mã-Viện tướng-quân ; sự-kiện thực-sử này, càng chứng tỏ rằng người Việt-Nam đã tôn-sùng Mã-Viện, đây là những việc rất phổ-biến trước ngày người Pháp tới Việt-Nam ».

Sách Việt-Sử tân-biên của Phạm-Văn-Sơn (trong quyển I, trang 194) đã chép công việc kể trên như sau : « Mã-Viện đi kinh-lý khắp mọi nơi từ Giao-Chỉ đến Cửu-Chân, đặt đồn ải, thành-trì để phòng-

ngự cuộc dấy loạn. Chỗ nào có cư-dân đông-đúc, Mã-Viện đặt quận huyện rồi dùng người Trung-Quốc điều động guồng máy cai-trị. Nơi nào rộng quá thì chia xẻ ra cho nhỏ đi để tiện việc kiểm-soát của các huyện-lệnh. Chỗ nào có thể mở mang việc canh-tác, Mã-Viện cho đào sông khai ngòi. Về luật-pháp, Mã-Viện xin Hán-triều ban-bổ một chế-độ riêng biệt cho người Việt, tất-nhiên để câu-thúc kỹ-càng dân bản-địa (Hậu-Hán thư, quyển 54). . . . Chúng tôi nói cuộc cải-cách của Mã-Viện là điều bi đát, bởi chúng tôi nghĩ rằng nó đã thủ-tiêu một phần quan-trọng cái tinh-thần cổ-hữu của người Lạc-Việt... » Và đoạn dưới đây chép trong trang 199, 200 :

« Sau này Mã-Viện chết đi, người Trung-Quốc làm đền thờ có tượng to lớn có ý phô-trương cái uy-danh của Mã-Viện để thị oai với ta. Đền thờ này ở thị-trấn Đông-Hung trông sang đất Mon-cay của ta. Ở Thủy-Khẩu đối diện với tỉnh Lao-Kay là một tỉnh thuộc biên-giới Việ-Hoa ngày nay, cũng còn thấy tấm biển bằng đá hay bằng đồng thì không rõ, có đề chữ « Phục-Ba-nhai ».

Một người Việt qua thăm đền Mã-Viện, cảm-khái có bài thơ mỉa-mai như sau :

*Trèo non vượt bể biết bao trùng !
 Một trận Hừ-Tây chút vẫy-vùng.
 Quốc thước khoe chi mình tóc trắng,
 Cán đai đọ với khách quần hồng.
 Gièm chế lường những đày xe ngọc,
 Công cán ra chi dựng tượng đồng.
 Ai đó chép công ta chép oán,
 Công riêng ai đó oán ta chung. »*

Sách Việt-Nam sử-lược của Trần-Trọng-Kim chép (trong trang 49) như sau :

« Mã Viện đánh được Trưng-Vương đem đất Giao-Chỉ về thuộc nhà Hán như cũ, rồi chỉnh-dốn binh-lương, đem quân đi đánh dẹp các nơi, đi đến đâu xây th nh đắp lũy đến đâu và biến-cải cả mọi cách chính-trị trong các châu quận. Đem phủ-trị về đóng ở Mê-Linh và dựng cây đồng trụ ở chỗ phân địa-giới, khắc sáu chữ : « Đồng trụ chiết Giao-Chỉ diệt : Cây đồng trụ mà đổ, thì người Giao-Chỉ mất nòi ».

Từ đó chính-trị nhà Đông-Hán càng ngày càng ngặt thêm, mà những quan-lại sang cai-trị Giao-Chỉ thường có làm người tàn-ác, tham-những... »

Có lẽ sử gia Tởng-Quân-Chương không ngạc-nhiên khi biết người Việt-Nam đã không tôn-sùng Mã Viện, lại còn oán giận Mã-Viện, vì Mã-Viện đã dẫn quân xâm-lăng Việt-Nam, giết hại bà Trưng cùng hàng ngàn chiến-sĩ Việt-Nam thời bấy giờ. Những việc cải-cách của Mã-Viện chỉ nhằm mục-đích củng-cố chế-độ trực-trị đất Giao-Chỉ của Trung-Quốc. Nếu không có những cuộc chiến-đấu anh-dũng của tổ-tiên người Việt-Nam từ thế-kỷ thứ III (1) trở về sau, có lẽ giống nòi Lạc-Việt đã cùng chung số phận với các chủng-tộc Bách-Việt khác (2).

(1) Bà Triệu-Thị-Trình, người huyện Nông-Cống, tỉnh Thanh-Hóa, khởi-nghĩa đánh quân Đông-Ngô trong năm mậu-thìn (248).

(2) Các chủng-tộc Ơ-Việt ở tỉnh Chiết-Giang, Mân-Việt ở tỉnh Phúc-Kiến, Dương-Việt ở tỉnh Giang-Tây, Nam-Việt ở tỉnh Quảng-Đông, Lạc-Việt ở nước An-Nam, đều gọi là Bách-Việt (theo sách Từ-nguyên chính-tục-biên, tập Dậu, trang 64).

Sử - gia Tởng-Quân - Chương viết : « Từ Lạng-Sơn cho tới Hà-Nội, dân chúng Việt-Nam đã lập nên biết bao nhiêu chùa Bạch-Mã để phụng-thờ Mã-Viện tướng-quân... »

Để giải-đáp vấn-đề trên, tôi xin trích-dịch bài đền Bạch-Mã trong trong (trang 34) sách « Temples et pagodes de Hà-nội : Đền và chùa ở Hà-nội » của hai soạn-giả Vũ-Đặng-Minh và Nguyễn-Phú-Hội (trường Viễn-Đông Bắc-Cổ) như sau ;

1. — Bạch-Mã (Cheval blanc).

• Thần bảo-vệ phía đông Hà-nội.

Đó là vị thần giúp việc xây thành Đại-La (Hà-Nội) được thời Cao-Biến (Kao Pi'en). Khi xây thành, Cao-Biến nằm mộng thấy một vị thần cưỡi ngựa, sợ có thể gây ra những sự khó-khăn cho việc xây thành, liền dùng thuật-trấn-yểm tại bốn phương trong thành, song đều vô-hiệu ; đành cho xây một cái đền thờ vị thần ấy và phong là thần Long-Đổ.

Năm 1010, vua Lý Thái-Tổ đắp núi Long-Đổ tại nơi đó là trung-tâm của hoàng-thành. Còn đền thờ được dời sang phía đông, ở làng Hà-Châu, huyện Thọ-Xương (phố Hàng Buồm, Hà-Nội ngày nay). Thần Long-Đổ giúp vua Lý Thái-Tổ trong việc xây thành (Thăng-Long). Thành ấy xây theo dấu chân của một con ngựa trắng chạy vạch lối, rồi biến mất. Vậy nên vua (Lý Thái-Tổ) phong cho vị thần ấy là Bạch-Mã đại-vương-thần ngựa trắng, bảo-vệ thành Thăng-Long.

Đền này được sửa chữa trong đời Cảnh-Hưng (1740-1786) và trong thế-kỷ thứ XIX, là một đền-dài có tính-cách lịch-sử. Người ta thấy ở trong đền

ấy, có một cái tượng Mã Viện (hay Phục-Ba) bằng đồng. Bởi trong thời-gian gần đây, những Hoa-Kiểu không biết sự tích thần Bạch-Mã, tưởng lầm rằng đền ấy thờ Mã Viện, vì thấy chữ Mã là họ của viện tướng nhà Hán.»

Chính tôi đã có lần đến xem đền Bạch-Mã, ở phố Hàng Buồm, Hà-Nội, thấy trong cung cấm có cái tượng thần Bạch-Mã cao đến 1m40, còn ở góc bên hữu hậu-cung có cái tượng đồng Mã Viện chỉ cao độ 0m35 do người Hoa-Kiểu mới đặt vào đó. Đền Bạch-Mã còn thờ thêm nhiều vị thần khác như Tề Vương-Khi thánh-mẫu, Tiên-triết tôn-vị, Tây-

phối, Đông-phối, v.v... Vả lại, từ Lạng-Sơn đến Hà-nội, chỉ có một đền Bạch-Mã ở phố Hàng Buồm Hà-nội. Còn tại nơi khác, như trong nhà hội-quán Triều-Châu ở thị-xã Hội-An (Trung-Phần) có thờ Mã Viện, do Hoa-Kiểu dựng lên để lễ bái, cầu phúc, cầu tài và cầu được bình-yên trong khi vượt bể. Chứ người Việt-Nam không hề thờ Mã Viện tại một nơi nào cả.

LÊ-PHỤC-THIỆN

KỶ TỚI: III Các vua chúa Việt-Nam có phải người gốc Trung-Hoa không ?

* Bạn là kẻ lãnh-đạo, nhiều lúc bạn thấy những khó khăn bạn cho là không thể vượt qua nổi và bạn thấy cần phải thay đổi phương-pháp, thì người cộng-sự với bạn ở trong thế của người lo về chi-tiết, lại thấy không cần có sự thay đổi ấy chút nào. Chính họ muốn bạn đừng thay đổi chỉ-thị ban-hành lúc trước, trong khi bạn muốn bãi bỏ, vì không muốn để họ phải nỗ-lực quá đáng và bất lợi. Nhìn tự xa, một bờ giốc có vẻ khó vượt qua nổi, song một người dẫn đường trong miền đó có thể chỉ cho bạn một đường nẻ, bạn có thể theo đó mà leo lên tận chót đỉnh. (Courou)

« Thân danh là một quân-vương mà không bảo-vệ được thành ! »

Boabdil là vị vua Ả-rập cuối cùng còn chống giữ được thành trì cuối cùng của người Ả-rập ở trên đất Tây-ban-nha: sau hết, BOABDIL cũng bị vua FERDINAND và hoàng-hậu Isabelle đánh thua và lấy mất thành Grenade vào năm 1492 khi thành thất-thủ, mẹ vua BOABDIL gọi con bảo: « Mày ăn năn, hối-hận vì mất thành như một phụ-nữ, thân danh mày là một nam-tử, là một quân-vương mà không bảo-vệ được thành ».

Dòng tư-tưởng...

MỘT ĐẢO NGHỊCH VỀ GIÁ-TRỊ

Có người nhận xét thấy, hiện nay, trong nhiều tâm-hồn hình như có sự đảo - nghịch giữa giá-trị chủ - quan của chữ « thành » và giá-trị khách-quan của chữ « chân ». Người ta coi sự thành thật của một người sống bằng một tín-ngưỡng — tôn-giáo hay không — đáng trọng hơn giá-trị của chính tín-ngưỡng ấy : tín - ngưỡng sai lầm chưa hẳn là điều đáng quan-tâm ; điều thiết yếu cần xét là tín - ngưỡng có thành thật hay không mà thôi.

Sự đảo nghịch giữa hai giá-trị đó dễ đưa chúng ta tới chỗ nhận-định đề lượng thứ mọi điều mà không cần phân biệt chân, ngụy nữa. Người thành thật sống bằng tín-ngưỡng của mình đã đành rất đáng tôn trọng, song chúng ta tự hỏi sự thành thật của người tín - ngưỡng một phi nghĩa, liệu có thể khiến cho phi nghĩa ấy hóa thành chính nghĩa không ?

PHẠM-HOÀNG



TINH-TÚY

CỦA TRIẾT-LÝ PHẬT-GIÁO

« Chẳng phải tôi, cũng chẳng phải người
nào khác có thể đi con đường ấy cho anh.
Chính anh, anh phải tự đi cho anh. »

Walt Whitman

I

N GÃU-NHIÊN, thi-hào Walt Whitman đã nói một câu cao-siêu mà tất cả các nhà Phật-học và Phật-tử đều phải nghĩ-ngợi. Bởi thế, tôi muốn lấy câu văn trên của Walt Whitman để làm đề-từ cho bài tiểu-luận hôm nay.

Có thể nói cái tinh-túy của triết-lý Phật-giáo nằm gọn vào trong đề-

từ trên. Nó phân biệt Phật-giáo ra ngoài các tôn-giáo hữu-thần khác. Có thể nói tất cả giáo-lý của đức Đại-tử Đại-bi đều hướng về trung-tâm-điểm là sự tự-lực, sức cố-gắng của chính mình, của riêng từng cá-nhân. Kinh *Suttanipāta*, 1062 « Con ạ, chính con phải tự rán sức ». Kinh *Dhammapada*, 276 : « Chính con, con phải tự gắng sức, ta chỉ vạch

đường mà thôi » (1). Tôi không muốn đem so-sánh triết-lý của Sartre cùng triết-lý đức Phật ; song tôi khó lòng không nhớ đến Sartre mỗi khi đi vào giáo-lý căn-bản của Phật-giáo. Tôi cũng có thể lấy câu văn sau đây của Sartre để làm đề từ, thay thế cho câu của Walt Whitman : « Jupiter "ơi, vì ta là người và mỗi người phải tự tạo con đường đi cho chính mình » (Car je suis un homme, Jupiter, et chaque homme doit inventer son chemin) (2). Theo Phật-giáo thì mỗi người là kiến-trúc sư của cuộc đời mình. Chính bài tuyên ngôn của tạp-chí *La Pensée bouddhique* (3) cũng nhắm vào nguyên-tắc ấy để tóm-tắt đạo-lý nhà Phật.

Mỗi người làm chủ vận-mệnh mình và cả cuộc đời vị-lai của mình cũng do mình tạo lấy. Người Phật-tử không dựa vào cái mà những tín-đồ tôn-giáo khác gọi là *thánh sùng* (grâce divine). Bởi thế, có thể nói đạo lý nhà Phật đã đề cao tuyệt-đời giá-trị nhân-bản.

Đọc Kinh sách Phật giáo, người ngoại-đạo dù ngoan-cổ đến đâu cũng không thể ngăn cản được mỗi giao-cảm, mỹ-cảm trào tự đáy lòng. Năm 1856, Lamartine đọc sách Phật, cả tâm-hồn thi-nhân đều dao-động và

thi-nhân cảm thấy xót-thương đối với tất cả thú-vật ; ông thú thực như vậy : « Từ ngày ấy trở đi, tôi không sát sinh nữa... nước Ấn-độ đã mặc khải cho tôi một lòng từ-bi lớn lao hơn, đây là lòng từ-bi đối với toàn thể tạo-vật » (4). Sau nhiều năm suy nghĩ về Phật-giáo, năm 1862, Alfred de Vigny có ghi trong tập Nhật-ký những dòng chân-thành như sau « Chỉ có đức Phật mới không nói đến những sự thưởng phạt của trời. Lòng từ-bi là linh-hồn của đạo ngài... » (5). Hối năm 1950, sau bài diễn-thuyết *Bouddhisme et civilisation occidentale* của bác-sĩ André Migot tại Hội Phật Học Đà-lạt (14 tháng 4-1950), linh-mục Fernand Parrel có trả lời lại và đứng trên vị-trí Ki-tô-giáo. Cuộc tranh-luận giữa bác-sĩ Migot và linh-mục Parrel xảy ra một cách rất hào hứng và sôi-nổi. Tranh-luận gắt-gao là thế, mặc dù bên vực lập trường công giáo của mình, linh-mục Parrel đã nói một câu đáng để ý : « Đối với chúng tôi, người truyền-giáo hoặc người công-giáo, chúng tôi phải tỏ lòng tôn kính xâu-xa nhất đối với những người Phật-tử. Chúng ta không nên quên rằng lý-tưởng của họ là một lý-tưởng hoàn-thiện. Những gì tốt đẹp mà chúng ta tìm được trong cõi Viễn-Đông này, đây là nhờ Phật-giáo. » (Pour nous, missionnaires ou

(1) cf. M. Percheron : *Le Bouddha et le Bouddhisme*, trang 39 (Du Seuil, 1956).

H. de Glasenapp : *Les cinq grandes religions du monde*, trang 99.

A. K. Coomaraswamy : *La pensée du Bouddha*, trang 87, và 251. (Corréa, Paris, 1949).

(2) cf. Jean-Paul Sartre : *Les mouches* (Acte III Sc. II)

(3) *La Pensée bouddhique*, bulletin des amis du Bouddhisme, No 1 (Juillet 1939). Rédacteurs : M. La Fonteste G. C. Lounsbery.

(4) cf. R. Schwab : *La Renaissance orientale*, trang 381 - 383

(5) cf. Henri de Lubac : *La Rencontre du Bouddhisme et de l'Occident*, tr. 169 (collection « Théologie », études publiées sous la direction de la faculté de théologie s.j. de Lyon. Fourvière)

cf. Henri de Lubac : *Aspects du Bouddhisme*, tr. 28 (Éditions du Seuil, Paris 1950)

chrétiens, nous nous devons d'avoir pour les bouddhistes quels qu'ils soient, le plus profond respect. Leur idéal, ne l'oublions pas, est un idéal de perfection. Ce que nous avons trouvé de bon dans cet Extrême-Orient, ce que nous avons trouvé de beau aussi, c'est au Bouddhisme et à son influence moralisatrice que nous le devons). (1)

Bởi lý-tưởng của Phật-giáo quá cao-siêu và hoàn-thiện, nên có những tín-đồ của những tôn-giáo khác, khi thành-tâm tìm hiểu đạo-lý đức Phật, khó lòng không nghĩ đến việc đem so-sánh đức Phật và giáo-lý của người cùng vị giáo-chủ và tôn-giáo của họ. Bác-sĩ trứ danh Albert Schweitzer,, người được giải Nobel 1952, cũng không ngại-ngùng gì mà không đem so-sánh đức Phật Thích-Ca cùng Luther (2). Sau khi đem so-sánh Đức Phật Thích-Ca cùng Đức Giê-Su, linh-mục Romano Guardini lại nói : » Có

lẽ đấng Ki-Tô chẳng những có một người tiên-khu trong Cựu-ước-kinh là thánh Gioan, mà còn có một người tiên-khu khác ở trong lòng văn - minh thái - cổ là Socrate, và một người tiên-khu thứ ba là đức Phật Thích-Ca » (3) Nietzsche cũng không quên so-sánh Phật-giáo cùng Thiên-chúa-giáo. Trong bài thuyết-pháp *L'Essence de l'enseignement du Buddha*, đại-đức Nyanatiloka Mahà-thera có trích lại câu so-sánh sau đây của Nietzsche : « Phật-giáo hiện-thực hơn Thiên - chúa - giáo gấp một trăm lần... » (4). Năm 1883, Nietzsche có viết câu sau đây : « Zarathoustra đã thay-đổi, Zarathoustra đã trở thành trẻ thơ, Zarathoustra là bực Giác-ngộ » (5). Cha Henry de Lubac cho rằng ở đây *bực Giác-ngộ* có nghĩa là đức Phật (6). Ở Tây-tạng, một thầy

(3) Romano Guardini : *Le Seigneur*, cuốn I, trang 340 (bản dịch của Pierre Lorson).

(4) *Présence du Bouddhisme, France-Asie* trang, 241 (Fév-Juin, 1959 — 14^e année — N^o 153-157, tome XVI).

(5) Nietzsche : *Werke*, cuốn VI, trang 11.

(6) Henri de Lubac : *La Rencontre du Bouddhisme et de l'Occident*, trang 275.

(1) cf. *France-Asie*, No 51, Juin 1950, trang 47-88.

(2) Albert Schweitzer : *Les grands penseurs de l'Inde*, tr. 82-83 (Payot, Paris, 1950, bibliothèque scientifique, étude de philosophie comparée).

« Người lùn coi hát »

Người Trung-Hoa có thành-ngữ tượng-hình rất đúng thái-độ của kẻ thiếu lập-trường thiếu nhân-cách, chỉ biết a-dua, phụ-hoạ theo người, trong nhận-xét, trong phê-bình. Đó là câu : « nỳ nhân khán trường » (người lùn coi hát), người lùn coi hát đứng sau, không thấy gì, nghe người ta khen hay, thì cũng khen hay, nghe người ta chê dở, thì cũng chê dở.

lạt-ma nọ quan-niệm rằng Phật Thích-Ca, Giê-Su và Mahomet đều là những bậc tiên-tri cùng một thân-tính mà mang những tên khác nhau ! (1). Aldous Huxley, một trong những nhà văn thông-minh nhất ở Âu-châu, cho rằng đức Phật, đức Giê-Su và Lão-Tử chỉ là « một hình-ảnh của thực-tại » (2). Linh-mục Régis-Évariste Huc nghĩ rằng đặc-tính nổi bật nhất của Phật-giáo là tinh-thần nhu-hòa, bình-đẳng và bác-ái, trái ngược hẳn với tính vô-tình và kiêu-ngạo của Bà-la-môn-giáo (3). Trong khi ấy có học-giả như Ananda H. Coomaraswamy cố-gắng lôi kéo tất cả đạo-lý của đức Phật gắn liền vào truyền-thống Bà-la-môn ; trước kia ở Montpellier, trong buổi nói chuyện với đề-tài « *Quelques aspects de la philosophie édantique,* » Swâmi Siddhi - Swarananda nhất-quyết cho rằng tư-tưởng của đức Phật hoàn-toàn hòa-hợp với tư-tưởng trong các sách Upanishads (4).

Đó cũng là chủ-trương của triết-gia kiêm phó tổng-thống Ấn-Độ S. Radhakrishnan (5) và nhiều nhà học-giả Ấn-Độ khác.

(1) F. Grenard, in *Mission scientifique de Dutreuil de Rhins en Haute-Asie*, cuốn 1, trang 364-365 (cf Henri de Lubac, op-cit, trang 250).

(2) Aldous Huxley : *Marina di Vezza*, trang 411 (bản dịch của Julia Bastin, collection *Feux croisés*, 17^e mille).

(3) M. Huc : *Le christianisme en Chine...*, cuốn 1, trang 364.

(4) En réalité, sa pensée est complètement en accord avec celle des sages les plus profonds, ceux qui ont composé les Upanishads...

(5) cf. Radhakrishnan : *Indian Philosophy*, cuốn 1 (nhà xuất-bản Allen, London, tái-bản lần thứ 4, 1948).

Tân-kỳ hơn cả là tuyên-ngôn quyển *La voie parfaite* của những tác-giả vô-danh mà René Guénon có trích-dẫn lại vài đoạn trong quyển *Le Théosophisme* (6). Những vị này nhất-quyết hô-hào rằng Phật-giáo không thể hoàn-bị nếu không có Ki-tô-giáo và Ki-tô-giáo không thể nào hiểu được nếu không có Phật-giáo. Họ nói đại-loại : « Đức Phật và Đức Giê-Su đều thiết-yêu với nhau... Đức Phật là Người đàn-ông hay Trí-tuệ; Đức Giê-Su là người đàn-bà hay Trục-giác » !

Trước kia tại hội-nghị lịch-sử tôn-giáo ở Bâle (Thụy-Sĩ), tu-sĩ Kai-Kioku-Watanebe, giáo-sư đại-học đường Đông-Kinh, có đưa ra một kê-hoạch hợp nhất Phật-giáo và Ki-tô-giáo : « Cái tinh-túy của hai tôn-giáo không có sự khác nhau căn-bản nào cả » (*l'essence des deux religions ne présente aucune différence fondamentale*) (7).

Từ trên xuống đây, chúng ta đã thấy bao nhiêu quan-điểm của bao nhiêu học-giả đều trái ngược, mâu-thuẫn với nhau. Như thế nghĩa là gì ? Yêu-tính của Phật-giáo là gì ? Đứng trên giáo-lý căn-bản, Phật-giáo có giống Ki-tô-giáo như giáo-sư Kai-kioku-Watanebe đã chủ-trương ? Vậy cái tinh-túy của Phật-giáo là gì ? Cái tinh-túy của Ki-tô-giáo là gì ?

(6) René Guénon : *Le Théosophisme*, trang 178, Cf. Henri de Lubac, op-cit, p. 210.

(7) Tôi nhớ đến Râmakrishna, nhà thần-học nổi danh ở thế-giới. Râmakrishna là một bậc thần-thị và bậc thánh của Ấn-Độ : ngài cho rằng cái yếu-tính của mọi tôn-giáo không khác nhau « Thượng-đế chỉ là một, nhưng có nhiều tên khác nhau » ekam sad viprà bahudhâ vadanti).

Khu rừng Phật-học rất mênh-mông, mỗi nhà Phật-học chỉ nhìn được một vài đám cây nào đó, rồi phê-phán, quan-niệm Phật-giáo theo mình hiểu, bởi thế bao nhiêu cuộc tranh-luận đều không có ngõ ra, không có lỗ hở cho thoáng khí.

Giáo-sư Hữu Tùng Viên Đê (E. Tomomatsu) ở trường Đại-học Kyoto cũng đồng ý rằng kinh sách Phật rất rắc-rối khó hiểu, chứa đựng nhiều lý-thuyết phức-tạp, nát óc; còn Ki-tô-giáo thì tương-đối dễ hiểu hơn, Kinh-Thánh dễ rất đọc (1)

Ngày nay, ít người trí-thức nào không ý-thức rằng Phật-giáo là một trong những sự-kiện vĩ-đại của nền văn-minh thế-giới, là một yếu-tố của sự tổ-thành xã-hội và tâm-lý của toàn-thế Á-Châu. Bởi ý-thức như vậy, từ Á sang Âu, nơi nào cũng có nhiều người thành-tâm tìm hiểu Phật-Pháp. Ở Việt-Nam hiện nay, cũng có nhiều bậc trí-thức để tâm nghiên-ngẫm kinh sách Phật, nhưng đáng tiếc là không ít thì nhiều đều có người hoang-mang, chán nản, thất-vọng vì cho rằng Phật-giáo khó hiểu, phiền-toái, không thể lãnh hội được đâu là yếu-tính, đâu là căn-bản của Phật-giáo.

Chúng tôi quan-niệm rằng Phật-giáo không khó hiểu như nhiều người đã ngộ-giải. Phật-giáo có đặc-tính là rất uyên-chuyên, biết thích-nghĩ với tất cả. Mỗi dân-tộc, tùy theo tâm-tính đặc thù của mình, gán cho Phật

giáo một dạng-thái đặc-biệt. Bởi thế, nhiều người có cảm-tưởng rằng những biến-thể của Phật-giáo ở Việt-Nam, ở Tàu, ở Tích-Lan, ở Nhật, ở Tây-Tạng đều là những tôn-giáo khác nhau. Thực ra, đó chỉ là nhận xét hời hợt bề ngoài; chứ bên trong, nói theo André Migot thì « sau những sắc-diện khác nhau chỉ có một quả tim, quả tim ấy là Phật-Pháp » (2)

Phật-Pháp ấy chính là cái tinh-túy của triết-lý Phật-giáo, cái yếu tính, cái độc đáo đặc-biệt, phân biệt hẳn Phật-giáo cùng các tôn-giáo khác ở thế-giới.

Chúng tôi lại quan-niệm rằng muốn có kiến-thức sâu-sắc về Phật-giáo, muốn nhập-môn Phật-giáo một cách thâm-thúy, muốn không nhầm lẫn cái phụ và cái chính, muốn nắm được những triển-khai siêu-hình của Phật-giáo, muốn thấy được hình-ảnh trung thật nhất của Đức Phật, thì phải đi thẳng vào nguyên-điểm của Phật-giáo, mà nguyên-điểm ấy chính là kinh-điển Ba-li (Canon pâli); có thể sau này chúng ta mới có thể đi đến chân trời Đại-thừa với một tâm-tinh cao quang, khoáng-đạt và sâu rộng hơn.

Với những quan-niệm trên, tôi muốn trình-chính cùng độc-giả thiên tiểu-luận này với đề tài « cái tinh túy của triết-lý Phật-giáo »; sau đây tôi sẽ gởi ra một ý-niệm tóm lược

(1) cf. Tomomatsu : *Le Bouddhisme* (nhà F. Alcan, Paris, 1935).

(2) *Derrière ces visages divers bat un seul coeur qui est le Dharma du Buddha* (Dr. A. Migot : *Qu'est ce qu'un Bouddhiste ?*, France-Asie, No 84, Mai 1953)

TINH TÚY CỦA TRIẾT-LÝ PHẬT-GIÁO

về vài ba giáo-lý đặc-trung nhất của Phật-giáo, những gì đã hình thành cái *nguyên - điểm nhất - tri* (noyau d'unité) của tất cả các tông phái khác nhau, những gì đã xây-thành cái độc-đáo của Phật-giáo, phân biệt : Phật-giáo ra ngoài những tôn-giáo khác ở thế-giới.

Từ thuở nhỏ, tôi không được dưỡng - thành trong khí - hậu đức Đại-từ Đại-bi và trước kia, hoàn cảnh đã từng xây dựng cho tôi nhiều thành - kiến đối với Phật-giáo. Tôi tự biết mình không đủ điều-kiện và tư-cách để viết một đề-tài ra ngoài chân-trời học thức và tín-ngưỡng của mình. Thực ra, tôi chỉ là một kẻ hiểu tri, ham tìm tòi học hỏi. Tôi chỉ nuôi tham-vọng lãnh-hội được một ý-niệm chính-xác về tôn-giáo, nghĩa là tôi chỉ muốn *tim-hiểu* một hiện tượng nào đó của đời sống tinh-thần. Mà muốn lãnh hội rõ-ràng cái tinh túy, cái yếu-tính hay giá-trị của một hiện-tượng nào đó của thiên-nhiên hoặc của đời sống tinh-thần, tôi không thể mãn-nguyện khi chỉ hiểu biết được có một hình trạng trong những hình trạng của nó ; tôi phải tìm hiểu hiện-tượng ấy trong những diện mạo phức-hợp mà nó đã mặc qua trong thời-gian và không-gian. Nếu tôi muốn tìm hiểu *Tôn-giáo* thì tôi không thể nào chỉ

tìm hiểu *một Tôn-giáo* nào đó thôi. Max Müller, nhà Ấn-độ-học người Đức, đã mượn câu sau đây của thi-hào Goethe để đề-cập tôn-giáo : « Người nào chỉ biết có một tôn-giáo thì không biết gì cả (1). Đành rằng « thực ra, chân-lý là một, chứ không có chân-lý nào khác » (Suttanipàta, 884) ; đối với một tín đồ, chỉ biết một tôn-giáo của họ thôi, cũng đủ lắm rồi. Song, đối với một kẻ tìm hiểu tôn-giáo, chỉ dựa vào sự tri-thức về một tín-ngưỡng duy-nhất nào đó thôi, thì sự hiểu biết của họ chưa đủ, hãy còn phiến-diện, thiếu cạn lắm.

II

SỬ TÍNH CỦA ĐỨC PHẬT

Bất cứ nơi nào, sự vận-hành của tâm-trí con người cũng có phần giống nhau. Đối với những bậc xuất-chúng, siêu-phàm, ngoại-hạng... người đời thường không chịu nhận rằng cuộc đời của họ cũng giản-đị tầm-thường như mọi người ; người ta thường gán cho họ những gì tuyệt-diệu, siêu-thoát, lạ-lùng, lý-tưởng, nhất là những sự tích huyền-ảo, hoang-đường, thần-thoại. Chẳng hạn như

(1) Swami Nikhilananda : *Hinduism, its Meaning for the liberation of the spirit.*, trang XIX (it is almost impossible for an outsider to enter into the spirit of a religion in which he has not been brought up).

(2) cf. H. de Glasenapp : *Les cinq grandes religions du monde*, trang 5 (Payot, Paris, 1945).

« Dùng đá để mài ngọc »

Người ta ở đời thường khi nhờ lời nói của một kẻ khác mà sửa đổi được lỗi của mình. Kinh Thi diễn-tả cái ý ấy bằng một hình ảnh rất đẹp trong câu : « *Tha sơn chi thạch khả dĩ công ngọc* », đá núi khác có thể dùng để mài ngọc núi này.

người ta kể lại rằng trước khi sinh Lý-Bạch, bà mẹ bậc « trích tiên » này nằm mê thấy sao Trường Canh, rồi đến khi lớn đến 7 tuổi mà Lý-Bạch cũng chưa biết nói, nhưng một hôm, mẹ bỗng lên lầu, đột-nhiên Lý-Bạch cất giọng ngâm lên bốn câu thơ lạ lùng. Trước khi sinh ra đức Không-tử, bà Nhan-thị thấy một con Kỳ-lân nhả tờ ngọc thư : « Thủy-tinh chi-tử, kẻ suy chu vi tô-vương ». Đến khi sinh ra ngài, có hai con rồng tự trời bay xuống quấn chung quanh nhà và bà Nhan-thị nghe trên trời có nhạc réo-rắt hòa-lẫn với tiếng nói : « Thiên-cảm sinh thánh-tử » ! Đức Phật giáng-sinh vào một trường-hợp cũng thi-vị và huyền-diệu như thế. Khoảng nửa đêm, Hoàng-hậu Ma-Da nằm mộng thấy con bạch tượng sáu ngà tự trời cao từ từ giáng xuống và lấy ngà khai hông bên hữu của bà mà chun vào. Sau này, hoàng-hậu Ma-Da đi thưởng ngoạn hoa đẹp ở vườn Lam-tỳ-ni, thoạt thấy hoa vô-ưu mới nở, thơm ngát lạ thường, bà đưa tay với hái, thì ngay khi ấy, Thái-tử từ hông phải hiện ra, đi bảy bước, tay chỉ không-trung, tay chỉ xuống đất hô lên : « thiên thượng địa hạ duy ngã độc-tôn » !

Rồi còn bao nhiêu câu chuyện thần thánh, lạ thường, trác tuyệt vây quanh đức Phật. Bởi thế, trước thị-điểm khoa-học của nhiều học-giả Tây-phương, vấn-đề sự thực lịch-sử được đặt ra bàn cãi cực kỳ sôi nổi.

Có thể tin vào sử-tính (historicité) của đức Phật Thích-ca không ? Đức Phật có thực hay không ?

Ngày nay mà còn nêu lên những nghi-vấn trên, có thể làm khó chịu nhiều Phật-tử, nhưng chính những nghi-vấn ấy đã gây ra nhiều cuộc tranh-luận ồn-ào và hào-hứng ở Tây-phương vào cuối thế-kỷ XIX và đầu thế-kỷ XX.

Học-giả thông-thái như Kern và Émile Senart mà cũng phủ-nhận giá-trị lịch-sử của đức Phật. Kern kết-luận rằng đức Phật chỉ là một nhân-vật hoang đường, thần-thoại. Còn Émile Senart thì cũng đại-loại như thế, ông cho rằng đức Phật là nhân-vật của truyền-kỳ (mythe solaire). Đối với Kern và Sénart, đức Phật không có thực, chỉ là sáng-tác-phẩm của óc tưởng-tượng Đông-phương (1)

Đương đầu gát gao với Kern, Sénart là nhóm xác-nhận sử-tính của đức Phật mà lãnh-tụ là nhà Phật-học trứ danh của người Đức H. Oldenberg (2)

Ít lâu, rút cục, ai cũng phải nhận luận-thuyết của Oldenberg là song-hành với sự-thực lịch-sử. Khoa khảo-cổ học đã đưa ra những chứng-cứ rõ-ràng để chứng nhận rằng đức Phật là một nhân-vật lịch-sử, một người

(1) cf. Émile Senart : *Essai sur la légende du Bouddha, Son caractère et ses origines* (2e éd., Leroux, Paris, 1882)

(2) cf. H. Oldenberg : *Buddha, Leben, Lehre, Gemeinde* (Berlin, 1897) cf. H. Oldenberg, *Bouddha, his life, his doctrine, his order*; London, 1882, Engl. Vers. by W. Hoey.

có thực như đức Giê-Su và Mahomet trong lòng văn-minh nhân-loại.

Năm 1896, bác-sĩ Führer đã tìm được nơi sanh của đức Phật cùng chứng tích do đại-đề A-dục (Asoka) dựng lên khoảng thế-kỷ thứ III trước công-nguyên, có ghi như vậy : « Đức Thích-ca Mâu - ni đã sinh tại đây » (1). Ngoài ra, người ta còn có thể dẫn ra nhiều chứng-cứ khác để bác quan-điểm của Sénart, Kern.

Giáo-ly đức Phật rút từ kinh-nghiệm bản thân sống-động của cuộc đời ngài : cuộc đời ngài là sự thành-tựu sống-thực của giáo-ly ngài, là sự biểu chương hùng-hồn nhất và đẹp nhất của giáo-ly ngài.

« Chúng ta không thể nào quên rằng trong những trường-hợp của những tư-tưởng-gia vĩ-đại, nhất là những tư-tưởng-gia Đông-phương, chính trong cuộc đời của họ, tư-tưởng của họ được diễn-tả sâu-đậm, mãnh-liệt nhất » (2). Frederic Tomlin, giáo-sư ở đại-học đường Luân-đôn đã quan-niệm như thế ; tuy nhiên, về cuộc đời của đức Phật, nhiều người đã biết rõ, tôi không muốn dài dòng nhắc lại tất cả. Chỉ xin ghi lại sau đây những nét đậm trong

(1) cf. Royston Pike : *Dictionnaire des Religions*, trang 48 (P.U.F. 1934)

cf. Dr. André Migot : *Annuaire de la naissance du Bouddha*, trang 20 (France - Asie, N° 71 - Avril 1952)

(2) F. Tomlin : *Les grands philosophes de l'Orient*, trang 5 (Payot, Paris, 1952)

đời ngài, nhiên-hậu sẽ bàn đến cái tinh-túy của triết-ly ngài (3)

Cách đây trên 2500 năm tại Ấn-độ, dưới chân núi Hi-Mã-Lạp-Sơn nơi thành Kapildvatthu (Ca Ti-La Vệ), thị-trần của nước Kosala, một đấng trẻ chào đời, tên là Siddhattha (Siddhartha : Tất-Đạt-Đa), con của vua Suddhodana (Tinh-Phạn) và hoàng-hậu Maya (Ma-Da) theo Tây-lịch thì thái-tử Siddhattha sinh vào năm 563 (4) trước Tây-lịch. Thái-tử có họ là Gotama (Cổ-đàm). Hoàng-hậu Ma-Da sinh thái-tử được 7 ngày thì chết ; thái-tử được kẻ-mẫu nuông-chiếu, âu-yếm như mẹ ruột. Vua Tinh-Phạn yêu quý con vô-cùng và luôn-luôn tìm cách tránh tất cả những gì có thể làm thái-tử lo-âu, buồn khổ. Chàng sống một cuộc đời vương-giả, phú quý và hạnh-phúc nhất trần-gian. Rồi chàng lấy vợ đẹp, sinh con ngoan, cuộc đời hồn nhiên, tươi vui chuỗi ngày xuân bất-tuyệt... Một hôm, thái-tử dạo chơi ra ngoài thành về phía Đông, rồi ít lâu về phía cửa Nam, rồi cửa Tây, rồi cửa Bắc... Tứ môn xuất du : một lần, chàng gặp một người già yếu, run lay-bẩy, chông gậy đi một

(3) Về cuộc đời của đức Phật, xin đọc :

S. Beal : *The Romantic History of Bouddha* (London, 1875)

A. Foucher : *La vie du Bouddha* Payot, Paris 1959)

E. J. Thomas : *The Life of Buddha as Legend and History* (R. and Kegan, London, 1952)

E.H. Brewster : *Gotama le Boudda, sa vie d'après les Écritures Palies* (Payot-Paris 1951)

(4) Có thuyết cho là 624 năm trước Tây-lịch.

cách khó - nhọc ; lần khác, chàng gặp một người bệnh-hoạn xanh-xao, lần thứ ba, chàng gặp một xác chết thê-lương ; sau cùng, chàng gặp một người tu-hành, dáng điệu ung dung và vẻ mặt hiền-hòa, khoáng đạt. Mỗi lần gặp gỡ, là mỗi lần chàng thức tỉnh. À ra thế !... cuộc đời có đẹp gì đâu, khi tất cả đều trở về già, bệnh và chết ? Lần gặp gỡ thứ tư đã cho chàng thoáng thấy một phương thế để từ bỏ những thúc-phục của cuộc đời.

Một đêm trăng, năm hai mươi chín tuổi, chàng lia bỏ lấu-đài, điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan, cung tần mỹ nữ... để lang-thang vào rừng sâu núi thẳm quyết tâm tìm chân-lý.

Sau nhiều năm trời tìm thấy, học đạo khổ cực trăm phần, nào nhịn đói nhịn khát, nào tự hành hạ xác thân, thái-tử tìm được trung-đạo,

rồi chẳng bao lâu, thái-tử tìm được chân-lý, thấu suốt nguồn-gốc luân hồi, sinh-tử của chúng sinh : Thái-tử đã giác-ngộ và thành Phật.

Ngài đi thuyết-pháp, chuyên mê khai ngộ cho tất cả mọi người, được một thời-gian, đến năm 80 tuổi thì diệt-độ và nhập Niết-bàn. Năm đó là năm 544 có thuyết nói là : 483 trước Tây-lịch. Đức Phật đã diệt-độ, nhưng giáo-lý ngài còn nằm mãi trong lòng nhân-gian. Và hình-ảnh của ngài còn sáng mãi trước thân-phận bi-đát của con người.

PHẦN CÒN TIẾP

(còn tiếp)

NHỮNG KÝ SAU :

III. Yếu-tính của Phật-giáo

1. bản thê-luận Phật-giáo
2. hiên-tượng-luận Phật-giáo
3. đạo-đức-học Phật-giáo

* Dù có khiếu trực-giác nhạy bén thế nào và dù có kiên-quyết cứng rắn đến đâu, người lãnh-đạo nhiều khi cũng cảm thấy cần phải chỉnh lý lại chỉ-thị đầu tiên của mình. Song muốn cho phần lệnh ra được chính-đáng, không thể chỉ chú ý tới trở lực không mà đủ ; còn phải đấn đo tình-thế cho thật đúng đắn, cân nhắc ảnh-hưởng do phần lệnh gây ra và dự-trù mọi thê-thức cần-thiết để cho lệnh không đưa tới chỗ hỗn-loạn. (Courou)

* Khi một người lãnh đạo sợ không dám tuyên-bố mình đã làm hoặc biến-cố đã xảy ra vượt quá mức mình, là người ấy cho những kẻ cộng-tác với mình, không có đủ khả-năng để nhận xét thấy sự thật đó. Trong trường-hợp người lãnh-đạo đã coi thường khả-năng nhận xét của những người cộng-tác với mình như thế, thì không nên dùng họ nữa mới phải. (Courou)

Chương-trình khoáng-trương

nghề trồng cây cao su ở Việt-Nam

VŨ-ĐÌNH-LƯU (dịch)

Dịch bài thuyết-trình của ông François Schmitz. Tổng thanh-tra công-ty « Société Indochinoise de Plantations d'Hévéas » đọc tại cuộc Hội thảo về nghiên-cứu nghề trồng cao-su ở Việt-Nam do Hội Văn-Hóa Bình-Dân tổ-chức tại Xuân-Lộc ngày 10 tháng 4 năm 1960.

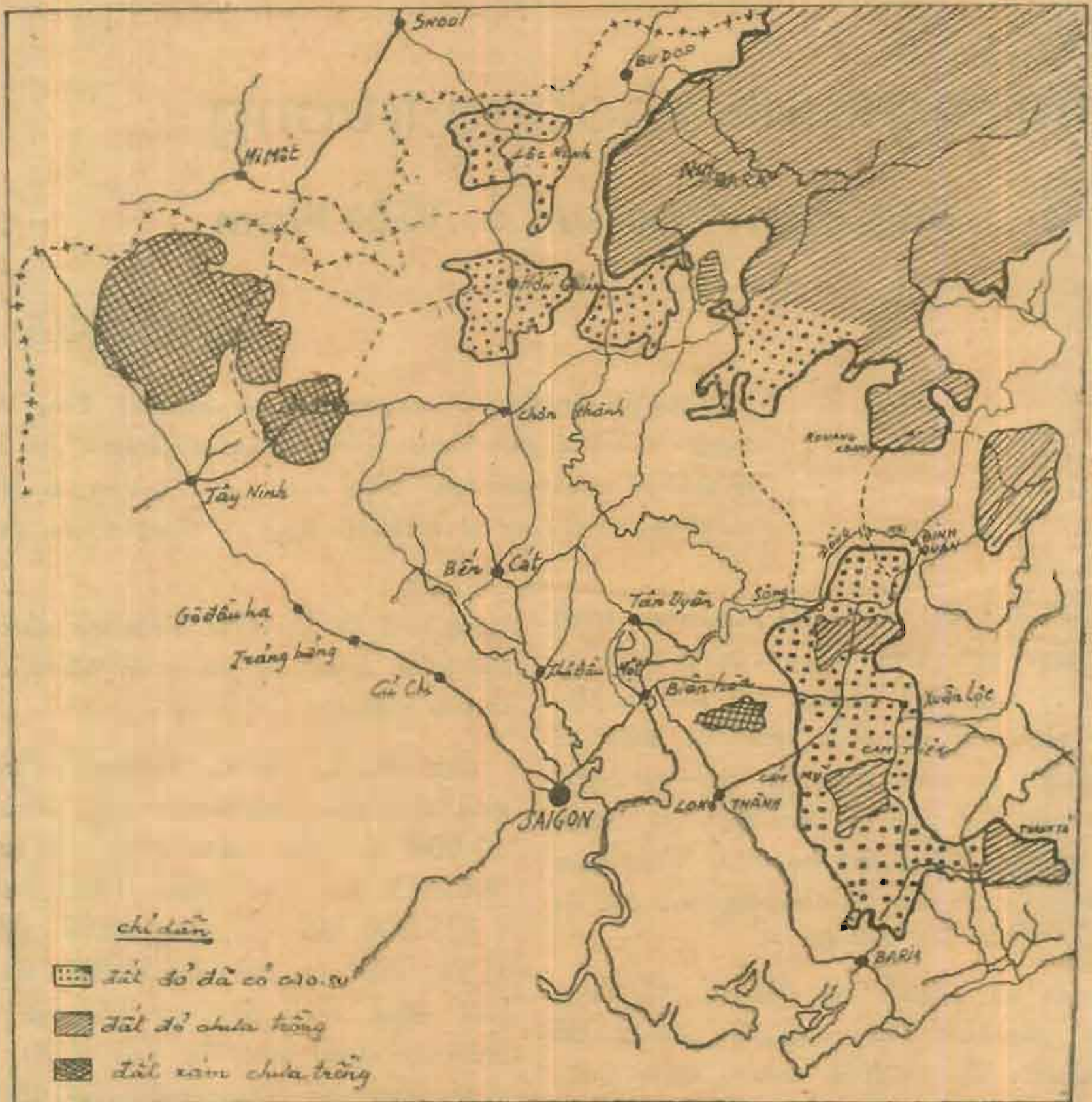
TRƯỚC khi nói đến chương trình triển khai nghề trồng cao-su ở Việt-Nam là mục-đích chính của bài thuyết-trình này, tôi xin nhắc qua vài điểm về sự tăng - gia sức tiêu-thụ cao-su thiên-nhiên trên thế giới và điều kiện rất thuận lợi cho nghề trồng cây cao-su ở Việt-Nam để chứng minh đầy đủ chương trình mà tôi sẽ xin trình bày với quý vị.

Ngày nay người ta đồng ý về điểm cao-su sản-xuất trên thế-giới không đủ nhu dùng. Chỉ vì thiếu cao-su thiên nhiên cho nên người ta phải phát-triển sự chế tạo cao-su nhân-tạo để thỏa-mãn nhu-cầu. Cao-su đứng ngang hàng với thép, dầu hỏa và than, 4 liệu phẩm quan trọng nhất cho nền kinh tế một nước tân tiến. Tuy rằng vì lẽ riêng người ta đã quảng cáo nhiều cho cao-su nhân-tạo, nhưng cao-su thiên tạo vẫn được ưa chuộng, chứng cứ là sau mỗi mùa bán, trên thị trường không còn dư một kilô, trong khi đó cao-su nhân-tạo chỉ được tiêu thụ dưới mức sản-xuất của các xưởng chế tạo. Sự hơn trội ấy lại càng có ý nghĩa đặc-biệt hơn

trong năm 1959, vì là năm mà người tiêu-thụ phải mua cao-su thiên-nhiên đắt hơn cao-su nhân-tạo tới 40%.

Sự tiêu-thụ cao-su thiên-nhiên trên thế-giới tăng gia nhanh chóng lạ thường, từ 50.000 tấn vào năm 1900 đã tăng lên 500.000 tấn vào năm 1925, rồi lên 1.725.000 tấn vào năm 1950, đến năm 1959 tới con số 2.000.000 tấn. Tôi biết rằng mới đây sự tiêu-thụ cao-su nhân-tạo cũng tăng lên khá nhiều: trước cuộc Thế-giới Đại-chiến lần thứ nhất số tiêu thụ là 60.000 tấn, trong thời kỳ chiến tranh lên tới 1.000.000 tấn. Đến năm 1959 mức tiêu - thụ đã lên gần 2.000.000 tấn nếu người ta ước lượng phỏng chừng cả số sản-xuất của Nga-xô. Căn cứ vào thực-tế thì phải sản xuất vào khoảng 4.000.000 tấn mới thỏa-mãn được nhu-cầu trong năm vừa qua. Theo sự ước lượng vừa phải nhất của các chuyên gia thì mức tiêu thụ từ nay đến 1970 phải tăng thêm 2.000.000 tấn nữa, nghĩa là trong 10 năm nữa mức tiêu-thụ

CHƯƠNG TRÌNH KHOẢNG TRƯỞNG...



lên tới 6.000.000 tấn. Riêng tôi, tôi thiết nghĩ sự ước lượng đó còn quá ít ỏi nếu người ta để ý đến sự kiện này : tại Hoa-Kỳ, số cao-su tiêu thụ tính theo đầu người là 10 kí-lô mỗi người, tại Âu-châu mới có 3 kí-lô, tại Á-châu 300 gờ-ram, tại Phi-Châu 100 gờ-ram, mà những xứ sau này đang thời-kỳ tiến triển mạnh. Trong thời hạn 10 năm, từ 1950 đến 1960, tỷ số tiêu thụ của Á-Châu, Phi-Châu và Nam Mỹ đối với tổng số tiêu thụ thế-giới tăng từ 7 đến 25%.

Mặc dầu chỉ kể con số ước lượng là 6.000.000 tấn, nếu người ta nhớ rằng tùy theo công dụng của cao-su, một phần ba số tiêu thụ ưa dùng cao-su thiên-nhiên một phần ba ưa dùng cao-su nhân-tạo, còn một phần ba không cần kén chọn lắm, sự lựa chọn ấy căn cứ vào giá cao hạ, thì người ta có thể kết-luận rằng : nếu giá cao-su thiên-nhiên có thể cạnh tranh được, thì từ nay đến năm 1970, thị trường có thể đòi hỏi khoảng 4.000.000 tấn mỗi năm. Nay nếu căn-cứ vào giá tối-thiểu của cao-su thiên-

nhiên 25 xu một cân Anh (livre) là giá tương-đương với giá cao-su nhân-tạo, người ta nhận thấy tại những đồn điền bậc trung, năng xuất hàng năm được một tấn mỗi mẫu tây, giá sản-xuất cao-su thiên nhiên vẫn có thể cạnh tranh được. Tại Việt-Nam nhiều đồn điền bây giờ đã có năng xuất cao hơn. Tôi xin kể một trường-hợp tôi biết rõ hơn cả là trường-hợp Đồn Điền SIPH. Tuy rằng 1/3 gốc cao-su đã già quá 30 năm, năm 1959, tính trung-bình cũng được 1.376 kí-lô mỗi mẫu tây, trong 13.376 mẫu lấy nhựa. Với loại PR. 107 là loại hợp với « đất xám » hơn cả và sản xuất nhiều hơn cả, năng xuất trung bình lên tới 2.619 ki-lô mỗi mẫu tây trong 91 mẫu tây lấy nhựa ở Trảng-Bôm.

Quý vị đã thấy trong tình trạng ấy, chúng ta không đến nỗi liều lĩnh khi chúng ta trông đợi một năng-xuất trung-bình là 1.800 kí-lô mỗi mẫu tây của những đồn điền bắt đầu thành-lập từ bây giờ, mặc dầu đồn điền bé nhỏ điều-kiện khai-thác sẽ tốn kém hơn, miễn là trồng trọt và giữ gìn cẩn-thận. Năng-xuất mỗi mẫu có thể tăng thêm một phần quan-trọng như vậy, chúng ta thấy rõ cao-su thiên-nhiên còn có một lợi-khí sắc bén để hạ thấp giá vốn trong những điều-kiện mà cao-su nhân-tạo không hy-vọng có được, bởi vì cao-su nhân-tạo chế biến từ những nhiên-liệu như than và dầu-hỏa, và cần những cơ-xưởng kỹ-nghệ vĩ-dại, kỹ-thuật tinh-vi.

Thực ra sự quảng-cáo bất lợi cho cao-su thiên-nhiên phần nhiều chỉ do Hoa-Kỳ tung ra vì những lý-do rất dễ hiểu, lý-do thứ nhất là Hoa-Kỳ sợ tái-diễn một cuộc chiến-tranh thế-giới. Hoa-Kỳ sẽ bị cắt đứt liên-lạc với những xứ sản-xuất

cao-su thiên-nhiên, thứ đến ý muốn thoát khỏi nhu-cầu nhập cảng cao-su thiên-nhiên vì phải trả hoàn toàn bằng ngoại-tệ. Họ tìm cách tăng khả-năng sản-x-ất bằng cách dùng cao-su hoàn-toàn do Hoa-Kỳ tạo ra. Sau hết họ sợ thiếu cao-su thiên-nhiên. Thực ra người Mỹ cũng luyến tiếc thứ sản-phẩm ấy lắm.

Để chứng-minh điều ấy tôi chỉ cần nói đến những đồn điền do các xí-nghiệp của họ lập ra : xí-nghiệp Firestone có tài-sản ở Libéria từ lâu, hiện nay đang khoáng-trương những đồn điền đã rộng lớn của họ. Xí-nghiệp Goodrich đến lập nghiệp ở Libéria từ năm 1957, cũng năm ấy xí-nghiệp Goodyear đã có trồng tía bên Ba-Tây cũng đến Libéria lập nghiệp. Cũng khoảng thời-gian ấy xí-nghiệp Pirelli lập nghiệp ở Guatémala. Về phía nước Anh thì xí-nghiệp Dunlop đã lập nghiệp cùng xí-nghiệp General Tire ở Ba-Tây, nay mới lập thêm đồn điền trồng tía ở Nigéria. Chánh-phủ Hoa-Kỳ lại cho các nước mới ở Châu-Mỹ vay tiền để thành lập những đồn điền cao-su như Mễ-Tây-Cơ, Guatémala, Honduras, Colombie, Bolivie, Haïti.

Tại Ba-Tây công cuộc thí-nghiệm của xí-nghiệp Ford trước kia ở Belem lưu vực sông Tapajos đã thất bại về phương-diện kinh-tế, nhưng họ cũng đã hướng các nhà nông-học về việc tháp cây cao-su. Mới đây chính-phủ Ba-Tây cộng-tác với Hoa-Kỳ tái lập những công cuộc nghiên cứu ấy hay khuyến khích những công cuộc nghiên cứu khác, có lẽ họ sẽ giải quyết được vấn-đề lá cây cao-su thường bị hư hại ở Nam-Mỹ. Ngay từ bây giờ chánh-phủ Ba-Tây nâng đỡ việc thành lập những đồn điền cao-su ở vùng Basse Amazonie và vùng Sao Paulo.

Tóm lại tương lai cao-su thiên nhiên tùy thuộc sự cố gắng trồng tía. Nếu đồn điền không được mở mang thêm, cao-su nhân tạo sẽ thay thế nó, nếu được sản-xuất mỗi ngày một nhiều hơn, thế giới sẽ không làm khó để mà tiêu thụ nhiều hơn.

Chúng tôi không dài dòng về những thò nơi có thể khoáng trương sự trồng cao-su trên thế-giới, vì không phải đề-tài thảo luận ở đây. Nếu 4.500.000 mẫu đá có sẵn, được khai thác với những phương tiện tối tân như ở Việt - Nam, hay được hoàn thiện với dụng cụ giá trị thì diện tích đó có thể đủ nhu dùng cho tương lai trong nhiều năm nữa, bởi vì năng xuất trung bình hiện nay là 500 kí-lô mỗi mẫu, có thể tăng lên 1.500 kí-lô mỗi mẫu, nghĩa là tăng con số sản-xuất hoàn cầu lên gấp 3 lần, từ 2.000.000 tấn lên 6.000.000 tấn. Mã-Lai là nước thứ hai trên thế-giới sản - xuất cao-su, nếu cố gắng khoáng trương và canh tân, Mã-Lai có thể thành nước sản-xuất nhiều nhất. Tuy rằng sự cố gắng có vĩ-đại thật, nhưng Mã-Lai còn bị cản trở trong ít lâu vì thiếu đất đai sẵn sàng trồng trọt được, nhiều đồn điền đã lập trên những khoảng đất gồ ghề, có khi xấu. Trái lại sự nỗ lực của Nam Dương,

nước sản-xuất cao-su đứng bực nhất, không đáng chú ý. Sự sản-xuất của Nam-Dương dừng lại một chỗ, không tăng được mà còn giảm là khác, vì trong xứ loạn lạc ấy, từ hồi hết chiến tranh đến giờ không có một sự cố-gắng canh tân và khoáng trương nào. Người ta còn có thể quả quyết rằng viễn tượng kém xút về nghề trồng cao-su ở Nam-Dương là lý do chính để một vài chuyên gia thốt ra những kết luận bi quan. Phi-Châu cố gắng đầu tư những khoản quan trọng vào nghề trồng cao-su, nhưng khả năng phát triển bị giới hạn phần lớn vì vấn-đề nhân công. Đến như Mỹ - Châu, nếu bệnh hư lá cây cao-su chưa thanh toán được thì những cố gắng đáng khen để hoàn thành một cách thức trồng cao su tân tiến sẽ không vươn tới mức độ sản-xuất cho kỹ-nghệ được.

Bây giờ xin nói đến tình trạng nước Việt-Nam.

Người ta đã có thể biết những điều kiện thuận tiện vượt hẳn mức bình thường về mọi phương diện ở Việt-Nam. Tôi không chút ngần ngại mà nói rằng trên thế-giới xứ này là xứ thích hợp với việc trồng cao su hơn cả. Tôi xin nhắc lại những diện tích đất tốt mệnh-mông có về sẵn.

Một loại cây có nghĩa rất nên thơ

Có loại cây gọi là cây hồ-ngươi, cây xấu-hồ, lá như lá chu-me, hễ động đến là nó thu, xếp ngay lại. Người Pháp gọi là cây *sensitive* hay *mimeuse pudique*, cũng có nghĩa như trên. Người Trung-Hoa gọi là *nữ-trình-thảo* hay *hàm-tu-thảo*, có nghĩa loại cây biết ngậm điều thẹn-thùng.

nhân công trên thực tế vô tận và khéo léo hơn cả đối với bất cứ nhà trồng tía nào trên thế-giới, sau hết là điều kiện khí hậu, mùa nắng chặn đứng được những bệnh gây nên bởi loại cây ăn hoa (cryptogame) và giữ cho cây lành mạnh hơn bất cứ ở xứ nào.

Nếu chúng ta chỉ kể đến điều kiện nhân công và đất trồng sẵn có, chúng ta có thể trừ tính những chương trình táo bạo nhất, nhưng thực ra hiện giờ chúng ta bị giới hạn bởi điều kiện cây giống và điều kiện tài chính. Bởi vậy, tôi thiết tưởng nên thận trọng, lúc ban đầu đừng trừ tính những chương-trình quá 20.000 mẫu mỗi năm. Dĩ nhiên khi đã giải quyết được khá dễ dàng những vấn-đề đặt ra trong lúc thực hiện chương-trình đó, người ta có thể tăng thêm, và tất cả những yếu tố tôi sẽ nói đến ở dưới này liên-hệ đến sự thực-hiện một chương-trình 20.000 mẫu mỗi năm, đều có thể suy rộng ra được.

Có bốn loại công việc cần phải làm cùng một lúc để thực-hiện chương-trình 20.000 mẫu một năm đến mức tốt đẹp nhất :

1) — Thiết-lập những đồn điền lớn diện-tích mỗi đồn điền từ 2.000 đến 4.000 mẫu.

2) — Thiết-lập những đồn điền cỡ trung và nhỏ dưới 500 mẫu như vẫn thường có ở Việt-Nam đã lâu năm, Quý vị sẽ thấy rằng có một khoảng cách khá xa từ 500 mẫu đến 2.000 mẫu, và như thế có thể lập những đồn điền đủ cỡ từ 500 đến 2.000 mẫu. Nhưng muốn trình bày cho giản - dị, và lại tôi thiết nghĩ ấn-định diện-tích theo cách dự-định của tôi hợp-lý hơn, tôi cho rằng trên 500 mẫu

đã là những đồn điền cần có số vốn lớn, phải hùn vốn thành công-ty mới làm nổi, mà đã là công-ty thì xét về kỹ-thuật nên thành-lập những đồn-diễn diện-tích tối-thiểu là 2.000 mẫu có lợi hơn.

3) — Thành lập những vườn nhỏ có tính cách gia-đình trong những làng cò-truyền ở Nam-Việt hay những trung-tâm di cư và định cư như hiện nay đang làm. Những vườn cao-su ấy hợp với danh-từ quốc-tế « Small holding » để chỉ những khoảng đất trồng tía có tính cách gia-đình, diện-tích không quá 10 mẫu.

4) — Sau hết trồng lại cây non, canh tân hóa và khoáng trương những đồn điền đã có.

Dưới đây ta sẽ thấy chi-tiết thực-hiện khác nhau tùy theo mỗi loại trong 4 loại đồn điền kể trên đây.

Đối với những khu-vực định-cư chúng ta chỉ có thắc mắc về sự lựa chọn mà thôi. Người ta thường quá lời ca tụng giá-trị đặc-biệt của thứ đất đỏ đến mức quên rằng một vài loại « đất xám » rất tốt mà rất phù hợp với cây cao-su. Thí-dụ như trong phạm-vi những loại cao-su ta trồng, ta đã thâm-hoạch được những kết-quả kỷ-lục với loại đất xám, đồn điền Bến Củi trong tỉnh Tây-Ninh, tuy rằng tuổi trung-bình của cây khá cao hơn nơi khác, cũng sản-xuất được 1551 kí lô mỗi mẫu trong năm 1959 với 1311 mẫu lấy nhựa. Thứ đất xám này đòi hỏi nhiều phân bón hơn số phân bón thường dùng ở đất đỏ, nhưng sự chi-phí vẫn trong giới hạn giá vốn dưới 1\$,00 một kí lô cao-su, và rốt cuộc sự khai-thác đồn-diễn Bến-Củi có lời hơn hẳn các đồn điền khác của ta.

CHƯƠNG TRÌNH KHOẢNG TRƯỞNG...

Nếu không để ý thì khi khai thác đất xám thường gặp trở ngại, vì đất xám không đồng đều như đất đỏ, thường khi gặp phải giải đất ít màu quá thì mặc dầu điều-kiện thuận lợi cũng khó lòng đạt được kết-quả mỹ-mãn. Trước kia chúng ta đã gặp nhiều đồn điền nhỏ của người Pháp thuộc vào trường-hợp ấy, tiếc rằng một vài đồn điền ấy người Việt mua lại, trồng lại lớp cây mới vào chỗ cũ.

Trong những khu-vực tôi đã đánh dấu ở bản đồ đưa trình quý vị xem, tôi chú trọng đến yếu-tố đầu tiên là phẩm chất đất có vẻ tốt. Đất đỏ thuần nhất hơn ít khi người ta lầm lộn. Còn đất xám thì tôi chú ý đặc-biệt đến tính-chất đất, nhất là khu rừng thiên nhiên mọc trên đất ấy, nếu cây mọc cao thì đó là bằng chứng chắc chắn rằng đất tốt có thể thích-hợp với giống cây cao-su lắm. Sau cùng tôi chỉ ghi những khoảng đất sẵn sàng để khai-thác nghĩa là chưa ai trồng tía, cấy cấy, thường khi không có người cư-ngụ, ngoại trừ những khu-vực mới cấp cho người di-cư và định-cư mà cũng chưa trồng cao-su.

Sau cuộc thăm dò đầu tiên tôi đã ghi được những địa điểm sau đây, nhưng phải xét nghiệm lại cẩn-thận để biết rõ tính-chất và diện-tích :

Đất đỏ :

— Vùng núi Bà-Rá	300.000 mẫu
— Phía bắc Định-Quán	20.000 —
— Vùng Gia-Kiệm/Dốc-Mơ	10.000 —
— Vùng Cầm-Mỹ/Cầm- Đường	8.000 —
— Phía đông Sông-Rai	10.000 —
Cộng	348.000 mẫu

Đất xám :

— Phía Tây Nam Trảng-Bôm	6.000 mẫu
— Khu vực Tiểu Lộc-Ninh	30.000 —
— Phía bắc Tây-Ninh	100.000 —
Cộng	136.000 mẫu
Tổng cộng	484.000 mẫu

Thêm vào những khu vực mới trên, đây ta có thể kể những diện tích có thể mở rộng thêm cho các đồn điền hiện hữu, khoảng chừng 50.000 mẫu.

Như vậy chúng ta có một tổng số diện tích tối thiểu để trồng cao-su là 534.000 mẫu và rất có thể lên tới 600.000 mẫu.

Ngoài ra tôi còn chưa kể đến những đồi cao có những khu vực đất đỏ mông mênh nhưng không thích hợp lắm bởi vì đất đã kém màu mà khí hậu lại lạnh hơn, cây bị gió táp ; sau hết độ cao thường quá 500 thước, mà cây cao-su hình như chỉ mọc mạnh ở chỗ độ cao dưới 200 thước. Như vậy đứng về phương diện kỹ-thuật ta sẽ làm việc có quy-cử nếu ta không vội khoáng trương sự trồng cao-su trên vùng Cao-Nguyên khi chưa khai thác hết những khoảng đất thích hợp hơn ở đồng bằng.

Tùy theo hạng đồn điền người ta sẽ lựa khu vực đất thích hợp hơn cả. Thí dụ như những đồn điền nhỏ và trung, nhiều khi cả những vườn nhỏ của gia-đình, có thể lập ra ở bất cứ khu vực nào. Nhưng nên lựa những khu vực đất đỏ, nhất là đất xám rất thích hợp như ở Thủ-Dầu-Một và Tây-Ninh cho các đồn điền nhỏ và trung. Còn những vườn gia-đình di cư và định cư nên lựa những vùng đất mới ở các khu rừng hiện nay bỏ hoang vì

thiếu nhân công. Những nơi ấy cũng thích hợp với đại đồn điền vì người ta có thể mộ dân di-cư và định-cư đem lại và áp-dụng những phương-tiện lớn lao đề sau này mở rộng thêm mà không mắc có người ở trước làm cản trở.

Nói đến sự khuyếch trương những đại đồn điền, hẳn quý vị đã biết hiện nay các đồn điền sản có mỗi năm mở rộng thêm 5% diện tích nhờ khoản tiền cho các nhà trồng tía vay, nhưng ta nên mong mỗi nghề trồng cao-su ở Việt-Nam được khoáng trương hơn nữa, những công-ty mới sẽ được thành lập để mở những đồn điền mới, những công ty ấy có thể là công-ty Việt của tư gia hay của chánh-phủ, công-ty ngoại-quốc hay công-ty hỗn hợp, tùy theo ý muốn của nhà kinh-doanh. Đối với tư bản ngoại-quốc đầu tư ở Việt-Nam, dĩ nhiên phải có điều kiện thuận-lợi và bảo-đảm tương-lai. Lời tuyên-bố của Tổng-Thống ngày mùng 5 tháng 3 năm 1957 nên được áp-dụng một cách rộng rãi để có thể làm thỏa mãn được họ.

Đối với đồn điền nhỏ và trung, tôi xin nói lời các đồng nghiệp của tôi bên Nghiệp-đoàn các nhà trồng tía Việt-Nam, tôi xin có biện-pháp nhanh chóng giản dị giấy tờ để giao cho họ ngay những đồn điền họ cam đoan khai-thác cây cao-su, sau hết xin tăng thêm kha khá số ngân khoản trợ giúp để nâng đỡ họ.

Nhưng đối lại, cũng cần phải kiểm-soát khu đất họ đã chọn và triệt để không cho vay nếu Ủy-ban chuyên trách quốc-gia xét ra không thể được. Cũng không nên ngăn ngại mà đình chỉ việc cho vay nếu công việc khai-thác không đạt được một mức tối thiểu. Đề cho cỏ tranh mọc

lấp cả các đồn điền mới mở như đã xây ra ở một vài nơi, cũng là một sự kiện không thể tha thứ được, tuy rằng cây cao-su có thể mọc được nhưng cũng rất chậm mà suốt đời cây không thể sản-xuất nhựa đúng với khả-năng của nó.

Tôi thiết tưởng nên nói nhiều về phương pháp khai thác gia-đình vì phương pháp này ở Việt-Nam chưa hề ai biết cả.

Tôi biết rằng có vài lý thuyết gia cho rằng phương pháp khai thác gia-đình không lợi vì lý-do lúc mới trồng người ta thường xen những cây khác vào, vì thiếu chăm nom, thiếu phương pháp khai thác, năng xuất sẽ kém, và chẳng, kỹ-thuật chế hóa cao-su, dù là cao-su thiên-nhiên, sẽ mỗi ngày một tinh xảo hơn, và như thế, sau này cần chuyên-gia hiểu biết kỹ-thuật đến nơi mới sản xuất được nhựa tốt.

Tôi không tán thành ý kiến trên, và tôi sẽ giải thích trong đoạn sau phải giải quyết vấn-đề khẩn-thiết chế biến theo phương-pháp tối tân thế nào cho thích hợp; còn như năng xuất nếu không được cao lắm, thì phí tổn đã ít vì gần như không phải chi tiêu về tổng phí. Vì vậy tôi tin rằng khai thác những vườn gia-đình vẫn có thể được nếu còn khai thác được đại đồn điền.

Ta hãy tưởng tượng khối lượng khổng lồ nhựa cao-su có thể sản-xuất được nếu phương thức sản-xuất nói trên đây được phổ biến mạnh mẽ như một chiến dịch. Thiết tưởng trong trường hợp này nên nói đến câu phương ngôn « những nguồn nhỏ làm thành sông lớn ». Nhìn vào các biên thống kê ta thấy già nửa các đồn điền trên thế-giới, 2.723.385 mẫu trong tổng số

4.550.023 mẫu, đều là vườn gia - đình Small holding, trong năm 1959 những vườn ấy đã sản-xuất hơn 1 triệu tấn cao-su thiên - nhiên trong số 2 triệu tấn trên thế-giới. Chính những vườn gia-đình đã đem lại sự giàu có cho Nam-Dương và Mã-Lai.

Sự thực hiện phương thức sản - xuất này sẽ về phần các gia-đình di-cư khi những trung-tâm di-cư lập trên khoáng đất thích hợp với cây cao-su, hay thiên di những trại lập ở nơi đất xấu như Hồ-Nai, và những trại định cư ở Trung-Việt đến những khoáng đất đã biết rõ là thích hợp với cây cao-su. Sau hết có thể thực hiện tại nhiều địa phương ở Nam-Việt, đất hợp với cây cao-su mà dân cư đông đúc như các tỉnh miền Đông : Tây - Ninh Bình-Dương Biên-Hòa và Phước-Tuy.

Chúng tôi đồng ý rằng vì lý-do quân-bình kinh-tế và lý-do nhân-đạo, không nên biến những nhân-công gia-đình thành phu trồng tỉa 100%, nhưng ngoài việc canh-nông và nuôi súc vật để đủ sống, ta nên đem lại cho họ phương-tiện nâng-cao mức sống bằng cách trồng một giống cây kỹ-nghệ rất có lợi, ta còn giúp họ góp phần quan-trọng vào sự mở mang nguồn lợi

quốc gia. Ta lấy tí dụ một gia-đình trung bình gồm có cha mẹ và bốn con. Thí-dụ gia-đình ấy có thể có hai người làm việc đều đều, họ để ra nửa ngày (nửa công) làm công việc trong nhà, chăn nuôi hay trồng trọt, như vậy còn lại một ngày rưỡi công (một công rưỡi). Khai thác một đồn điền cao-su cần nửa ngày công mỗi mẫu. Như vậy gia-đình trên đây có thể khai-thác từ hai tới ba mẫu theo hình-thức khai-thác gia-đình.

Thành lập những vườn cao-su gia-đình nên trì định theo cách-thức sau đây :

Một gia-đình ở Trung-Việt đến, nay muốn trong một hai ngày đưa họ đến khoáng rừng để khai-thác, thì trước hết phải phá sẵn rừng lấy một khoáng trống làm nơi dựng nhà cửa. Làm nhà phải xếp đặt cách nào để sau tiện lập thành làng ấp. Hoặc quy tụ nhà cửa lại một khu nhỏ, xung quanh là ruộng nương, hoặc mỗi nhà cất ở giữa khu đất khai-thác. Chúng ta đã biết diện tích mỗi vườn cao-su cho một gia-đình hai vợ chồng bốn con rộng từ hai đến ba mẫu, thêm vào từ nửa mẫu đến một mẫu làm vườn rau và chăn nuôi, mỗi gia-đình phải vào khoáng bốn mẫu. Người mới đến ở hãy sống

Đất cắm dùi

Người ta thường nói cảnh nghèo-túng cùng-cực là cảnh « không có một chỗ đất để cắm dùi ». Câu đó là câu dịch nguyên-văn của câu Trung-Hoa : « Vô lập chùy chi địa » nghĩa là : không có mảnh đất nhỏ để cắm lọt một cái dùi.

bằng huê-lợi trồng rau, chăn nuôi lợn gà, và bán gỗ lấy ở rừng về. Có lẽ chính-phủ phải giúp đỡ chút ít dưới hình-thức cho vay hay tiếp tế trong năm đầu. Năm sau khai phá được diện-tích khu rừng cấp cho, gia-đình ấy có thể trồng thuốc, đậu phộng, đậu, mía hoặc lúa nếu có thể được. Như thế từ năm thứ hai, nhờ đất mới vỡ còn màu mỡ, một gia-đình có một số tiền đủ nuôi sống, lại có thể bán hoa lợi lấy thêm vốn liếng. Phương-pháp này có thể theo đuổi trong 2, 3 năm. Trên ba năm đất màu trên mặt kém đi, tuy rằng trồng cao-su vẫn tốt nhờ rễ đâm sâu xuống các lớp đất dưới, nhưng người trồng tía sẽ nhận thấy huê lợi xút kém nom thấy. Từ xưa tới giờ dân ở núi đã kinh-nghiệm được điều ấy khi họ làm rẫy, sau một vài năm họ phải bỏ nơi đã khai phá để đi sang những khu rừng lân cận. Dân định-cư của ta nên tránh thói quen tai hại đó.

Từ năm thứ ba, hay sớm hơn tùy ý, trong những khu để trồng cao-su họ sẽ bắt đầu trồng cây cao-su. Cây cao-su có thể mọc chung với loại rau đậu khác trong một thời hạn hai năm. Trên hai năm, loại cây khác trồng chung có thể làm tổn hại cây cao-su, và chẳng cao-su lớn lên lá che kín một khoảng lớn sẽ làm cho rau đậu còi cọ, khi lá chạm nhau thì không thể trồng kèm cặp một thứ gì nữa. Trong thời gian trồng rau đậu, một gia-đình hai vợ chồng bốn con có khi không làm xuê, phải mượn thêm bà con hay người ở một gia-đình khác. Như vậy là điều kiện thuận lợi để lúc ban đầu quy tụ nhiều người đến một khu, nhưng đến lúc cây cao-su đã lớn, một phần nhân công vô dụng sẽ di chuyển lẫn vào trong rừng sâu và lại phá theo phương thức đã nói trên đây.

Ngay từ bây giờ tôi thiết tưởng phương pháp này có thể áp-dụng với những gia-đình di-cư nếu họ ở những khu đất thích hợp, thí dụ như khu Gia-Kiệm và Dốc-Mơ mà tôi biết tường tận vì đã đi qua và bay qua. Nhất là khi bay qua tôi rất ngạc-nhiên trước những khu đất đỏ mêng-mông đã khai phá từ năm 1954, trên kia tôi đã ước lượng là có tới chục ngàn mẫu, đối với con nhà trồng tía như tôi, đất ấy "kêu gọi" cây cao-su. Lời kêu gọi ấy rất khẩn thiết không phải chỉ từ hai, ba năm nay, khi bắt đầu trồng hoa mẫu hàng năm rất hại đất, mà từ 6 năm nay rồi. Tôi chắc chắn rằng nếu người ta hỏi chuyện những người ở đấy, họ phải thú thực rằng hoa lợi tốt tươi trong những năm đầu giờ mỗi ngày một kém sút, làm họ không khỏi thắc mắc, thất vọng. Nếu không mau mau thay thế bằng một loại cây rễ ăn sâu, — mà ở Việt-Nam không cây nào có lợi hơn cây cao-su — thì chả bao lâu dân Gia-Kiệm và Dốc-Mơ buộc lòng phải bắt buộc đồng-bào Thượng bỏ đất đai đi tìm đất mới ở xa, hỏ những khoảng đất đầy hứa hẹn cho cỏ tranh mọc, cho nạn cháy rừng liên tiếp để đất khô cằn rồi sau rốt trở nên vô dụng.

Người ta cũng không cần thắc mắc vì vườn cao-su gia-đình tương đối nhỏ bé nếu người ta nhận thấy ngay từ bây giờ việc biến chế nhựa cao-su phải giao cho một xưởng lớn tổ-chức tối-tân và khoa-học, theo ý định các nhà chế-tạo. Điểm này là điểm chính yếu không những đối với các vườn cao-su gia-đình mà còn đối với những đồn điền nhỏ và trung, điểm này chỉ phối sự sống còn của các đồn điền cao-su thiên-nhiên. Ngay từ bây giờ người ta có thể nói rằng các kỹ-nghệ

gia không ưa cao-su thiên-nhiên vì không được thuần nhất và sạch sẽ. Lời chỉ-trích ấy nhằm vào các sản phẩm gia-dình, nhựa chế biến cầu thả và bằng những phương-pháp cổ-lồ. Số cao-su bán ra lại chiếm nửa số sản-xuất trên thế giới. Nhiều chuyên-gia Hoa-Kỳ nhắc đi nhắc lại rằng: nếu nhựa cao-su sản-xuất ở những nơi khác cũng chế-biến cẩn-thận như sản-phẩm của các đại đồn điền ở Việt-Nam, thì chắc chắn là cao-su thiên-nhiên sẽ không bị chê bai và giá cả sẽ cao hơn giá cao-su nhân-tạo nhiều.

Ta không nên quá e ngại về việc thành lập hợp-tác-xã. Thành lập hợp-tác-xã cao-su cũng không khó khăn hay dễ dàng hơn thành lập hợp-tác-xã sữa tại

những nước Âu-Mỹ. Với những trại nuôi nhỏ ở tán mát, chỗ này 5 con bò, chỗ kia 8 con, cách xa nhau hàng 10 cây số, mà người ta sản-xuất được sữa khử trùng, cô đặc hay thành bột, bơ và pho-mát thượng hảo-hạng, dùng đến kỹ-thuật tối tân nhất. Ta cũng không nên quên rằng những hợp-tác-xã tương lai như thế, nếu lập ở những nơi trung-tâm của các vườn gia-dình, đồn điền nhỏ và trung gồm từ 2 đến 4.000 mẫu sẽ có lợi hơn. Tôi thiết tưởng những hợp-tác-xã như thế sẽ là những đơn vị kỹ-nghệ chế tạo cao-su lý-tưởng và hợp lý hơn cả, cũng như các đồn điền vậy.

VŨ-ĐÌNH-LƯU dịch
(còn tiếp)

☛ Lyautey tuy là người rất quyền-uy mà là người ít cứng đầu nhất; ít câu nệ nhất, ít nghiêm-khắc nhất. Ông lại mềm dẻo, nhũn nhặn vô cùng, ông có cái mềm dẻo, nhũn nhặn của một con thú thuộc giống mèo. Ông nghe mọi ý-kiến một cách nghiêm-trang. Ông loại bỏ những ý-kiến ông cho là kém thông-minh. Song khi một nhận xét ông thấy có căn-cứ, dù nhận xét ấy trái nghịch hẳn với nhận xét của ông, ông cũng chăm chú suy nghĩ một cách đặc-biệt. Nào phán đoán của ông hình thành rất có phương-pháp và ông luôn luôn kiếm cách thế củng-cố nào ấy. Khi mọi sự đã được xét định phân-minh, cân nhắc đich đáng, ông quyết-định ngay. Tự khi đó, có sự cốt khúc, đứt đoạn rõ ràng. Ông không còn phải là người chuẩn-bị hành-động nữa. Ông trở nên một chủ tướng ra lệnh. Ý-chí của ông trở thành một thanh sắt, không chấp nhận tranh-luận, trì trệ, nhu-nhuộc nữa; ý-chí ấy trở thành kiên-trì, yêu-sách, chấn-động, xô đẩy, khát khao. Không sự gì, không một ai khuất-phục nổi ông. Cần trọng tới-địa khi chuẩn-bị, quyết-liệt tới-địa khi thi-hành. Đó là lý-thuyết chỉ-huy của Lyautey. Đó chính là bản chất của Lyautey vậy.

(Wladimir d'Ormesson)



Một cảnh tình tự của họa-sĩ Boucher (thế kỷ XVIII)

MỘT điều rất dễ nhận khi đọc tiểu-thuyết, kịch, thơ,... là vai trò quan-trọng của người đàn-bà mà sự vắng mặt có lẽ không thể tưởng-tượng và dù sao cũng làm cho đại-đa-số độc-giả chán nản hoặc ngạc nhiên.

Trong hàng ngàn cuốn phim điện-ảnh đã chiếu tại Việt-Nam, ít khi thấy một truyện như « 12 người cầu kinh, Douze hommes en colère » : kịch-tính và giá-trị nghệ-thuật, không thể phủ-nhận, nhưng ít khán-giả. Phải rồi : không có mỹ-nhân, không có ái-tình, không có cuộc hôn-nhân chấm dứt phim theo thường-lệ (the happy end) nên những biến-chuyển tâm-lý tế-nhị linh-động, cùng tài-bộ trau giồi bằng 30 năm kinh-nghiệm của H. Fonda, cũng không đủ sức hấp dẫn. Huống chi là sách ?

Nhà văn Cống, bạn tôi, thường cho biết : văn-chương, nhất là thơ, phải

Người đàn bà

và

Văn-nghệ-sĩ Pháp

* ĐOÀN-THÊM

nhiều tình-cảm mới hay, mà tình-cảm thì phải nhiều yêu đương mới thú; có đau khổ vì tình, làm thơ mới rung động, thiếu người đàn-bà thì khó nên thơ, v.v...

Nhưng tôi có một tật xấu : hễ ai quả quyết điều gì, tôi cứ mạn phép ngẫm xét đã, đôi khi cũng lâu lâu. Và chẳng, ở phạm-vi kể trên, còn có sự chắc chắn, là khi mở những sách cũ của ta hay của Tàu, rất nhiều khi chẳng thấy hồn thấy bóng người đẹp, mặc dầu vẫn có câu « thư trung hữu nữ nhan như ngọc » (1).

Tình-cảm và yêu-đương, con người xưa nay tránh sao khỏi, dù ở Đông hay Tây ? Song dùng làm căn-bản hay điều-kiện cốt-yếu của thi văn nghệ-thuật, thì lại là chuyện khác. Đọc Lý-Bạch hay Đỗ-Phủ, chẳng

(1) Nếu tôi không lầm, đó chỉ là câu dư mỗi mấy cụ đồ cụ khóa thời trước : hễ chịu khó học nhiều, thi đậu làm quan, thì sẽ khỏi vợ đẹp.

thấy có « em » nào hết, mà nghe chừng hậu-thể chưa ai phủ nhận cái đẹp khó sánh trong thơ của hai thi-bá Thịnh-Đường.

Nhưng một tỉ-dụ sao đủ chứng thực ? Ban Cố còn trách tôi thiên về thời cổ ; vả lại, hề thấy quan-niệm nào khác nhiều của người xưa, tôi hay ngờ vực rằng lại nhập cảng từ phương Tây và chịu ảnh-hưởng văn-chương Pháp. Song có thiệt những thi văn nổi tiếng nhất của Pháp đều quanh quẩn, phải quanh quẩn, chỉ quanh quẩn ở những cảnh sôi-nổi, rạo-rực, thao-thức, quân-quại, hiu-quạnh, heo-hút, ngơ-ngàng vì nhớ nhung, mơ ước, oán giận, đòi hỏi người đàn-bà ?

Thôi thì tôi đành trở lại văn-học Pháp để tìm kiếm thêm tài-liệu ; nếu không thể giải-quyết, ít ra cũng mong góp phần làm rạng tỏ hơn một vấn-đề liên-quan đến đường lối sáng-tác, cũng như về cách-thức xét đoán của một số người đọc hay của bạn tôi.



Không ai có thể chối cãi rằng đối với văn-ngệ-sĩ Pháp, người đàn-bà đã có ảnh-hưởng rất sâu rộng dưới nhiều hình-thức, trực-tiếp hay gián-tiếp.

Trước hết, phụ-nữ đã kích thích sáng-tác bằng cách nâng đỡ khuyến khích người cầm bút : biệt đãi trọng vọng tại các triều-đình nếu là bà hoàng bà chúa, như Marguette de Navarre hay Catherine II nước Nga ; — chiêu chuộng tán thưởng ở các phòng khách tao-nhân (salons), nếu là nhà quý-phái có nhiều phương-tiện ; trong không-khí êm đềm tươi sáng có rượu, có hoa, có đàn sáo, mặc-khách gọt giũa ngâm

nga, không biết chừng chỉ mong được nụ cười hay cái gật đầu của những người vừa diễm-lệ vừa thông-minh. Để đáp lại thịnh-tình ưu đãi, văn-ngệ-sĩ liệu bề dò ý mỹ-nhân hoặc nghĩ ra những loại tiểu-thuyết hiệp-khách chung tình như Romans Courtois hay Romans de la Rose ở thế-kỷ thứ XII và XIII ; — hoặc phỏng theo thi-nhân Ý mà tìm những vần điệu bướm hoa như Marot và Ronsard (thế-kỷ thứ XVI) hay Voiture (thế-kỷ thứ XVII). Racine viết hai vở kịch Esther và Athalie (1689-1691) thể lời yêu-cầu của bà quý-phi De Maintenon, cũng như Fénelon thảo tập « Giáo-dục thiếu-nữ, Traité de l'éducation des filles, 1687 » để bà quận-công De Beauvilliers huấn-luyện cho tám lệnh-ái. Fontenelle (1657-1757) nói chuyện về vũ-trụ với một bà hầu-tước, soạn bộ « Traité de la Pluralité des mondes ». Chịu ảnh-hưởng của các bà Du Tencin và De Lambert, Marivaux (1688-1763) chuyển hướng kịch về những mối tình tế-nhị, ngây thơ, vui vẻ. Ngược lại, muốn chiều lòng nhiều phụ-nữ thân, La Chaussée (1692-1754) đưa lên sân-khấu những tấn tuồng thảm thương khiến cho những người đẹp vừa xem vừa thút thít, sụt sướt (comédie larmoyante). Có khi giai-nhân khó tính (chắc vì đã có tuổi) đòi hỏi những vấn-đề khoa-học triết-lý : chính bà Du Châtelet đã thúc giục Voltaire, bạn tri-kỷ hay tri-âm chẳng rõ, lập phòng thí-nghiệm vật-lý rồi thảo cuốn triết-học yếu-lược của Newton (Eléments de la Philosophie de Newton, 1734) hoặc viết về phong-tục và văn-minh nhân-loại (L'Essai sur les Moeurs, 1756).

Ngoài ra, phụ-nữ còn khơi nguồn cảm-hứng, đảo lộn cuộc đời văn-ngệ-sĩ và

chuyển hướng cả văn-học, vì sức quyến-rũ của sắc đẹp, vì những xúc-động mà họ đã gọi một cách vô-tình hay hữu-ý trong đám nhà-thơ nhà-văn mà phần đông là những ông những cụ dễ đau tim, vẫn hay thú nhận là dòng giống yếu mềm « bộc bản đa-tình » (1).

Marot hầu cận hoàng-phi Marguerite de Navarre, thương luôn cô hầu Anne d'Alençon là cháu bà : ấy thế rồi khỏi thơ mây gió, từ 1518 đến 1526.

Năm 28 tuổi, Ronsard mơ tưởng cô Cassandre Salviati mới xấp xỉ 13 ; tập thơ ái-tình *Les amours de Cassandre* ra đời (1552). Ba năm sau, lại mê cô Marie Dupin, ông thốt ra thơ tình-ái *Les Amours de Marie* (1555). Đến khi tuổi hạc 55, đã cáo lão về vườn mà hai tai lại nghễnh ngãng, cụ còn hồi hộp vì cô cung-tần Hélène de Surgères, và than thở náo nùng trong tập *Les Amours d'Hélène* (1578) rồi mới chịu tắt nghỉ.

Cô Cassandre mà Ronsard không lấy được, lại có một cháu gái là Diane Salviati nghe chừng cũng duyên dáng : Agrippa d'Aubigné cũng lây bệnh cụ thi-bá tao-đàn Pléiade, nhưng vẫn bị hắt hủi nên ông rên rĩ và tự an ủi bằng tập *Mùa Xuân* (*Le Printemps*, 1572) thống-thiết đáo để.

Các kịch-sĩ Dancourt (1661 - 1725) Molière (1622-1673) đều mê nữ-ca-sĩ mà bỏ nghề luật sang nghề hát, và viết ra bao nhiêu tuồng hài-hước : Dancourt vẫn vít cùng cô La Thorillière, Molière theo Madeleine Béjart và cứ như thiên-hạ đờn, thì có lẽ ông này bị nhiều nỗi cay đắng trong đời sống lứa đôi, mới đưa ra những

truyện mỉa mai đối với nhiều giới phụ-nữ (*Les Précieuses Ridicules*, *Les Femmes savantes* v.v...).

Một triết-gia, lẽ ngoài khác khổ như Diderot, năm 42 tuổi, phải lòng cô Vollande, được cái cô này cũng thông-minh ; nên từ 1755 đến 1770, ông đem hết tâm-sự và cả những nhận xét về hoàn-cảnh xã-hội thời bấy giờ, vào tập thư tình thao-thao bất tuyệt (*Correspondances*).

Jean Jacques Rousseau, cho đến năm 44 tuổi, vẫn bị thất-vọng vì tình, hết khổ vì



Marie Dorval, nàng thơ của A. de Vigny.

bà Basile lại vì cô Serre. Đến 1756, ông có dịp gặp bà D'Houdetot, say mê một lần nữa, nhưng cũng không được toại-nguyện : hậu-thế được rõ truyện của ông, và nhận ra bà D'Houdetot trong vai Julie, tiểu-thuyết *Julie ou la Nouvelle Héloïse* mà ông viết hồi 1756-1758.

(1) Chu-Mạnh-Trinh — Bài tựa truyện Kiều.

Nhưng sôi nổi và đau khổ vì tình nhất, có lẽ là các nhà thơ nhà văn thuộc phái Lãng-mạn đầu thế-kỷ XIX. Họ say đắm vì hoàn-cảnh hay số-mệnh cũng có, nhưng chắc cũng vì quan-niệm nghệ-thuật: họ muốn mê lý để tìm cảm hứng, hoặc coi yêu đương là lẽ sống và nguồn thơ văn. Cứ đánh đắm vào trái tim tê tái là vọt ra thơ, nảy ra tài ngâm vịnh (*Ah, frappe-toi le coeur, c'est là qu'est le génie* — Alfred de Musset). Trong con người, ở trên đời, không có chi mãnh-liệt hơn, quan-trọng hơn là ái-tình *Il n'y a en moi rien de plus fort que le besoin d'aimer*: George Sand. — *L'amour a toujours été pour moi la plus grande des affaires, ou plutôt la seule*: Stendhal.

Phải nhiều bộ sách mới kể hết được truyện tình của các ông các bà văn nghệ-sĩ đó. Mỗi vị đều có một số (ít khi một) « nàng thơ » hay « ông thơ » và đem kể vanh vách truyện mình trong hàng ngàn hàng vạn câu. Lamartine có hai nàng nổi danh: Graziella (1811) và bà Charles hay Elvire (1816) mà ông tưởng nhớ trong *Les Méditations* và *Nouvelles Méditations*; — Alfred de Vigny mê nữ tài-tử sôn-khẩu Marie Dorval, rồi thất vọng và thét hận trong « Samson cáu kính — La Colère de Samson »; — Victor Hugo yêu Adèle Foucher mới cưới, có con cái rồi lại giao kết với Juliette Drouet trong mấy chục năm, ấy là không kể bà Biard: ông ca tụng về các nàng trong nhiều tác-phẩm (*La Chanson des rues et des bois, Les feuilles d'automne* v.v...) — Balzac khê nệ òm òm hai bà: bà De Berny và bà hầu-tước Hanska; — Fromentin yêu bạn gái từ hồi thơ-ấu, rồi viết Dominique; — Gérard de Nerval rối trí vì nữ tài-tử Jenny Colon,

mà hình-ảnh phảng phất trong những cuốn Sylvie và Aurélia; — khét tiếng nhất là tình-sử của A. de Musset và G. Sand: vì bị nữ-sĩ lừa dối, nhà thơ đã quần quai chết đi sống lại và văng ra những tiếng kêu tha-thiết trong các tập « Thơ đêm » (*Nuits de Mai, Nuits d'Octobre, Nuits de Décembre...*).

Tuy thời-thế đổi thay, tâm-hồn nhà thơ sau này cũng chẳng khác mấy của tiền-bối. Guillaume Apollinaire dạy học ở nhà ông De Milhau, mê cô Annie cũng giúp việc tại đó, theo sang Luân-Đôn đòi lấy nhưng không được: tình-duyên chẳng thành, nhưng thành những bài tình-ca *Chanson de Mal Aimé* (1903). Song nào có chết vì tình? Đến 1915, thi-nhân lại rồi ruột tằm vì một cô nào đó, gọi là Lou, rồi vò tơ mà kéo ra thi-phẩm *Ombre de mon amour, Calligrammes* (1947) (1).



(1) Sau đây, một số tác-phẩm nói về tình-sử thuộc các văn nghệ-sĩ:

Vie de Ronsard, Claude Binet — *Ronsard, poète de l'amour*, Desonay; — *Molière, sa vie dans ses oeuvres*, P. Brisson; — *Vie privée de Molière*, G. Mongrédien; — *La vie privée de Voltaire*, L. Francis — *Voltaire and Madame Du Châtelet*, A. O. Wade; *Rousseau dans la vallée de Montmorency*, A. Roy; *la Nouvelle Héloïse de J. J. Rousseau*, D. Mornet; —

Trois amies de Chateaubriand, A. Beaunier; — *Madame Récamier*, E. Herriot — *L'Elvire de Lamartine, notes sur M. et Mme Charles A. France*; — *Le roman d'Elvire*, L. Sèché; *Lettres d'Elvire à Lamartine*, René Doumic; *Graziella*, Lamartine; *Vigny, la vie et l'oeuvre*, E. Dupuy; — *Lettres à A. de Vigny, Marie Dorval*; — *Lettres à la fiancée*; V. Hugo; *V. Hugo et Juliette Drouet*, L. Guimbaud, — *Les amours d'un poète*, L. Barthou; *Juliette Drouet et la tristesse d'Olympio*, M. Levailant — *Elle et lui* G. Sand; — *Lui et elle*, A. de Musset; — *Une Histoire d'amour*, G. Sand et A. de Musset, P. Marieton; *Les amants de Venise*, Charles Maurras; *La véritable aventure vénitienne*, A. Adam v.v...

Như vậy, ái-tình với muôn màu sắc, khi là động-lực, khi là đề-tài, đã đào dạt lai láng qua hàng ngàn tác-phẩm, hàng vạn câu thơ, và thi-văn-đàn của Pháp không khác nào một sân-khấu để diễn liên-tiếp biết bao tấn tuồng ly-kỳ trong đó phụ-nữ thủ vai chính đáng yêu, đáng thương, đáng phục, hay đáng trách.



Juliette Drouet, tình nhân của V. Hugo.

Người đàn-bà có khi thủy-chung tiết-hạnh như ở các tiểu-thuyết Roman courtois thời trung-cổ; có khi đài-các, phong-lưu, lịch-thiệp, kiêu-hãnh, ở các truyện kịch thế-kỷ thứ XVI, XVII. Có người ngoan ngoan biết điều như Henriette, hay màu mè hợm hĩnh như Armande hoặc Philaminte trong Femmes savantes của Molière; — có hạng sôi nổi điêu đứng như các vai trò của Racine: Hermione, Agrippine, Roxane; — đau

khổ giữa tình và hiếu như Chimène của Corneille; — duyên dáng, e lệ, ranh mãnh, nhí nhảnh, hay phân vân như những Angélique, Lisette, Sylvie của Marivaux; — không muốn bị ràng buộc vào tình duyên nhưng rồi lại thấy chán chường hiu quạnh và trở về đời sống lứa đôi: Renée của Colette.

Nếu có người biết xa lánh những yêu đương bất-chính mà thủ phận với chồng con như Julie (Nouvelle Héloïse: J. J. Rousseau) khỏi bà đã sa ngã ngoại tình: bà De Raynâl (Le Rouge et le Noir, Stendhal) bà Bovary (Madame Bovary Flaubert). Nhiều độc-giả đã xót thương Virginie của Bernardin de Saint Pierre, ngây thơ trong trắng mà chết oan, song chắc cũng không khỏi ghê tởm trước cảnh truy-lạc của những cô như La Garçonne (Victor Marguerite), hoặc những đục-tình vẩn đục của Les Demi-Vierges (Marcel Prévost); đọc Lamartine, người đa-sầu đa-đảm dễ mơ tưởng hình ảnh nhẹ nhàng thơ mộng của Elvire hay Graziella, nhưng ai mong muốn những yêu đương bùng máu mà quay quắt như của « Elle » trong tình-sử Musset? Chẳng thà là son phấn lâu xanh mà biết hoàn lương như La Dame aux Camélias (Alexandre Dumas fils), Nếu chỉ toàn những hạng gái giang-hồ trục lợi như Nana (Emile Zola) thì truyện Pháp chưa chắc đáng đọc: may cũng còn những Eugénie Grandet, những Ursule Mirouët (Balzac) có đức-hạnh, có từ-tâm, biết vị-tha...

Song ít lâu nay lại thấy xuất hiện những phụ-nữ đầy bản-khoan thắc-mắc trước mọi lẽ lối sống thông-thường của người con gái,

người vợ, người mẹ ; họ phủ nhận hầu hết kỷ-cương tục-lệ xưa nay, và nhất cử nhất động hướng về tự-do, muốn tùy ý mình nhận xét sự vật để quyết định lấy, không chịu vướng víu vì thành-kiến hay kỷ-luật gì, chỉ như vậy họ mới thấy cuộc nhân-sinh có nghĩa giữa một xã-hội đã bị đảo lộn và đầy dẫy những sự vô-lý, một vũ-trụ đối với họ chẳng có tánh-cách gì thiêng-liêng nữa : đó là những Ivich, Lucie, Elizabeth, Xavière Hélène... con đẻ của các tác-giả tiểu-thuyết hay kịch thuộc văn-phái « hiện-sinh » (existentialistes) (1).



Soát lại một cách sơ-lược như vậy, thiết-nghĩ cũng tạm đủ tỏ rõ ảnh-hưởng của phụ-nữ, nhưng liệu đã chắc hẳn rằng người đàn-bà và tình-yêu là trọng-tâm của thi văn Pháp ?.

Tôi phải thú rằng cho tới khi rời khỏi Trung-học, đa-số các bạn và tôi đã không tránh được sự ngộ-tưởng đó ; mặc dầu đã biết qua văn-học-sử Pháp, chúng tôi không được lưu ý nhiều đến những trạng-thái và đặc-điểm khác ; và khi đọc sách, đương tuổi 20, thường chỉ chú trọng nhất tới tình-cảm. Nhưng khi có dịp nghiên-cứu lại, tôi mới nhận thấy sự thiếu sót này làm thiệt hại, vì đã bao lâu tôi thiên lệch nên không mở rộng tâm-hồn cho nhiều loại thi văn, cũng chẳng bước chân tới những khu-vực quan-trọng mà sự thăm dò có

thể mang lại kết-quả hữu-ích cho văn-học nước nhà.

Ở những khu-vực đó, văn-thơ không phát nguyên từ Ái-tình, bóng dáng người đẹp không ẩn hiện, mà cũng thấy tươi sáng, vui vẻ, mạnh mẽ, cao rộng, nhiều khi lời cuốn rung động mà người đọc không lo sa xuống những vực sâu : loại hùng-ca, từ lúc chân-thành chất-phác như Chansons de Geste tới những vần điệu oai nghiêm rục rờ của La Légende des Siècles (V. Hugo) hay Les Trophées (José-Maria de Hérédia) ; — loại văn thuộc phạm-vi tín-ngưỡng, từ những cổ-tích huyền-bí (contes dévôts) đến những bài giảng-thuyết hùng-hồn thống-thiết của Bossuet, Bourdaloue hoặc những dịp biến-ngẫu dâng nhẹ tâm-thần hướng thượng, của Paul Claudel (Odes) ; — loại hài-hước, bắt đầu bằng những thứ tiểu-lâm bình-dân (fabliaux, farces) rồi lên tới hí-kịch của Molière, Labiche... Ngay trong những loại thoát tiên ngữ là khô-khan, vẫn thấy sức sống động hào hứng. Sử mà viết theo lối ký-sự Saint-Simon, như truyện « vua Charles XII » hoặc « Thế-kỷ Louis XIV » của Voltaire (Histoire de Charles XII, Siècle de Louis XIV) hay Histoire de France của Michelet... thì nhiều khi thấy như xem tiểu-thuyết, chẳng thiếu hấp-dẫn vì lời văn danh thép, mỉa mai, sâu sắc, sáng sủa, bóng bẩy ; đó cũng là cảm-giác của người đọc văn nghị-luận triết-lý chánh-trị Montaigne, Pascal, Montesquieu, Rousseau, bà de Staël, Taine, Renan hay Bergson, có lẽ vì thế mà nhiều bà nhiều cô, từ thế-kỷ thứ XVII, cũng chú ý tới những ngành đó, chứ không riêng về thơ, kịch hay tiểu-thuyết.

(1) Hélène Nahas — La femme dans la littérature existentielle (1957). Một số tác-phẩm của nhóm Existentialistes : Le deuxième sexe, Simone de Beauvoir, La nausée, Jean-Paul Sartre, Le Mur, J. P. Sartre v.v...

Nên có lúc tôi tự hỏi, và kể cũng hơi ngượng : chẳng lẽ tâm - hồn tôi còn yếu mềm hơn của phụ - nữ Pháp thời xưa ? Học văn ngoại-quốc để đem về đôi chút gió trăng, liệu có ích cho văn-học Việt-Nam bằng những tư - tưởng, những phương - pháp nghệ-thuật, những cách nghiên cứu và các phép hành văn, nghĩa là những phần tinh - túy cao sâu nhất của người ta ? Học bao nhiêu năm, chỉ mới vơ vè được chữ tình ?

Vả chẳng, ngay ở những loại được người Việt mình đọc nhiều, như tiểu-thuyết và thơ, cũng có vô-số đề-tài không hướng vào phụ-nữ, nhưng về nhiều hạng người khác cũng đáng kể : « Những kẻ khốn nạn » (Les Misérables, V. Hugo), những quân-nhân hy-sinh chịu nỗi khổ của nhà binh (Servitude et grandeur militaires, A. de Vigny), những kẻ bị một tật xấu quá sâu quá mạnh làm tê liệt nhân-tình và tổn thất nhân - cách (nhiều nhân - vật của Balzac) những đứa con hoang (của Alexandre Dumas fils) những người lang thang hoặc bị xã-hội ruồng bỏ (của Jules Vallès) những người số phận hẩm hiu, ông vua mất ngôi, trẻ thơ vất vả, thợ thuyền lam lũ chốn ngoại-ô... (của Alphonse Daudet).

Nếu theo dõi đường lối của những nhà văn có tên tuổi, thì từ cuối thế-kỷ trước, đã thấy một sự chuyển hướng rõ rệt : từ ái-tình đẹp xấu muôn vẻ nhưng thường vị-kỷ, đã tiến tới những tâm-trạng vị-tha, rồi khỏi tháp ngà và đáy lòng tối tăm mà bước ra xã-hội nhân-quần để chú trọng tới người khác, lắm khi cũng nhằm vào hạnh-phúc chung.

Có ai lẩn trốn lâu ngày hơn A. de Vigny ? Thế mà lúc văn-niên, ông đã viết :

« trên những giá-trị tinh-thần bị đổ vỡ,
« tôi sẽ nâng cao, cùng với lòng từ-bi đại-
« lượng tha thứ hết các tội lỗi, cái đẹp
« thiêng-liêng của lòng phẫn-khởi, của tình
« thương, của danh-dự, của bác-ái » (1).
G. Sand, một nữ-sĩ đã lăn lóc vì tình và
đòi hỏi quyền yêu đương tự-do cho phụ-
nữ, sau 1837 cũng quay về cảnh lạnh
mạnh đồng quê, để thân mến những tầng
lớp cần-lao chất phác (Le Meunier d'Angi-
bault, la Mare au Diable, La petite Fa-
dette...). Stendhal, tác-giả chuyên-môn về
tình-ái, cũng chủ-trương một đời sống
mạnh theo nghị-lực (Le culte de l'énergie).
Emile Zola, mặc dầu đã viết bao truyện
tình, rồi cũng ngã về lối văn tranh-đấu cho
công-lý và sự cải-tiến xã-hội (J'accuse, Les
quatre évangiles : Fécondité, Travail, Vérité,
Justice...) Anatole France bênh vực quyền
tự-do cá-nhân, ghét chiến-tranh và mong
cho nhân-loại tương-thân tương-ái (L'Orme
du Mail, M. Bergeret à Paris). Romain
Rolland ca ngợi những đức tính thành-
thực, dũng-cảm và nhân-đạo (Jean Chris-
tophe, Vie de Beethoven...) Maurice Barrès
đề cao tinh-thần dân-tộc và nhấn mạnh vào
mối tương-quan giữa con người và đất
nước (La Colline inspirée, les Déracinés)...

Rồi tới hồi gần đây, các nhà văn thường
chỉ dùng tiểu thuyết làm phương-tiện truyền
bá lý-tưởng về nhân-sinh và vũ-trụ, tìm
cho đời sống một ý-nghĩa gì cao quý : hoặc
tinh-thần đạo-giáo, theo François Mauriac,
hoặc sự nỗ-lực của một số người có thiện-
chí phụng-sự nhân-loại (André Gide), nhân-

(1) « J'élèverai sur ces débris (des valeurs éter-
nelles) sur cette poussière, la sainte beauté de
« l'enthousiasme, de l'amour, de l'honneur, de la
« bonté ; la miséricordieuse et universelle indul-
« gence qui remet toutes les fautes (A. de Vigny,
« Journal, 1835).

ái và văn-hóa chân-chính (Georges Duhamel), đức hy sinh và sức dũng-tiến vượt khỏi cá-nhân, đi tới thiện mỹ (Henri de Montherlant), lòng can-đảm nhận định số-mệnh và tranh đấu để giữ phẩm-giá con người (Albert Camus). Ngay đến J. P. Sartre, mà nhiều vị trách đã gieo rắc những tư-tưởng phá-hoại đạo-lý, cũng cố tự bào chữa rằng ông vẫn có mục-đích xây-dựng, tìm một hướng đường sinh-hoạt trong tự-do và sáng suốt tự quyết để đạt nhân-cách về toàn-diện (l'Existentialisme est un humanisme).



Ở vườn thơ, và ngay từ thế-kỷ XVII, đã mọc ra bao nhiêu hoa thơm cỏ lạ không đượm hương tình: không thương thức chẳng qua vì chẳng tìm hiểu mà thôi. Trước kia, đã có hồi tôi chán vì phải học những văn ngụ-ngôn La Fontaine, chẳng thấy rung động gì hết, mãi đến khi xem cuốn bình-luận của Hippolyte Taine « La Fontaine et ses fables » mới vỡ ra và hiểu cái hay độc-đáo của nhà thơ mượn hình-thể và lời lẽ giống vật. Khi có vị túc-nho trong họ trách: thơ phú gì mà chỉ toàn mèo cáo lợn bò? tôi đã dám thưa lại: thế sao Lê-Thánh-Tông làm thơ « Cợn cóc » ?

Nếu có tài, thì cóc cũng nên thơ, huống chi những sự vật khác? Ở nội-tâm hay ngoại-giới, nghĩa là trong hai vũ-trụ mộng mênh, huyền-ảo hay linh-động biến dịch, biết bao vẻ đẹp khác những nụ cười khúc mắt? Không những tìm trong kho « phong nguyệt vô-biên » giữa núi sông cây cỏ, để họa cảnh sắc, gửi tâm-tình, hay mượn vang bóng mà tô màu cảm-giác, thi-nhân dù thuộc nhóm Lãng-mạn, Tao-đàn, Tượng-trung v.v... còn trao hồn mộng vào bao

nhiều trạng-huống, vào những cảm-xúc ở ngoài dục-tình, vui buồn vì những lý-do thông-thường hay siêu-việt. Nhớ tiếc người yêu mà viết ra Tristesse d'Olympio (V.Hugo) thì chẳng có chi lạ, nhưng xót con chết yếu, mền đàn trẻ nhỏ, thương người đánh cá nghèo nàn mà tốt bụng, oán giận một chánh-thể quân-chủ chuyên-chế, thắc mắc trước bí-huyền của Tạo-hóa, cảm phục những siêu-nhân trong lịch-sử, ngắm con bò trắng nằm nhai, nhớ cảnh êm đềm hồi thơ ấu v.v... cái gì chẳng thể thành thơ, nhiều khi rất hay của tác-giả Les Feuilles d'Automne, la Chanson des rues



George Sand, nữ sĩ đã làm cho thi nhân A. de Musset đau khổ (tranh của Delacroix).

et des bois, les Rayons et les Ombres, La Légende des siècles? Giá thử không ưa, không thấy rung động, là tại không đồng-thanh đồng-khí, hoặc tại chỉ thêm muốn những văn điếu gì vượt ve mơn trớn nổi

niềm vu vơ thăm-kín, còn thì cảnh ấy, tình ấy, chưa mấy ai có thể diễn tả với cung điệu truyền cảm mạnh hơn.

Bạn Cống cùng đọc với tôi, khuyên đồ những câu những đoạn nào hay, nhưng phải liên-quan đến Chàng và Nàng. Nhiều khi tôi cũng đồng-ý, hơn nữa cũng thích. Song những đoạn mà chính tay tôi khuyên, dù đã được trích vào nhiều sách giáo-khoa, Cống cũng vẫn đứng dưng vì thấy khô-khan : khô-khan vì chỉ là ý-tưởng (idée) chứ không phải tâm-tình (sentiment). Tôi thiết nghĩ

như vậy chẳng sát thực-tế : khó lòng phân biệt trong tâm-hồn cái gì là ý hẳn, cái gì là tình hẳn, tình tình ý ý quấn quít thắm nhiễm lẫn nhau, nhất là khi diễn tả ra văn vần bóng gió, chính các tâm-lý-học hiện nay đều nhận như thế. Dù sao, có điều rất rõ rệt, là trong những câu mà tôi ca ngợi, không có chi dính líu đến đàn-bà : chắc vì thế mà bạn tôi cho là không đủ chất thơ và không muốn đọc ? Về phần riêng, tôi cũng bướng bỉnh, thấy hay thì cứ ghi, vào thử nêu ra đây một vài trong hàng trăm tỉ-dụ :

Guillaume Apollinaire nói về vết thương, sau khi trúng đạn ở giữa trận :

Tôi mang một vết đau xót cháy thịt xương
Như con đom đóm mang thân bùng lửa
Như phấn ngát hương trong lòng hoa huệ.

*Et je porte avec moi cette ardente souffrance
Comme le ver luisant tient son corps enflammé
Et comme au coeur du lis le pollen parfumé.*

(G. Apollinaire — *Calligrammes*)

Albert Samain mơ màng, hồn thơ ngây ngất :

Như làn hương tan trong hơi mát lạnh âm thầm
Tôi mơ ước những vãn thơ êm dịu héo hơn như cánh hoa hồng.

*Comme un parfum dissous parmi les tiédeurs closes
Je rêve de vers doux mourant comme des roses...*

(A. Samain — *Au jardin de l'Infante*)

Victor Hugo thương thân lúc khóc con gái và oán hận trời :

Những tháng, những ngày, những làn sóng bề khơi, những giọt lệ đau thương
Đều trôi qua dưới vùng trời xanh,
Cỏ vẫn phải mọc, và con thơ vẫn phải chết,
Tôi vẫn biết vậy, hỡi Trời !

*Les mois, les jours, les flots des mers, les yeux qui pleurent
Passent sous le ciel bleu,*

*Il faut que l'herbe pousse et que les enfants meurent,,
Je le sais, ô mon Dieu !*

(V. Hugo — *A Villequier*)

Jean Moréas đưa ra một quan-niệm nhân-sinh :

Hãy cười như khi xuân rung cành lá,
Khóc như gió lạnh hay sóng dạt dào ven biển,
Hãy ném hết ngọt bùi và chịu hết đau thương,
Và tự nhủ thế đã là nhiều, và chỉ là bóng một giấc mơ.

*Riez comme au printemps s'agitent les rameaux,
Pleurez comme la bise ou le flot sur la grève,
Goûtez tous les plaisirs et souffrez tous les maux
Et dites c'est beaucoup et c'est l'ombre d'un rêve.*

(J. Moréas. — *Stances*)

René Arcos hiên-ngang cương-quyết giữ vững tinh-thần trước giông tố của thời-đại :

Không mất chi hết, vì chỉ cần
Trong cơn cuồng-loạn, một kẻ bợn ta
Đứng lại, trước thế nào sau vẫn thế,
Đề cứu vãn tất cả niềm hy-vọng của loài người.

*Rien n'est perdu, puisqu'il suffit
Qu'un seul de nous dans la tourmente
Reste pareil à ce qu'il fut
Pour sauver tout l'espoir du monde.*

(R. Arcos. — *Odes*)

Sully Prudhomme tha-thiết trao tình thương cho vạn-vật :

Tôi muốn yêu thương tất cả, và tôi đau khò,
Vì chính tôi đã tự ràng buộc vãn vương mãi trong duyên nghiệp,
Biết bao mối dây mong manh đau đớn
Đã nối tác lòng tôi với muôn vật trong vũ-trụ bao-la.

*J'ai voulu tout aimer et je suis malheureux,
Car j'ai de mes tourments multiplié les causes,
D'innombrables liens frêles et douloureux
Dans l'univers entier, vont de mon âme aux choses.*

(S. Prudhomme. — *Stances et Poèmes*)

ĐOÀN-THÊM

Jules Supervielle than về cảnh cô-độc của tâm-hồn, và cảnh trơ trọi bi đát của con người khốn nạn trước sự mĩa mai của tạo-vật vô-tình (chưa thấy ai tả được sự tàn-nhân một cách giản-dị như vậy) :

Hỡi con người lạc loài qua các thế-kỷ
Chẳng lẽ không bao giờ mi gặp kẻ đồng-thời ?

*Homme égaré dans les siècles,
Ne trouveras-tu jamais un contemporain ?*

Một người rơi xuống biển, giơ một cánh tay
Kêu cứu vớt,
Âm vang trả lời hân : người muốn nói cái gì vậy ?

*Un homme à la mer, lève un bras,
Crie « au secours ! »
Et l'écho lui répond : qu'entendez-vous par là ?*

(J. Supervielle)

Bạn tôi chẳng chê, chỉ không ưa mà thôi. Song tôi vẫn còn lý-do tin tưởng :

Một hôm, tôi đã đọc câu sau đây cho một bà quen, 30 tuổi, tính thật-thà :

« Ngoài biên-khôn ba năm chia sức giặc,
yưng lòng tôi bao quân thế là nguy,

« Cõi Phú-Xuân một trận khét uy trời,
nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ... »

Và gần run sợ, tôi khẽ hỏi có hay không, nôm nớp e bị bà cười : phúc-đức quá, bà cũng gật gù : thấy mạnh và thương.

Thế ra văn khóc người tử-tiết cũng được bạn gái thấy lâm-ly thống - thiết.

Chắc vì người đẹp khen hay, nên Cống thấy nghe được. Vậy thì tôi

chưa tuyệt-vọng về tương-lai của những thơ không đã động gì tới « anh » và « em ».

Được thế, tôi lưu ý Cống đến tất cả cổ-văn cổ-thi của chúng ta : ngoài sự yêu đương, còn có bao nhiêu cái đẹp ở cõi lý-tưởng cao siêu hay những nguồn cảm-hứng hùng mạnh thanh nhã mà người xưa đã từng thấy, để cải thiện tâm-hồn mà truyền lại cho ta : ta cảm khác vì ta để phai nhạt mất, hồn ta bị tràn ngập vì nhiều lớp sóng không sạch sẽ dồn dập từ những ven bờ xa lạ. Nếu muốn trau giồi, vẫn phải sẵn sàng tiếp nhận, nhưng cần gạn lọc những trào-lưu đầy thú-vị mà không vẫn đục, không hỗn loạn : ta phải Việt-Nam-hóa nó, chớ nó không thể chìm đắm mà ngoại-hóa mất hồn ta.

Bạn Cống có hỏi lại tôi : dù sao, đời với văn-nghệ-sĩ Pháp, anh đã nhận thấy

vai trò của phụ-nữ quan-trọng như thế nào, thì nay anh mong ước gì ở giới phụ-nữ Việt-Nam?

Tôi nghĩ đặt câu hỏi như vậy chưa hợp với vấn-đề mà tôi định nêu ra: tôi chỉ mong sau khi xét lại như trên, chúng ta nên cố nhận định cho đúng tầm quan-trọng của phụ-nữ mà thôi. Nói một cách khác, nếu chúng ta viết truyện, làm thơ v.v... chúng ta không từ chối những nguồn cảm-hứng nào tốt đẹp có thể xuất phát từ những người đẹp; song tôi thấy không có lý gì chẳng chịu tìm nhiều nguồn mới khác trong xã-hội, nhân-loại, vũ-trụ, mà chỉ theo những đề-tài tình-ái nhắc đi nhắc lại mấy ngàn năm nay: nếu cứ như vậy, thì bao giờ văn-chương tiến mạnh?

Ở phạm-vi này, tôi coi đàn-bà cũng như đàn ông (1), nếu cần thì nói đến, nếu không thì thôi, cũng như đối với tất cả các giới khác, chớ không muốn thiên hẳn vào nhan-sắc, vào ái-tình và tâm-hồn phụ-nữ như một số rất đông

nhà thơ nhà văn Pháp. Chúng ta chỉ biết có con người, với những vấn-đề nhân-sinh chung, trong cuộc tiến-hóa chung.

Rất có thể nhờ một Nàng Thơ mỹ-miệu mà làm được thơ hay; nhưng không thấy Nàng Thơ nào, vẫn có thể đi tới hồn thơ và văn điệu như của những thi-nhân mà tôi vừa kể làm tỉ-dụ.

Đ. T.

(1) Về điểm này, tôi ngẫu-nhiên lại gặp mấy ông nhà văn « existentialistes », Xin bạn Công tha thứ cho tôi: Theo các vị, đại-khái nhà văn phải chú trọng đến tất cả nhân-tình, đến toàn-diện toàn-thể con người, chớ sao cứ chuyên riêng về đàn-bà hay đàn ông? Có nhiều sự ngộ-nhận về ái-tình và phụ-nữ, vì đã lâu đời, người ta quen coi như trọng-tâm của văn-chương (Si donc c'est toute la condition de l'homme qui attire l'attention de l'écrivain, pourquoi se limiter à l'étude d'un ou de deux aspects de cette condition? Pourquoi devenir des spécialistes de l'érotisme, du crime, du désespoir? Une grande partie du mal-entendu au sujet de l'amour et de la femme vient de ce que sous l'effet d'une longue tradition, on les a toujours considérés comme le centre de la littérature... Les écrivains existentiels apportent leur vision totale du monde et de la condition humaine — Hélène Nahas — La femme dans la littérature existentielle — trang 12 và 145).

* Ra lệnh thì chỉ nên ra một lần; nhắc đi nhắc lại một lệnh tỏ ra mình không tin nơi hiệu-lực của lệnh mình đã ra.

* Người dưới không ưa thấy người trên tiền hậu bất nhất, chính mình lại trái nghịch với mình.

Người tiền hậu chuyên nhất là người chỉ đòi hỏi điều có thể làm được, và điều đã quyết-định làm thì phải làm cho được. Trong một gia-đình, bà mẹ luôn miệng quát bảo đứa trẻ: « Con không được làm cái này, con không được làm cái nọ », mà chính khi đứa trẻ cứ làm bừa, bà mẹ lại không làm gì để sửa trị nó. Đứa trẻ sinh ra hồn hào, vô kỷ-luật, chỉ vì bà mẹ không tiền hậu chuyên nhất. Điều thật, đúng với đứa trẻ, cũng thật, đúng với người lớn.

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenactine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,
et les affections fébriles par refroidissements.



ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)

Efficacité certaine — Bien toléré —

Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A.G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (Westf) ALLEMAGNE



Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam :

Pharmacie MY-CHAU

120 - 121, Bèn Chương Dương

SAIGON

GIAO - THÔNG - NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Việt-ngữ
chính-tả tự-vị
của Lê-Ngọc-Trụ
và vấn-đề
thống nhất chánh-tả

(tiếp theo B.K. số 79.)

TRONG bài trước, trên BK số 79, chúng tôi đã nhận xét về cách trình bày; bây giờ tới phần nội-dung, phần quan-trọng nhất.

Tôi không bàn tới cách dùng gạch nối, cách viết những nhân danh, địa danh, cách viết tiếng *quýt*... của ông, vì trong bài tựa, Lê-quân đã nói: « ... đây chỉ là lỗi riêng áp-dụng trong quyền tự-vị của chúng tôi, chớ về phương-diện này, còn chờ cơ-quan thẩm-quyền quyết-định, như Viện Hàn-lâm Việt-Nam chẳng hạn » Và cũng vì những tiêu tiết đó mỗi người chủ-trương một khác, chủ-trương nào cũng có một phần hữu-lý, còn phải bàn cãi nhiều, mà trong bài này tôi chỉ muốn giới-thiệu phương - pháp tìm nguồn gốc mỗi

tiếng rồi áp-dụng những luật về âm-thanh để định chánh tả của Lê-Quân thôi.

Phương - pháp thì tôi phải nhận là rất khoa-học, hữu-lý. Nhưng nếu không biết áp-dụng thì dễ mắc những lỗi rất nặng. Ở bài tựa, trang IV, ông đã nói: « ... Nhiều tiếng chưa rõ ắt tự-nguyên, ấy là không kể những tiếng mà tự-dạng âm thanh bề ngoài dễ đưa ta đến chỗ lầm-lẫn. Tiếng nói biến-thể theo những luật phát-âm còn bị ảnh-hưởng nơi luật suy-loại của sự quen dùng. » Người nào đã nghiên-cứu tiếng Pháp tất biết lỗi chính tả rất nặng trong tiếng *poids* và *legs*. Tiếng *poids* gốc ở tiếng *pensum* (= qui est pesé); mới đầu, viết là *peis*, rồi dời ra *pots* cho cách viết hợp với cách phát âm. Rồi tới thế kỷ

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

XVI, một thầy ký nào đó cho rằng nghĩa của nó giống nghĩa tiếng La-Tinh *pondus* hơn, bèn sửa chính tả, thêm chữ *d*, mà chữ *d* đó còn hoài tới bây giờ, mặc dầu không khi nào đọc tới nó cả. Tiếng *legs* cũng vậy, hồi xưa viết là *lais* (do động-từ *laisser*) ; sau đổi ra *legs* chỉ vì một kẻ nào đó tưởng lầm gốc của nó là động từ *léguer*.

Ông Lê-Ngọc-Trụ hiểu rõ những cạm bẫy đó, nên rất thận trọng trong công việc tìm từ nguyên.

Ở phần trên tôi đã nói : hễ còn nghi ngờ về nguồn gốc thì Lê-Quân không ghi (như *giồng* là đất nổi) ; dù biết chắc nguồn gốc đáng lẽ phải sửa chánh tả, nhưng lối viết đã quen dùng thì cũng để : như về tiếng *dám* ông ghi :

Dám tiếng nôm (đáng lẽ viết giám vì cho chữ cảm 敢) 1 — có gan không nhút nhát, không sợ : *dám* ăn, *dám* nói.....

Nhưng cũng có khi hình như ông thận trọng quá, thành thử độc-giả không hiểu rõ chủ-trương của ông. Chẳng hạn trang XVIII, ông viết :

Âm x của tiếng nôm, trừ mấy tiếng xét < soát (1), xát < sát, xâu < stru, xối < sái ; xua < (cỏ) sơ.... thường chuyển bên gốc Hán-Việt âm khởi đầu bằng x, th, hoặc kh : xe < xa ; xấu < xú ; xom < xâm ; xanh < thanh ; xua < xu (khu)...

Vậy ông cho rằng tiếng *xối* do chữ *sái* (chắc chữ *sái* này 灑), nhưng ở trang 424, tra chữ *xối*, tôi không thấy ông ghi nguồn gốc đó, mà chỉ định nghĩa : *Xối* (tiếng nôm) gội nước, đổ nước xuống...

(1) dấu < nghĩa, là do : xét < soát, nghĩa là tiếng nôm xét do tiếng Hán-Việt soát mà ra.

Tra tiếng *ráy* trang 372, thì có chữ gốc là *sái* 灑 tra tiếng *sát* trang 392, ta cũng thấy đổi ra *ráy* ; *rười*.

Vậy thì *sái* 灑 có phải là biến ra 2 tiếng nôm : *xối* và *ráy* hay không ? Hay là ông đã quên không ghi thêm nguồn gốc tiếng *xối* ở trang 424 ?



Có vài tiếng tôi nghĩ cần phải xét lại, như tiếng *giồng*. Trang 141, ông ghi :

Giồng (tiếng nôm) 1. gái nọ giồng = nhỏ tuổi đã làm mẹ. 2. trở đường nước cho bờ đê : *khai* giồng ; *tát* giồng.

Việt Nam tự-diễn của hội Khai - Trí Tiến-Đức không có chữ *giồng*, mà ở chữ *nạ*, có ghi : *nạ* dòng. Đàn bà đã đẻ nhiều con : *Nạ* dòng trang-điềm hái (hãy) còn xuân xanh. Tôi xin thú thực về chánh tả và từ nguyên, tôi chưa biết gì cả. Tiếng *nạ giồng*, còn phải bàn cãi về từ nguyên chắc Lê-quân đã theo nhiều tự-diễn khác mà tạm ghi *giồng* với *gi*, như vậy cũng được. Nhưng về *khai* giồng ; *tát* giồng, thì tôi tưởng nghĩa của nó không khác nghĩa chữ *dòng* (đường nước chảy) là mấy, thì ta có nên xét lại không ? Ông rất thận trọng nên ghi lối thông dụng là *gi* nhưng dù sao ta cũng có quyền nêu lên một nghi vấn, vì các tự-diễn H.T. Của, Génibrel... có đồng ý chẳng nữa thì chưa chắc lối viết đó đã là lối thông dụng. Sao không theo qui tắc ông đã nêu ở đầu bài tựa, " tập tục là chủ nhân ông của ngôn ngữ ", mà theo tập tục thì toàn thể người Bắc và có lẽ đa số người Nam đến nói *khai* dòng, *tát* dòng.

Lại như tiếng *bản giáp* (hay *dáp* ?) mà người Bắc dùng để dịch tiếng *brouillon* của người Pháp, tôi không thấy trong tự vị của ông.

Tôi hỏi ông thì ông giảng rằng :

« *Bản giáp* không có vì trong Nam theo tự vị H.T. Của, gọi là *bản nháp*, chữ *nháp* để viết nên không ghi ; (Tự vị G. Hue ghi *bản ráp*). Đọc là *nháp* nhưng chữ nôm thì mượn chữ *giáp* mà ghi *bản*.

Nếu *giáp* là « *bản đầu* », như *giáp* trong *giáp ất bình đĩnh*, thì *giáp* viết với *gi*. Nhưng âm *d*, *nh*, *r* thường thay đổi lẫn nhau, nên tôi còn ngờ. Tuy nhiên, *gi* cũng đổi ra *rinh*, mặc dầu là rất ít : *giáp* < *ráp*, *xáp* (lại) ; *gia* < *nhà* ».

Tôi tra lại Dictionnaire Annamite-Français của G. Hue in năm 1898 thì thấy :

Nháp (= *ráp T*) *brouillon* — *Cái nháp thơ* — *Viết nháp*. Chữ T đứng sau chữ *ráp* đó có nghĩa là Tonkinois, là giọng Bắc. Vậy thì nên viết là *nháp*, *ráp*, chứ không phải *giáp* ; và ông Lê-Ngọc-Trụ cũng nên ghi thêm chữ *ráp* (*bản ráp*) trong R nữa.

Công sưu-tầm của soạn-giả hơn hết cả những bộ tự-điển xuất-bản từ trước tới nay. Vì ăn-loát khó khăn, soạn-giả đã phải bỏ đi hai phần ba những tài-liệu đã gom được, như tôi đã nói, vậy mà so với *Việt-Nam tự-điển* của hội Khai-trí tiến-đức, *Việt-ngữ chánh-tả tự-vị* đầy đủ hơn nhiều.

Tôi xin cử hai thí dụ. Thí dụ thứ nhất ở phần về chữ E. Không kể những tiếng chánh-tả không thể làm được, như *e*, *é*, *è*, *ẹ*, *em*, *éo*, *èo*, *ép*, *ẹp*, nên không ghi, « Việt-

ngữ chánh-tả tự-vị » có đủ những tiếng trong Việt-Nam tự-điển, trừ tiếng *én* (chim yến) *ê*, *cá éc*, *ét*, *ót ét*, *ẹt* (ỏ *ẹt*), *en* (ón nóng lạnh) *ên* (ôn ền) trừ *ên*.

Thí dụ thứ nhì là chữ *lưu* (dừng lại, giữ lại) Việt-Nam tự-điển ghi *lưu-giản*, *lưu-hạ*, *lưu-luyến*, *lưu-nhậm*, *lưu-tâm*, *lưu-thú*, *lưu-trú*, *lưu-truyền*, *lưu-trữ*.

« Việt-ngữ chánh-tả tự-vị » ghi đủ những tiếng đó, trừ tiếng *lưu-truyền* ; Và ghi thêm : *lưu binh*, *lưu biệt*, *lưu cứu*, *lưu chiến*, *lưu lưu chú*, *lưu danh*, *lưu dương*, *lưu ý*, *lưu khách*, *lưu lai*, *lưu quý*, *lưu tàng* ; lại ghi cả những tiếng có *lưu* ở sau như *câu lưu*, *già lưu*, *nhưng lưu*, đó là một điều mới-mẻ, giúp độc-giả có được nhiều từ-ngữ.

Tất nhiên, một người làm thì thế nào cũng có chữ thiếu sót.

Tiếng *én* và tiếng *lưu truyền* tôi tưởng nên đề, vì *én* có người viết lầm là *éng* ; mà *lưu truyền* thông-dụng hơn *lưu lai* nhiều. Và tình cờ, tôi được thấy Lê-Quân quên ghi tiếng *rạm* (loài cua, loài còng nhỏ ở đồng nước hai) có trong *Việt-Nam tự-điển*. Địa vị của con *rạm* trong đời sống nông-dân Bắc-Việt cũng quan trọng, như địa vị con *ba-khía* ở miền Nam.

*

Tôi đã bỏ ra một buổi đề lật qua bộ « Việt-ngữ chánh-tả tự-vị » rồi ghi ở trên ít nhận xét của tôi để giới thiệu tác-phẩm đó với độc-giả.

Tôi thấy soạn-giả làm việc đứng-dắn và công-phu, mà tác-phẩm của ông, đáng

cho quốc-dân và nhất là bộ Quốc-Gia Giáo-dục lưu-ý tới, vì 4 lẽ :

— nó là công-trình đầu tiên có mục-đích thống-nhất chánh tả trên một cơ-sở khoa-học

— Nó cho ta biết nguồn gốc của rất nhiều tiếng, có lẽ tới nửa vạn ; việc tìm nguồn đó nên tiếp tục nữa.

— nó gom được rất nhiều tiếng ở khắp các miền (nhiều nhất là miền Nam), như vậy dọn đường cho các nhà soạn bộ tự-diện Việt-Nam sau này.

— nó giúp chúng ta dễ nhớ chánh tả của nhiều tiếng. Chẳng hạn khi các bạn Nam biết rằng tiếng *vuông* (vuông tròn) do tiếng Hán-Việt *phương* mà ra, thì nhớ ngay rằng *vuông* phải có *g* cũng như *phương* ; và các bạn Bắc biết được tiếng *dây* (dây buộc) do chữ *duy*, còn chữ *giây* (phút giây) do chữ *thì* (*th* chuyển qua *gi* : *i* chuyển ra *ây* như *vi* chuyển ra *vây*) thì không khi nào ta còn quên được chánh tả những tiếng đó nữa. (1)

Tôi mong rằng bộ Quốc-gia Giáo-dục lập một ủy ban gồm các học giả Trung, Nam, Bắc để xét ộ chánh tả tự-vị của ông Lê-Ngọc-Trụ, sửa đổi, thêm bớt, rồi ra chỉ thị cho các trường học dùng. Công việc đó có thể trong sáu tháng là xong. Mỗi vị học giả mỗi ngày bỏ ra chừng hai giờ xét độ 6 trang, thì ba tháng là hết cuốn ; rồi các vị đó sẽ họp nhau lại thảo luận : những chỗ nào bất đồng ý-kiến, hãy tạm gạt ra, để sau nghiên-cứu lại, những chỗ

(1) Tuy nhiên, luật biến chuyển có khi rất phức tạp. Chẳng hạn coi văn *R*, tôi thấy *r* có chuyển từ *l*, *s*, *x*, *d*, *đ*, *t*, *gi*, *nh*, *h*, cho nên ngoài cách nguồn gốc, ta lại nên tra thường thì mới nhớ được.

đồng ý thì tuyên-bố chấp-thuận và ra chỉ thị thi hành trong các trường học. (2)

Chỉ t ; đó chắc có một câu đại ý rằng : « Hết thầy những sách giáo - khoa đều phải theo chánh tả mới. » Như vậy thì tất nhiên, khi trích một đoạn văn nào — thí dụ của nhóm *Tự-lực văn đoàn* vì tác-phần của nhóm này có giá-trị mà ít chú trọng đến chánh tả — người soạn sách giáo-khoa có phải xin phép tác-giả sửa lại cho đúng chánh tả mới không ? Nếu xin mà có tác-giả quá tự cao tự đại, không cho thì làm sao ? Và khi một nhà xuất bản muốn tái bản những cuốn thanh niên thường đọc, thí dụ cuốn *Hồn bướm mơ tiên* của Khái-Hung, thì có nên bắt buộc phải sửa chánh tả cho đúng không ? Có lẽ cũng nên nữa. Nhưng trong một công trình khảo cứu, tác-giả trích dẫn một đoạn văn viết từ hai ba chục năm trước, thì tôi lại nghĩ cứ chép đúng, rồi ghi chú ở cuối trang những tiếng sai chánh tả chứ không nên sửa đổi. Tất cả những vấn-đề đó cũng phải đem ra thảo luận nữa.

★

Cái tật chung của người cầm bút là hay mơ mộng, mơ mộng hão. Tôi mới đề nghị một chương trình thống nhất chánh tả. Chương trình đó, theo thiên kiến của tôi, chỉ sáu tháng là thực hành được. Nhưng tôi lại ngờ rằng có thể sáu năm nữa, nó vẫn chưa hề nhúc nhích. Trong ba chục năm

(2) Tôi tưởng ngay bây giờ, soạn-giả cũng có thể soạn một cuốn nhỏ cho học sinh Nam, một cuốn khác, cho học sinh Bắc. Vì bộ hiện nay có tính-cách soạn cho người lớn dùng. Những cuốn đó nên sắp đặt lại cách nào cho trẻ dễ kiếm, dù có tốn giấy cũng không hại.

nay, tôi đã kinh-nghiệm ít nhiều ! Ấy vậy mà tôi lại sắp làm rườm tai độc-giã thêm nữa. Tôi đương dặt một cái mộng nữa.

Ở đầu bài Tựa, Lê-quân viết :

« Trong một buổi hội-hợp (1) hoạch-định phương-pháp chánh-tả để soạn-thảo bộ « Từ-điển Bách-Khoa Việt-Nam », ông bạn quá cố của chúng tôi, ông Đào-Văn-Tập, đã nói rất hữu-lý, đạt ý như vầy : « Các bạn miền Nam, đối với hai giọng hỏi, ngã dấu có viết thế nào cũng không phát âm đúng để phân biệt. Chúng tôi đồng-bào Bắc, quen phát-âm một tiếng « giọng ngã » và viết với « dấu ngã », bây giờ biểu phải sửa lại với « dấu hỏi » là biểu chúng tôi « nói đót » nó chối tai khó chịu làm sao ! Cũng như các bạn miền Nam sẽ khó chịu mà nói đót « Ông Chờ » hay « xạch-xê », thay vì « Ông Trời », « sạch-sê ». Như mấy tiếng bảo là « no », tiền là « tên », trừ là « chúa »..., theo phiên-thiết của tự-điển Trung-Hoa và theo luật ngôn-ngữ chuyển-biến, đúng lý phải viết với « dấu hỏi » (bảo, tiền, trừ...), nhưng chúng tôi đã quen phát-âm bằng « giọng ngã » thì khó mà nói đót ra « giọng hỏi », để viết với « dấu hỏi. »

Vâng, giải-quyết như vậy tiện cho người Bắc lắm. Nhưng lại không tiện cho người Nam. Ông Đào-Văn-Tập xét còn hơi cạn. Luật hỏi ngã nào phải chỉ có

(1) Tôi không đồng ý về chữ *hợp* này, hết thấy người Bắc vẫn quen nói là *hội hợp*. Cả *hội* lẫn *hợp* đều thành tiếng Nôm rồi, có thể đi chung với nhau được lắm — mà tôi thấy nói *hội hợp* dễ hơn là nói *hội hợp* ở với o đều tròn cái miệng lại (Lê quân gọi là *nguyên âm sau*) còn o thì nhách cái mép ra (Lê quân gọi là *nguyên âm giữa*) ; vì vậy tôi ngờ rằng sau này ở Nam cũng sẽ nói *hội hợp* như người Bắc.

công-dụng một chiều ? Nó giúp ta định được chánh-tả tiếng Nôm khi biết gốc Hán (như tiếng cả trong *mặc cả* viết dấu ? vì cả đó do chữ *giá* mà ra : *Gi* chuyển thành *c*, dấu sắc chuyển ra dấu *hỏi*) : mà ngược lại, nó cũng giúp ta định được chánh-tả một tiếng Hán khi ta biết tiếng Nôm biến ở tiếng Hán đó ra : trường-hợp những tiếng *tiền*, *trừ* : ta biết *tiền* biến ra tiếng Nôm thành *tên*, *trừ* biến ra tiếng Nôm thành *chứa*, mà ta lại biết dấu *ngang* và dấu *sắc* chỉ đòi lẫn với dấu *hỏi* được thôi thì ta nhớ ngay rằng hai tiếng *tiền*, *trừ* đó phải viết với dấu *hỏi*. Nay muốn tiện cho người Bắc mà viết như cũ là *tiền*, *trừ* thì người Nam phải học thêm một lệ ngoại nữa. Đó bất tiện cho người Nam là thế.

Tôi vẫn biết « tập-tục là chủ nhân ông của ngôn-ngữ », nhưng ta chỉ được nói đến tập-tục khi nào tối đa đại số quốc-dân dùng, như trường-hợp tiếng *dám* (dám làm, dám nói) mà ta biết gốc của nó là tiếng *cảm* ; hoặc tiếng *dòng* (dòng nước) mà ta chưa biết được gốc nhưng từ Nam tới Bắc phần đông đều viết với *d* ; còn như trường-hợp ba tiếng. *bảo*, *tiền*, *trừ* thì không như vậy.

Nhân vấn-đề ông Đào-Văn-Tập nêu lên mà tôi nghĩ đến việc thống-nhất giọng nói.

Chúng ta có nên thống-nhất giọng nói hay không ? Chỉ xét đến cái lợi cho học sinh cũng thấy là nên rồi. Ta thử tưởng nếu người Việt nào cũng nói đúng giọng, cũng phân biệt *ch*, *tr*, *d*, *gi*, *r*, *v*, *at*, *ac*, *an*, *ang*, ? ... thì tất nhiên ai cũng viết chánh-tả cả. Nếu người Việt nào dạy con nói cũng đúng giọng từ khi chúng mới hết

ngọng, thì tôi tưởng lớn lên chúng chẳng cần phải học chánh tả nữa, mà ở ban tiểu-học, trung-học, trong chương-trình và trong các kỳ thi có thể bỏ được môn chánh tả mà thay vào một môn khác, chẳng hạn môn từ nguyên.

Ấy là tôi chưa xét cái bần phận của chúng ta phải giữ tính cách phong phú của âm-thanh Việt-ngữ. Nếu chỉ phát âm như người Bắc thì mất hẳn phụ âm *tr, r, s, gi*, mà chỉ phát âm như người Nam thì ta mất phụ âm *v, q*, mất thanh *ngã*, và mất nhiều vần như: *au, at, ắt, an, ần, ân, en, ên, iên...*

Đó là lý-thuyết, tất nhiên. Đem ra thực hành không phải là dễ. Phải vài ba thế-hệ mới thành-công được. Nhưng vài ba thế-hệ có là bao trong tương-lai có thể nói là vô biên của một dân-tộc. Huống hồ một dân-tộc không thể gọi là thống-nhất được nếu chưa thống-nhất cách viết và chưa có một giọng nói chính thức. Có thể rằng giọng nói đó không được, hay chưa được hoàn toàn dân theo, nhưng nó phải được ghi trong tự-điền và dạy trong các trường học. Các dân-tộc văn-minh đều đã làm công việc thống nhất đó. Ở Pháp chẳng hạn một người trí thức miền Bretagne hay Provence khi nói chuyện với một dân quê trong miền thì dùng giọng nói của họ, mà khi giảng bài, diễn thuyết hoặc tiếp xúc với người miền khác hay người ngoại-quốc lại dùng cái giọng thống-nhất ghi trong các tự-điền Pháp.

Ở nước nhà, tôi cũng đã thấy một trường hợp như vậy, trường hợp giáo sư Nguyễn-Văn-Nho. Ông sinh trưởng ở miền Bắc (Bắc-Ninh) vào Sài-gòn dạy học ở trường Quốc-gia Sư-phạm. Năm 1945, tiếp xúc

với ông, tôi thấy ông sửa giọng, phân biệt *ch, tr, s, x* như người Nam, mà vẫn giữ giọng hỏi ngã như người Bắc. Còn biết bao người khác nữa, trong nhà thì nói giọng Bắc mà đi chợ Bến-Thành thì dùng giọng Nam. Ông Đào-Văn-Tập cho là họ « nói dốt », tôi thì tôi bảo rằng họ sửa giọng. Mới đầu nghe cũng hơi chướng tai, điều đó dĩ nhiên, nhưng lâu thành thói quen, rồi mới thành ra tự nhiên.

Lúc này là lúc thuận tiện cho công việc thống-nhất giọng nói đây, nhờ có cuộc di-cư của non một triệu đồng-bào Bắc. Một triệu đồng-bào Bắc sống chung với năm triệu đồng-bào Nam, thì sự ảnh-hưởng lẫn nhau tất phải lớn. Tại vài miền định cư, như miền Cái-Sắn, tôi đã thấy đồng-bào Bắc uốn lượn (chị Sáu đi khỏi rồi), như đồng-bào Nam, có khi lại bắt chước nói « đi dô » (đi vô) nữa; còn đồng-bào Nam thì nói được chữ *v*, (đi vào), phân biệt được dấu *ngã* (tới bữa cơm chưa?) như đồng-bào Bắc, có khi lại bắt chước nói « ông Chời » nữa. Nếu ai cũng bắt chước mà sửa những giọng sai, giữ giọng đúng thì kết-quả chắc chắn là được.

Có bạn lại bảo tôi :

— Sửa thì được đấy, nhưng phải vài ba thế-hệ như ông nói, mà sau vài ba thế-hệ giọng nói có thể thay đổi đi, không còn đúng với chánh-tả nữa.

Tôi xin thưa :

— Vâng, quy-dịnh chánh-tả tức là bắt nó nằm trong một cái khuôn cứng; mà giọng nói thì chỉ quy-dịnh đưa một phần nào thôi, nó uyển chuyển lắm, biến đổi lần lần. Bây giờ chúng ta gọi « ông Trời » thì ba thế-kỷ trước, tổ tiên chúng ta gọi là « ông

Blời ». Ở thế-kỷ XVI, người Pháp đọc *le Roy, établir*; ngày nay họ nói *le Roi, établir*. Ngôn-ngữ nào dùng mẫu tự La-Tinh cũng có sự sai biệt giữa giọng nói và cách viết: người Pháp ngày nay viết *lesquels, respect* mà đọc là *léquel, respé*. Sự đó không thể tránh được, nhưng ta cứ cho giọng nói theo chánh-tả được chừng nào hay chừng nấy, và ba bốn thế-kỷ nữa, khi nào sự sai biệt đã hơi nhiều, ta sẽ sửa lại chánh-tả, (cũng như ngày nay ta viết là *dám* vì mọi người nói là *dám*, chứ đáng lý ra phải viết là *giám*). Công việc sửa lại chánh-tả cho hợp với giọng đã có làm ở các nước phương Tây; mà nghĩ cho cùng, ở đời có công việc gì là vĩnh-viễn, không phải làm lại? Ta giặt quần-áo, bận hai ba ngày nó dơ, phải giặt lại; ta viết một cuốn sách, vài chục năm sau, nó không hợp thời, có người sẽ viết lại; ta chế một kiểu súng, ba năm sau ta lại phải chế kiểu khác, nếu không thì thua người; có bom nguyên-tử rồi lại có bom khinh-khí; có hỏa-tiến V1, V2 bây giờ lại có hỏa-tiến Discoverer I, rồi II, III, IV, V... Mỗi công việc ta làm chỉ để đánh dấu một giai-đoạn thôi, ta đừng quên luật đó. Và ta phải làm một cái gì bây giờ để đánh dấu giai-đoạn này của Việt-ngữ.

Có thể là tôi mơ mộng hão, nhưng tôi biết có những mộng còn hão-huyền hơn nhiều, như mộng lên thăm chị Hằng chẳng hạn. Vậy mà bây giờ người ta gần thực-hiện được rồi đó. Chỉ khác một chỗ là một cái mộng có ít nhiều tính cách quân-sự, còn một cái mộng chỉ là hoàn-toàn văn-hóa. Về quân-sự thì loài người hăm-hở thực-hành, trễ một ngày là đau khổ, tủi-nhục; còn về Văn-hóa thì dân-tộc nào cũng vậy, chẳng riêng gì chúng mình —... hãy khoan đã, để đó, không gấp. Học-sinh cứ việc theo chánh-tả trong Việt-Nam tự-diễn của hội Khai-Trí tiến-đức hoặc một tự-diễn ất, giáp nào đó cũng được. Mà nói thì theo giọng nào tùy-ý *sinh-sản* nói là *xinh xản*, ông Trời nói là *ông Dời*; *quyền-hành* nói là *huyền-hành*, *Giá-Rai* nói là *Lá-Gai*, *Việt-Nam* đọc là *Diệc-Nam* thì cũng vẫn cứ được.

Nếu chỉ bảo là *không gấp* thì nghe còn xuôi-xuôi nhưng có người lại bảo sửa giọng sẽ *mất tự nhiên*. Người Pháp cũng biết trọng sự tự-nhiên chứ, mà sao trong trường, họ vẫn dạy học-sinh nói *parle-t-il*, chứ không nói *parle-ti* như quần chúng?

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

- * « Trước khi quyết-định thì phải tranh-luận kỹ càng; quyết-định dứt-khoát rồi thì phải thi-hành và phải... thành-công! » Đó là phương-thức ta nên nhớ và nên coi là phương-châm cho đời mình.
- * Chịu đê cho một lệnh đã ra mà không thi-hành chính là từ dịch vậy.

(Poumeyrol)

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỶ

**GIA
BINH DAN
10%**

DUCTHU 60

CÔ CÓ THÍCH NHẠC

BRAHMS.. (1)

Cô-Liêu

Đây là đầu đề quyền tiểu-thuyết thứ 4 của Françoise Sagan ra đời cách đây mấy tháng, được giới thân cận với tác-giả tuyên-bố là tinh hoa văn-nghệ của Sagan. Lời nói đứng đắn hay là một mảnh lời quảng-cáo cho 150.000 cuốn sách mới ra lò ?

CHƯA biết. Chỉ thời gian và đại-chúng mới có thẩm quyền định đoạt giá-trị ấy. Bản thảo đã được sửa chữa đến 3 lần trước khi đến tay nhà xuất-bản. Vô tình hay hữu ý nhà xuất-bản đã để lọt vào một lỗi ấn-loát. Một số sách in trước, nhan-đề in ngoài bìa có một dấu hỏi ở sau chứ không phải hai chấm như những cuốn ra sau. Có lẽ đây là cái khác đời đáng chú-ý hơn cả....

Cuốn sách gửi cho Guy, người chồng tác-giả, như vậy tác-giả phải gửi gắm ít nhiều tâm-sự. Người đàn bà nói chung, nhất là người đàn bà tuổi đã về thu nói riêng mong đợi những gì ở người chồng, ở tình yêu ? Sagan đã đặt ra những câu hỏi của phụ-nữ trước những vấn-đề tự-do luyện-ái, tự-do sống theo ý muốn. Với tài phân-tích tâm-lý, dựng lên những hoàn-cảnh mãnh-liệt của Sagan, chúng ta hy-vọng gì ở tác-giả về những điều thắc mắc ấy ?

Về điểm sau tôi có cảm-tưởng là lời bình phẩm ấy thuộc về quá khứ, khi Sagan được giải-thưởng Critiques về cuốn *Bonjour tristesse*. Lời viết quyền truyện sau này không có cái mãnh-lực thu hút như quyền *Bonjour tristesse*. Tác-giả bị lợi trong sự phân-tích trừu-tượng. Người đọc không thấy cái thú nín thở hồi hộp đợi kết cục. Nếu đem so sánh với lời viết của Vaillant (tác-giả *La Loi*) thì thấy ngay kỹ-thuật của Vaillant tựa tựa như kỹ-thuật đạo-diễn điện ảnh, tác động dồn dập biết bao nhiêu ! Tuy nhiên giá-trị nghệ-thuật của Sagan ở chỗ khác. Nghệ-thuật ấy là nghệ-thuật tô màu sắc vào những hình thái mong manh ẩn hiện của tâm tình.



Quyển tiểu-thuyết này là một thiển-truyện tình xảy ra trong một khung cảnh xã-hội không khác gì khung cảnh xã-hội ba

(1) *Aimez-vous Brahms..*

cuốn truyện trước : xã-hội của những người thượng lưu hay kiếm ra tiền với phong vị trà thất tửu lâu, thói quen nhàn nhã, cuộc sống dễ dàng, Sagan đã lần lượt đưa ra mắt công chúng những mối tình già với già (Bonjour tristesse), trai già gái trẻ (Un certain sourire), trẻ với trẻ và trẻ với già (Dans un mois dans un an). Bây giờ là mối tình trai trẻ gái già giữa một người đàn bà 40 tuổi và một thanh-niên 25 tuổi, đúng hơn là sự khác khoải của một người đàn bà yêu một người đàn ông ghẻ lạnh với mình mà phụ lòng một thanh-niên yêu nàng nồng-nhiệt.

Đặt bút phê-bình người ta vấp ngay phải một sự khó khăn chính yếu là tiêu chuẩn đạo đức. Theo quan-niệm của Đông Phương, pháp thuật cũng như phong-tục không dung thứ những cuộc chung chạ, gả nghĩa tạm, vợ chồng hờ, ngoài vòng lễ giáo. Đó lại là trường hợp của thiên truyện này. Người ta cần phải vượt tiêu chuẩn đạo-đức và căn cứ vào tiêu-chuẩn hạnh-phúc con người để có một cái nhìn bao dung hơn, rộng rãi hơn. Việc làm ấy chỉ đáng làm khi người ta muốn tìm những giá-trị tâm-lý và tình cảm để đặt lại các vấn-đề nhân bản và xã-hội.

Sau khi đã xác-định một căn cứ suy luận, người ta còn phải làm quen với phong độ của người Âu-Châu để cảm thông với tác-giả. Thiết tưởng chỉ trong sự cảm thông ấy người ta mới thấu hiểu tâm-trạng nhân-vật qua những phong-tục khác biệt.



Roger, một kiểu mẫu người thành đạt về thương-mại cũng như đặc thủng về tình

yêu, đúng hơn về khoa chinh-phục phụ-nữ. Như vậy ta phải hình dung một người trạc ngoại tứ tuần có bề ngoài khả ái, lịch sự, thông minh, nhất là biết cách nói với phụ-nữ. Mà tác-giả cũng không quên cho Roger có những nam tính (mạnh dạn trước tình yêu) những nam tính được tài-tử Clark Gable khai thác triệt để trên màn bạc mà khán-giả cũng chịu thưởng thức lắm.

Đối thủ với Roger là Simon, một thanh-niên tập sự luật-sư 25 tuổi, hãy còn cái ngay thật, hơi ngốc nghếch của lứa trẻ mới lớn lên.

Thực ra Sagan đã phối hợp người nhân-tình si ngốc với người thanh-niên cuồng nhiệt để tạo ra vai trò Simon, cũng như tác-giả đã phối hợp một Don Juan với một người đàn ông tôn thờ khoái lạc và không muốn vướng víu gia-đình để tạo ra vai trò Roger. Sự phối hợp đó làm cho nhiều điểm tâm trạng không trả lời được sự yêu cầu của đề tài. Nghệ-thuật cấu tạo vai trò Simon bị giảm bớt giá-trị vì ghép thêm người tình si ngốc vào. Sự ghép thêm đó là một cách lười biếng vì nhờ thế tác-giả giải thích quá dễ dàng sự chán nản của Paule trước mối tình của người bạn trẻ.

Hai nhân-vật điển hình cho hai thể-hệ cùng tìm tình ở một thiếu-phụ tứ tuần, Paule. Paule người trang nhã, còn giữ được sắc đẹp, nàng đã có chồng, ly-dị chồng rồi tự-do luyện ái một người thứ hai, rồi lại qua người thứ ba, người thứ ba ấy là Roger. Đối với Paule không có mối tình đầu mà chỉ có mối tình cuối, vì Paule dừng lại ở Roger, như một mối « không thể ráng sức tìm hiểu người nào khác nữa ». Mối tình

giả lợc sạch hết cả cường nhiệt, say sưa xen lẫn hôn giới, ghen tuông, những cái gì người ta gọi là những phút vui cháy lòng, những phút buồn nao núng. Tình bước sang thu trở nên điềm đạm ý-nhị, tình làm bằng hiểu biết sâu xa, nhường nhịn lẫn nhau. Hai người cùng đem thiện chí làm cho những cuộc gặp gỡ « còn để lại một cái gì khi ra về ».

Đối với Paule, Roger là « người không thể thay thế được ». Roger ý - nhị, nhã-nhận, lịch-sự, bất-thiếp. Trong một cuộc hội-hợp chàng át hẳn chúng bạn, chàng là một người lý-tưởng của phụ-nữ. Nàng mong đợi một cuộc hôn-phối chính-thức với Roger, nhưng Roger tôn-thờ « tự-do vô điều-kiện » là cảnh sống độc thân, chàng yêu chiều Paule nhưng sợ cảnh đời vợ chồng, chàng chồn tránh rất khéo-léo không đề-cập tới vấn-đề hôn-nhân.

Paule chịu nhận một mối tình dở-dang như thế. Ở tuổi trung-niên của nàng, sống độc thân không phải là một điều mong-ước cho phụ-nữ nữa, trái lại nàng khổ-sở, nao-núng vì sự cô-đơn. Rãi-rác trong suốt cuốn truyện có những đoạn văn tuyệt-tác mô-tả sự cô-đơn ấy. Người ta có thể nói rằng truyện này là tâm-sự một người đàn-bà cô-đơn cô-đúc lại trong một thiên-trường-hận. Cả tấn kịch tình-ái u-buồn và miễn cưỡng với Simon đều là phản-ứng của tình-cảm trước hoàn-cảnh cô-đơn.

Những đêm dài nàng sống một mình trong căn nhà trọ trọ là những lúc nàng buồn thấm thía vì :

« Căn nhà trống rỗng... Đêm nay nàng lại chỉ có một mình, rồi những đêm sẽ

đến cũng chỉ là những đêm cô quạnh bên những chăn đệm chẳng ai đụng đũa, yên lặng ngao ngán như một người bệnh đã lâu ngày ».

Nàng đã thói chí trước :

« Những cảnh mùa đông bắt đi bắt dịch, một mình đi qua những đường phố đã bao lần qua lại để đến nơi làm việc, để nghe tiếng chuông điện thoại kêu, rồi tiếng Roger xa xăm, lạnh lùng. »

Mà cảnh này,

« sáng cũng như chiều, không chừng trong 10 năm nữa vẫn không thay đổi ».

Viết truyện của Paule, Sagan đã đặt vấn-đề hạnh-phúc của người đàn bà, nhất là người đàn bà đã luống tuổi. Sagan rất có lý khi nhận định được rằng : *Ước-vọng thâm-sâu của người đàn bà là một cuộc đời yên-ôn ấm-cúng trong gia-đình, dưới sự che-chỡ và bao-dung của người chồng, những quan-niệm tự-do bình-đẳng mà đàn bà háo-hức đòi hỏi thực ra không trả lời đúng vào những hoài-bão thực sự.* Paule đã phải ngao-ngán với chữ tự-do :

« Nàng không chịu được thứ tự-do (sống riêng cuộc đời của mình) dựng lên giữa hai người như một luật-lệ, thứ tự-do chỉ có chàng sử-dụng được, còn đối với nàng tự-do có nghĩa là cô-đơn ».



Cảnh đời luyến-ái tự-do của Paule lâm vào tình-trạng bi-đát nhất, thì xuất-hiện vai trò của Simon, chàng trai xinh như mộng, yêu cường-nhiệt và ngốc-nghech như một cậu học trò.

Simon bắt gặp Paule tại nhà mẹ mình vì một sự tình cờ. Chàng yêu Paule phần vì cái dịu-dàng ý-nhị của người đàn bà đứng tuổi, phần vì phản-ứng của chàng trước thái-độ đáng ghét của những cô bạn trẻ tuổi.

Cuộc phiêu-lưu của Simon bắt đầu từ cuộc đụng độ giữa Simon và cặp Paule-Roger tại một khách-sạn. Simon mượn hơi men, trông thấy Paule ngồi trước mặt Roger thì xông đến hỏi một câu có vẻ mất dạy:

— Cô có chồng rồi sao? Tôi không tin là như thế!

Nhưng không xảy ra việc gì đáng tiếc cả. Cái đáng tiếc chính là vì không xảy ra vụ ẩu-đả nào. Simon xin lỗi, rồi rút cục Simon ngồi lý dẫy, say bất tỉnh, Paule và Roger phải vác Simon lên xe đưa về, Simon nghiêm-nhiên tựa đầu lên vai Paule ngủ ngon lành.

Roger chắc bằng lòng ở phong-độ hơn người của mình, tự biết chàng là người vô địch cho nên không coi vụ ấy là một tiếng còi báo-động. Chàng vẫn hững-hờ với Paule, bất tỉnh với một cô gái trẻ tuổi, « một vật còn con bần-thiểu, không thể cảm-thông được, hơm mình, ti-tiện, nhưng làm ái-tình với nó cũng hay hay ». Chàng tin-tưởng tình-yêu của Paule bắt diệt nên thăm tính khi nào dứt với cái của nợ ấy sẽ « thu xếp đâu ra đó » để làm lễ cưới Paule. Trong khi ấy thì Simon đem hết thành tâm thiện-chí van nài Paule đoái tưởng đến mình.

Một buổi sáng chủ nhật Paule thức dậy trong gian phòng trống trải, nặng nề

không khí cô-tịch thì nàng thấy dưới gầm có một bức thư:

« Sáu giờ chiều nay có cuộc tấu nhạc rất hay ở rạp Pleyel. Cô có thích nhạc Brahms không?... »

Khi còn trẻ độ 17, 18, con trai thường hỏi nàng câu ấy. Paule mỉm cười. Bức thư của Simon nhắc lại cho nàng quãng đời niên thiếu. Nàng đến dự buổi tấu nhạc với Simon.

Nàng không khỏi cảm động trước sự chân thành của Simon, và lại cũng không cưỡng lại được tiếng gọi của thể xác. Cặp trai trẻ gái già bắt đầu viết thiên tình sử. Nhưng Paule chỉ gượng vui gượng cười, nàng biết là mối tình sẽ không đi đến đâu. Nàng không tìm được thỏa-mãn trong cuộc ái-ân ép gượng, mà người ngoài còn dị nghị nàng lẳng lơ, còn muốn kết bạn với trai tơ.

Simon thì như đứa trẻ được cái bánh, hí hửng yêu chiều nàng đủ mọi cách, cố « thu gọn người cho khỏi vương lối đi của nàng », cố đóng vai trò cậu bé dễ bảo. Máu hào kiệt đã có lần làm Simon rất « anh hùng », thấy nàng khóc thì chàng nổi nóng, nhất định đòi « giết thằng cha nào » đã xâm phạm đến người yêu!

Nhưng dù vô tình hay hữu ý hai người đã đóng kịch, màn kịch yêu đương rất kháu khỉnh đủ mùi bỉ nộ ai lạc....

Việc gì phải đến rồi nó cũng đến. Một ngày kia Roger chán ngán những cuộc trác táng, mới hiểu ra rằng thiếu người bạn già hiểu biết và ý nhị đời càng hiu quạnh vô cùng. Chàng tìm cách gặp lại Paule.

và Paule cũng sẵn sàng giải hòa với chàng. Ngòi bút của Sagan đã thấu đáo tâm trạng phức tạp của Paule. Tâm hồn nàng vẫn bị Roger thu hút, chính nàng cũng không hiểu tại sao. « Có lẽ tại nàng đã cố gắng vun xới cho mối tình trong 6 năm trời. Sự cố gắng thường xuyên và đau đớn cho nàng đã trở nên quý giá hơn hạnh-phúc. Có lẽ vì tính tự kiêu nàng không muốn cho rằng sự cố gắng của mình vô ích. Nhưng sự thất bại liên miên càng như kích động lòng tự kiêu ấy, khiến cho nàng để Roger ngự trị trong tim mà làm nàng đau khổ. Roger bao giờ cũng bỏ nàng một mình, cuộc chinh phục không chắc gì có kết quả đã trở nên lẽ sống của nàng vậy. »

Simon phải biệt gia Paule thì khóc sụt sùi mà bước xuống cầu thang. Nhưng Paule tự an ủi : chàng mới 25 tuổi, chàng còn nhiều ngày mai. Nàng đóng cửa nhẹ nhàng rồi tỉ lưng vào cửa.

Vài giờ sau chuông điện-thoại reo, nàng hồi hộp cầm lấy máy nói thì tiếng của Roger xa xăm đưa lại một giọng nàng đã quen nghe trong 6 năm trời :

— Xin lỗi em, bữa nay anh mắc công chuyện, hôm khác sẽ lại thăm em.

Thiên tình hận chấm dứt ở đây, nhưng cảnh cô đơn của Paule còn kéo dài...

Cái không khí u buồn bao trùm cảnh đời người đàn bà cô đơn hầu như muốn lây sang người đọc. Cuộc phiêu lưu của Paule để lại cho người đọc một vài bài học thấm thía rút trong lòng đời sống : nguồn hạnh phúc của người đàn bà không phải ở quyền được sống tự-do vì thể chất tính tình người đàn bà cũng như hoàn cảnh xã-hội không thuận tiện cho người đàn bà sử dụng quyền tự-do sống theo ý muốn như đàn ông.

Ta không cần tìm hiểu xem phụ-nữ cần đời sống mình tương thuộc một người đàn ông vì lý do người đàn bà vốn là cái xương sườn của người đàn ông, hay vì đó là di tích của thời ăn lòng ở lỗ, giống đực khỏe hơn vẫn áp bức giống cái yếu đuối. Ta chỉ biết cảm ơn tác-giả đã chứng minh một sự thật muôn thuở. Tự-do nếu không có một sự giàng buộc nào với gia-đình và nghĩa vụ làm vợ, làm mẹ, không phải là nguồn hạnh-phúc cho người đàn bà.

CÔ-LIÊU

* Nhìn cho thấu đáo chưa phải là điều quan-trọng. Ra lệnh mới là làm một phần tư của công việc. Khiến được người thi-hành lệnh là hoàn tất ba phần-tư của công việc. (Foch)

* Lệnh ra mà không được giám-sát khi thi-hành là một lệnh hão-huyền.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités:

Whisky « BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng

SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

MỘT VÀI CHI TIẾT MỚI CÔNG BỐ VỀ

PIONEER V,

trái hành tinh nhân tạo
đầu tiên của mặt trời

TRỌNG-KHANG

N NGÀY 11 tháng 3 năm 1960 đánh dấu cuộc chinh-phục không-gian thuộc nhật-thông-hệ của loài người. Một hành-tinh nhân-tạo được phóng đi từ mũi Canaveral để xoay quanh mặt trời, người Mỹ mở trang đầu cuốn lịch-sử hòa-tiến liên hành-tinh.

Bách-Khoa đã có bài tường thuật trong số 79 ngày 15-4-60, dưới đây xin thêm một vài chi-tiết do giáo-sư Keith Glennan mới công-bố trong một cuộc hội họp báo chí. Giáo-sư là Giám-Độc nha Giám-Độc Liên-Bang hàng không gian NASA, cơ-quan chủ động cuộc phóng hành-tinh.

Những ưu - điểm của Pioneer V

Cuộc phóng Pioneer V là kết quả một cuộc dự tính mới mẻ và táo bạo về nhiều điểm.

Trước hết hành tinh này mang theo những máy phát tín mạnh hơn tất cả những máy xưa nay Nga và Mỹ đã dùng. Máy ra-dô trang-bị hành-tinh gồm có 1 máy 5 oát, và một máy thứ 2 mạnh 150 oát, mạch điện do 4.800 «pin» mặt trời cung cấp, tầm hoạt-động 80.000.000 cây số. Khoảng cách 1.609.000 cây số mà sóng vô-tuyến-điện đã đi qua là một thành-tích kỷ-lục, đi xa hơn hai lần

điện hiệu của chiếc Lunik III của Nga-sô. Tuy rằng máy phát tín mạnh gấp 150 lần những máy dùng cho vệ-tinh phóng lên cung trăng, nhưng bí-quyết không phải ở đây, Bí-quyết có lẽ là máy thâu tín, một sáng-tác kỳ-diệu. Loại máy thâu tín cực-kỳ tối-tân này tên là MASER (Microwawe amplification by stimulated émission of radiation) chạy trong phòng lạnh gần -271 độ bách phân, chuyên dùng cho sóng cực ngắn. Người ta dùng một chất hóa-học « cobalticyanure de potassium » có đặc tính khuếch đại điện hiệu mạnh gấp hàng tỉ lần máy thường. Maser là sáng kiến của viện Massachusetts Institute of Technology, chắc là đem dùng cho hành-tinh Pioneer V.

○ Người ta lại chỉ mất 14 phút để « dịch » những điện hiệu ấy ra tiếng nói thường tại phòng thí-nghiệm Los-Angeles. Theo sự chỉ dẫn của máy móc trên hành-tinh Pioneer V thì khí-hậu chỗ vệ-tinh đi qua là -5 độ, trong hành-tinh 19 độ.

Điểm thứ hai là hành-tinh Pioneer V do người ta chú ý phóng cho xoay quanh mặt trời, còn Lunik I và Pioneer IV chỉ vì khuyết-điểm kỹ-thuật mà hóa ra hành-tinh mặt trời, ngoài dự-tính của người phóng đi.

Sau hết hành-tinh này có lẽ là vị hành-tinh đi gần mặt trời hơn hết, vào khoảng 120 triệu cây số.

Pioneer V được trang bị thế nào ?

Những máy móc chính của hành-tinh là :

— Một máy đo lường những quang xạ mạnh.

— Một máy rất nhạy đo sức mạnh và chiều hướng từ trường trong vũ-trụ.

— Một máy ghi vân thạch. Máy này nhạy đến nỗi một mảnh vân thạch li ti khẽ đụng vào hành-tinh cũng ghi được. (Ta biết rằng có mảnh chỉ nhỏ bằng cái đầu kim cúc).

— Một bào quang điện (cellule photo-électrique) để đo sức mạnh quang tuyến do mặt trời phát ra.

— Các máy chuyển biến những hiện tượng ghi được thành điện hiệu.

Công dụng của máy móc trang bị

Có những máy móc ấy, lại ở một địa điểm thuận lợi (gần mặt trời) cuộc thám hiểm sẽ chú trọng đặc biệt đến tính chất và cường độ những quang tuyến từ mặt trời phát ra. Vì ở gần mặt trời hơn các vệ-tinh khác, hành-tinh Pioneer V sẽ cho biết nhiều điều quý giá về những quang tuyến « mạnh », những điều rất cần cho khoa-học, nhất là khoa-học du-hành không-gian. Cuộc thám hiểm còn có mục-đích tìm hiểu những vũ-trụ

tuyên, vân thạch và từ trường. Chúng ta sẽ có những tài-liệu đích xác hơn tài-liệu của chiếc Lunik II, chiếc này đã đung vào mặt trăng và chỉ cho biết trên mặt trăng không có từ trường mà thôi. Hình như những hòa-tiến khác của Nga tuy cho biết rằng có những từ trường ở nơi khác nhưng không biết rõ được chiều hướng và sức mạnh.

Theo sự dự tính thì quỹ đạo của hành-tinh sau lại gặp quỹ đạo của Kim tinh lần nữa, nhưng tin tức sau cùng cho biết không đạt được mục tiêu ấy. Dầu sao, sự thành công của Hoa-Kỳ cũng đánh dấu một giai đoạn trong cuộc thám hiểm không gian.

TRỌNG-KHANG

HỘI BẠN TRÉ EM VIỆT-NAM:

THÔNG CÁO

Ngày 15-4-1960, tại trụ sở tạm 28 Đàng-Dung Saigon, hội đã thành lập ban chấp hành thực thụ gồm có các vị sau đây :

- Chủ tịch : Ô. Nguyễn-văn-Hoanh
- Phó chủ tịch : Bà Nguyễn-thị-Ngành
- Tổng thư ký : Ô. Nguyễn-lương-Hưng
- Phó tổng thư ký : Ô. Trần-thúc-Linh
Ô. Thiên-Giang
- Thủ quỹ : Ô. Cung-giũ-Hùng
- Phó thủ quỹ : Bà Lâm-tô-Bông
- Kiểm soát : Ô. Thái-văn-Kiểm
Ô. Nguyễn-Được
- Cố vấn : Ô. Nguyễn-hữu-Chỉnh
Ô. Vương-hồng-Sễn
Ô. Lê-duy-Châu
Cô Lưu-thị-Dậu
Bác-tử Nguyễn-hữu-Phiếm

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

Không có tàu nguyên-tử

từ thế-giới khác đáp xuống

BAALBEK

✱ CÔ-LIÊU

CÁU chuyện do một bác-học Nga, giáo-sư Agrest đưa ra trên tờ báo Littératournaïa Gazeta ngày 10-2-60. Giáo-sư là một nhà lý-học kiêm toán học tên tuổi.

«... Ngày xưa ngày xưa, cách đây có đến 5.000 năm đã có những người từ một thế-giới khác hiện xuống xứ Li-Ban. Họ chiếm hai thành phố Sodome và Gomorrhe gần Biển Chết (Mer Morte) Căn cứ liên lạc là Baalbek, nay còn lại vết tích một cái sân bay khổng-lồ.

Những người này trong Thánh Kinh có nói đến, đó là « người Trời » hay « người không lồ » Khi sắp từ già trái đất « người Trời » không muốn lộ thiên-cơ nên đã thiêu hủy những tài liệu mang xuống bằng một thứ « tam muội hỏa » người phạm trần trông thấy sẽ bị mù mắt hay chết thiêu.

Thuở ấy có hai anh em người chăn cừu tên là Áp-Ram và Lốt sống ở gần đó. Người Trời báo họ loan báo cho dân chúng biết để xa lánh, tránh tai họa. Có kẻ chống lại người Trời thì bị bắt đi theo. Có kẻ không tin muốn thỏa lòng hiếu kỳ đã nhìn « tam muội hỏa » nên bị mù mắt, mất trí, chết thiêu, biến thành đá. Khi người Trời ra đi, một tiếng nổ long trời lở đất, cùng những trận mưa lửa, mưa lưu hoàng làm tiêu hủy cả hai thành phố Sodome và Gomorrhe. Lốt cùng con cái được người Trời chỉ cho chỗ núp trong các hốc đá ở xa đó nên được thoát nạn, duy có vợ Lốt vì trái lời đã nhìn đám mưa lửa nên bị biến thành đá... »

✱

KHÔNG CÓ TÀU NGUYÊN-TỬ...

Giáo sư Agrest dựa vào khoa - học nguyên-tử để giải thích những hiện tượng đã tiêu hủy hai thành phố cổ 5000 năm trước đây. Ông cho rằng thuở ấy có những người từ một hành-tinh khác đã dùng tàu nguyên-tử đáp xuống địa cầu. Sân bay của họ chính là thành Baalbek, Baalbek có một cái sân rộng xây bằng những tảng đá hoa lớn, có tảng nặng trên 2.000 tấn. Những hiện tượng xảy ra ở Sodome và Gomorrhe giống hệt những hiện tượng nổ nguyên-tử một cách lạ lùng.

Ước thuyết của giáo-sư Agrest dựa vào bốn sự kiện :

Trước hết, theo những văn-kiện tìm được tại vùng Biển Chết, thì trong đó có nói đến những người từ trên trời xuống và những người ở trái đất bị bắt đi.

Sự kiện thứ hai là cái sân lớn ở Baalbek được xây cất kiên cố đặc-biệt như một sân bay cho phi cơ hạng nặng. Những tảng đá khổng lồ xây sân ấy có tảng nặng hơn 2.000 tấn, không thể do người đẽ gọt và di chuyển với kỹ-thuật thô-sơ từ 5.000 năm về trước. Chỉ có những người văn-minh hơn từ một thế-giới khác đến mới đủ tài trí làm những công việc ấy. Cái sân này có những đặc-điểm của một phi-trường nguyên-tử lực, hẳn là đã dùng làm căn-cứ hàng-không cho những xe không-gian đã chở những người từ một hành-tinh khác xuống trái đất.

Điểm thứ ba : Nhờ những người ấy cứu mà Lốt và các con thoát chết. Thánh Kinh nói rằng có hai người sù-

giả đến khuyên Lốt bỏ thành-phố để nấp vào hang đá.

Điểm sau cùng là hai thành-phố Sodome và Gomorrhe bị tàn phá bởi những chất nguyên-tử đã dùng để chuyển-động xe không-gian. Khi bỏ đi họ muốn tiêu-hủy những vết tích cuộc viễn-du của họ.



Thường thường những loại truyện ức đoán này chỉ làm cho người đọc mỉm cười, và sau khi đã mua vui cho độc-giả, người ta xếp đống lại cho bụi phủ, giàn nhảm.

Nhiều người nghi ngờ lòng thành thật của giáo-sư Agrest khi giáo-sư viết những dòng chữ trên này. Hay là ông muốn đưa ra một « con cá tháng tư » để thử trí phán đoán của mọi người ?

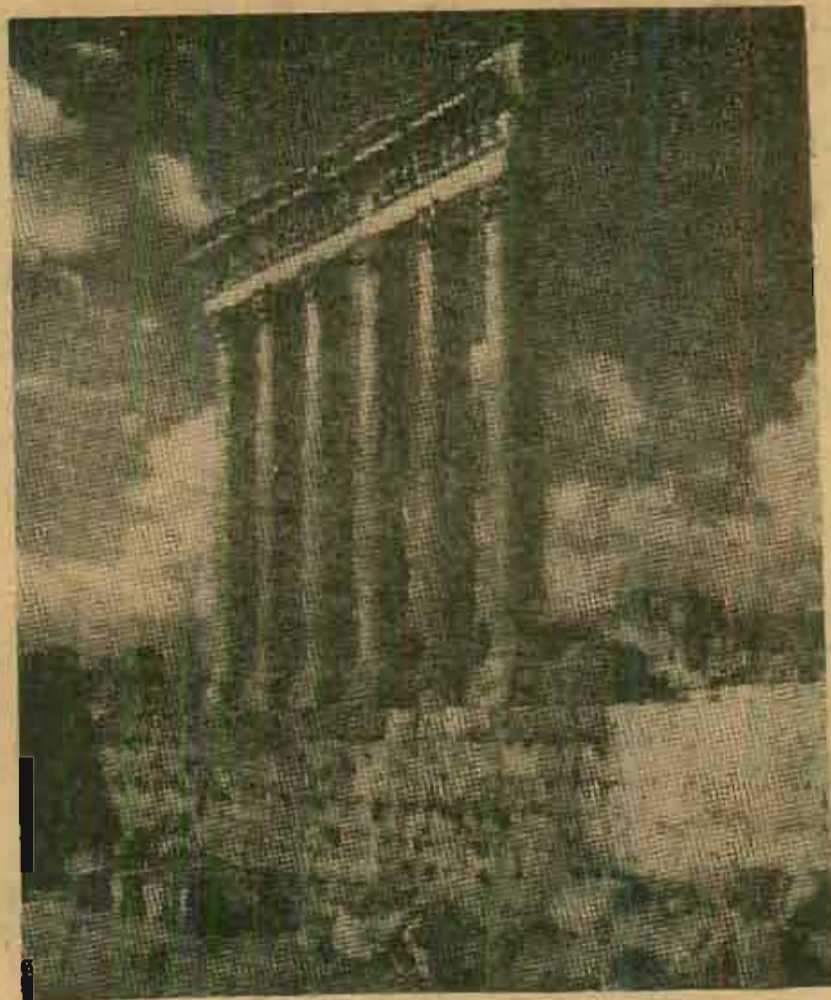
Các nhà khảo cổ nghĩ sao ?

Ông André Parrot chuyên khảo-cứu di-tích lịch-sử A-Đông tại viện bảo-tàng Louvre có nói :

— Không có gì viễn-vông hơn những ức thuyết của giáo-sư Agrest. Ông ta tìm hiểu Thánh-Kinh bằng những sự ngẫu-nhiên may-mắn. Nhưng khốn thay tôi không tìm thấy một căn-cứ nào gọi là khoa-học, tuy tôi không nghi ngờ kiến-thức của ông ấy. Khi biết được tin này trên báo-chí tôi cũng không có thể nói rằng tôi lấy làm thắc mắc.

Giáo-sư Dupont Sommer trường Sorbonne (Pháp) phê-bình thuyết của Agrest từng điểm một :

về cái « sân bay » Baalbak vĩ đại của giáo-sư Agrest, ông nói : « Tôi biết rõ vùng Baalbek như vườn nhà tôi, công trình xây dựng sân này vĩ đại thật. Muốn hiểu lại sao người xưa làm được, chúng ta phải nghĩ đến sự kiến tạo những tháp Ai-Cập bằng phương tiện thời ấy như dùng những khúc gỗ tròn để tăng đá lên trên mà đẩy đi, dùng những mặt nghiêng (plan incliné). Ngày xưa người ta có thể huy động những đoàn nô-lê khổng-lồ bắt làm việc cực nhọc đến chết thôi. Những bức trạm nổi từ xưa còn lại đã ghi hình ảnh của những sự việc đó. Vậy ta chẳng cần lập những thuyết viên-vông về cái sân ở Baalbek ».



vào đấy cho 180 cậu trai tráng hợp sức lại kéo pho tượng đi bằng băng, chấp cả những phương tiện kỹ thuật tối tân nhất để xê dịch những vật to nặng.

Xem như vậy thì cách giải thích của giáo-sư Sommer về kỹ-thuật xây sân Baalbek không có gì là quá đáng.

Về những văn kiện viết tay tìm thấy ở Biển Chết giáo-sư Sommer nói rằng : « Những bản thảo Thánh - Kinh và những bản viết khác tìm thấy ở Kumran cũng không có gì minh chứng cho thuyết của ông Agrest. Mười năm nay những văn kiện nói trên đều qua tay tôi cả, tôi không thấy có bản nào nói đến hai thành-phố Sodome và Gamorrhé. Thánh-Kinh cũng chỉ nói quá sơ-lược về thiên-tai phá-hủy hai thành-phố ấy. Những trận mưa ra lưu-hoàng, mưa lửa nói trong Thánh-Kinh khiến ta nghĩ đến núi lửa thì phải hơn. Nhưng những trận phun lửa ấy xảy ra lâu lắm rồi, từ trăm ngàn năm trước đây, thời-kỳ mà người Hébreu nói rằng vùng ấy còn là nơi phi-nhiều trù phú. »

Nhân chuyện này, chúng tôi xin nhắc lại câu chuyện những pho tượng đá khổng lồ nặng mấy ngàn tấn ở đảo Pâques gần Tahiti, thuộc Thái-Bình-Dương. Giống người Incas ở Nam Mỹ sang đây đã dùng cách nào để kéo những tảng đá khổng-lồ từ trên núi xuống mà tạc tượng ? Một viên tù-trưởng dòng dõi Incas đã biểu diễn kỹ-thuật di chuyển đá nặng của tổ-tiên họ trước con mắt kinh ngạc của các nhà bác-học. Họ dùng một cái cây lớn có chạc hình chữ Y. Suốt dọc thân cây đều cột thật chắc những kèo ngang dùng làm đòn tay. Họ cột một pho tượng hơn 2.000 tấn

Nền của đền Baalbek phải chăng đã được xây để làm sân bay cho tàu nguyên-tử từ hành-tinh khác tới ?

Theo ý giáo-sư Sommer thì O. Hermann Gunkel đã giải-thích Kinh - Thánh về vụ này một cách thỏa đáng hơn cả : hẳn là vùng Biển Chết trước kia không phải là nơi hoang-vu, có lẽ trước kỹ-

nguyên T.C. 1500 vùng ấy được coi là một thiên-đường. Nếu hai thành-phố ấy biến mất một cách đột ngột, thì chắc là ở đáy đã có động đất rất mạnh làm dâng mực nước Biển Chết lên, hạ thấp các vùng đất lân-cận xuống thành ra đáy biển bây giờ, làm đảo lộn hẳn hình-thể địa-lý cả một khoảng đất lớn.

Công cuộc thám-hiểm Biển Chết mới đây hình như đem lại bằng chứng cho thuyết của Gunkel. Phái-đoàn thám-hiểm Mỹ do Ông Ralph Baney cầm đầu đã có một bản tường-trình về công cuộc tìm kiếm hai thành-phố Sodome và Gomorrhe ở vùng Biển Chết. Theo bản tường-trình ấy thì có nhiều vết tích tỏ ra hai

thành-phố bị chìm dưới đáy Biển Chết. Những người lặn xuống nước sâu 60 thước đã nhận thấy hình như có hình dáng những đường đi. Người ta lại tìm ra cả thảy 9 cái đồi vừa to vừa nhỏ.



Qua sự phân tích trên đây thì giả-thuyết tàu nguyên-tử với người thế-giới khác của Agrest chỉ có giá-trị những lời phỏng-đoán viễn-vông. Cái gọi là căn-cứ Khoa-học của ông chỉ là một cách lợi-dụng khoa-học để dựng lên những chuyện hoang-đường.

CÔ-LIÊU

ĐÃ PHÁT HÀNH

Văn-Hóa Á Châu

Tập III — Số I — Loại mới

Với một nội dung phong phú và giá trị :

Phần khảo luận : Văn-hóa Việt-Nam tại Hội nghị Rangoon — Albert Camus giữa lòng thế-kỷ XX — Tinh-thần truyền thống — E. Mounier và chủ nghĩa nhân-vị — Các ngữ tộc trong tỉnh Kontum.

Phần tài liệu : Nhân vật chí (Phan - Huy - Chú) — Di thảo của Nguyễn-Trường-Tộ.

Phần sinh hoạt : Điềm sách — Thời sự — Xã-hội — Văn-nghệ.

GIÁ 20\$

(Tòa-soạn : 201 Lê-Văn-Duyệt, Sài-Gòn)

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.921 — Boîte postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BẢO-CHẾ VANCO

TRƯ-ÔNG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

NHÂN BÀI THẮC-MẮC CỦA ÔNG BÙI-THU-TRINH

Lá thư giải - đáp

của Ô. Nguyễn - Phụng

L.T.S. — Trong Bách-Khoa số 78 ngày 1-4-60 Ô. Bùi-Thu-Trinh có viết bài « Vài thắc-mắc sau khi đọc *Con đường tiến-triển đầu tiên của âm-nhạc Việt-Nam* của Ô. Nguyễn-Phụng », Bách-Khoa lại vừa nhận được bài « Giải-đáp thắc-mắc » của Ô. Nguyễn-Phụng, Giám-đốc trường Quốc-Gia Âm-nhạc. Tiếc rằng để đáp lại lời lẽ hòa-nhã và khiêm-tôn của Ô. Bùi-Thu-Trinh, Ô. Nguyễn-Phụng đã dùng một giọng văn trái-ngược hẳn. Ông đã viết những câu : « vài độc-giả có bộ óc nhỏ-nhen của chim sẻ, trí-năng hẹp-hòi », « thành-kiến hẹp-hòi của Ô. Trinh », « phỏng-dịch theo lối NGÂY-NGỒ như Ô. Trinh » v. v... trong khi cũng chính ông đã « xin nhận lỗi trước sự bất cần thiếu sót khi trao bài cho tòa soạn Văn-Hữu » đã « rất cảm thông sự ngộ-nhận của ông (Bùi-Thu-Trinh) đối với việc làm » của ông Nguyễn-Phụng mà « cho là tương tự với của ông Bạn Trần-Văn-Khê », đề rồi sau cùng ông kết luận : « quyền ăn nói, suy xét, phê phán là sở hữu của mọi người, không phân biệt TIỂU-NHƠN hay CAO THƯỢNG, còn BỒN PHẬN NÓI RA thì tôi thiết-tưởng nên dành cho những hạng thông-minh và mở-mang hơn ».

Tuy nhiên, tôn trọng quyền trả lời, chúng tôi cho đăng sau đây nguyên văn bài giải đáp thắc-mắc của Ô. Nguyễn-Phụng để độc-giả tiện so sánh hai bài và rộng đường phê-phán.

NHẬN thấy những điều thắc-mắc của Ô. Bùi-Thu-Trinh có phần chính đáng và đôi chút tinh-cách xây-dựng, tôi xin vui-lòng giải-đáp từng chi tiết một để mong thỏa-mãn được phần nào « Tinh-thần cầu-học và xây-dựng » của Ô. Bùi-Thu-Trinh, đồng-thời để dung-giải mọi

điều thắc-mắc (Nếu có) của Quý độc-giả Văn-Hữu và Bách-Khoa.

Trước hết tôi xin thành-thật cảm-ơn Ô. Bùi-Thu-Trinh có lòng chú-trọng đến việc làm của tôi cũng như Ông đã cố thiện-chí và dày công tìm-tòi, suy-nghiệm từng câu, từng chữ gồm trong loạt bài

nói trên với thận-tâm và hảo-ý (Tôi cố tin như vậy cho đẹp lòng cả Ông lẫn tôi đấy!) giúp tôi hoàn-thành loạt bài khảo-cứu này cho được đầy-đủ, vẹn-toàn hơn.

Mặc dầu riêng tôi chưa được hân-hạnh quen biết cả tên lẫn người của Ô. Bùi-Thu-Trình, nhưng nếu Ô. Trình nhận-xét không thấy có điều gì có thể làm tổn hại đến « Uy-tín của một người biết cầu-học và xây-dựng như Ông » thì tôi sẵn-sàng tiếp-kiến Ông trong một ngày gần đây (Giờ và ngày sẽ tùy Ông chỉ-định) để trao-đổi mọi ý-thức âm-nhạc với Ông bạn nhà Nho của Ông.

Tiếp theo đây tôi xin lần-lượt giải-bày các điều thắc-mắc của ông :

A) — Về danh-từ và lối-viết thái-quá

Lẽ dĩ-nhiên, dụng-ý của tôi là viết bài cho độc-giả Việt-Nam nói chung, không phân-biệt tuổi-tác (Lời tuyên-bố : « Đối-tượng của Văn-Hữu là bạn-trẻ » do tòa-soạn Văn-Hữu chủ-trương là việc riêng của họ, không liên-can gì đến cá-nhân tôi.) nhưng chỉ có điều không may và đáng tiếc cho tôi là đã vô-tình không chú-ý đến một vài độc-giả có bộ-óc nhỏ-nhen của chim sẻ, trí-năng hẹp-hòi, để phải vấp khuyết-điểm áp-dụng một vài danh-từ Tây-Tàu mà Ông cho là « Thái-quá ». (1)

(1) Nguyên-văn bài của Ô. Bùi-Thu-Trình như sau :

« Ngoài ba cái bất cập vừa kể, ông lại còn mắc rất nhiều cái... Thái quá Nghĩa là khi không cần chưa thêm tiếng ngoại-quốc — rõ hơn là tiếng Pháp — thì ông lại chưa, như :

— tiếp điểm (trang 4 dòng đầu), ông ghi ở cạnh : *point de rencontre*.

— An-nam Chi-lược (trang 5, dòng 20), ông chưa : *Abrégé de l'Histoire d'Annam...* » (L.T.S.)

Thật ra khi soạn bài này, tôi vẫn có ghi cần-thận chữ « CẨM » với chữ K'IN viết vào dấu ngoặc theo âm-ngữ Trung-Hoa, cũng như đã ghi TRIỀU T'ANG và viết thêm trong dấu ngoặc NHÀ ĐUỜNG : Trung-Quốc, nhưng khi trao cho người đánh máy, họ đã sơ-ý bỏ mất của tôi những điều ghi-chú cần-thiết. (Ông có thể kiểm-điểm lời nói của tôi qua mấy hàng chữ thứ ba hay thứ năm ở trang 8, VĂN-HỮU số 3.). Tôi xin nhận lỗi trước sự bất-cần, thiếu kiểm-soát khi trao bài cho tòa-soạn Văn-Hữu. Dầu sao, tôi thiết-tưởng một vài điều sơ-suất như vậy cũng không đến nỗi làm cho độc-giả không hiểu hay ngạc-nhác như Ông đã tự nghĩ.

Sở-dĩ tôi phải viết một cách THÁI-QUÁ (2) như Ông đã trách-cứ là vì tôi cố tình mong giúp được luôn những độc-giả chưa từng quen-thuộc danh-từ Việt-Nam thuộc về sử-học âm-nhạc nói chung (Trường-hợp những người đã hay đang theo học chương-trình phổ-thông Pháp hoặc đối với những ngoại-kiều có Việt-tịch). Riêng tôi nhận-xét điều này không có gì đến nỗi gọi là THÁI-QUÁ, nhất là trong phạm-vi Nhạc-Sử cũng như mỗi khi đề-cập đến một đề-tài kỹ-thuật âm-nhạc.

B. — Về vấn-đề phỏng-dịch

Nguyên tựa-bài khảo-cứu của tôi là : « SU TIẾN-TRIỂN CỦA ÂM-NHẠC VIỆT-NAM TRƯỚC HIỆN-TRẠNG CỦA NHẠC-GIỚI QUỐC-TẾ » (Xin xem Văn-Hữu, trang 4, hàng thứ 29) mà khi cho Văn-Hữu

(2) Những chữ viết hoa (hàng) trong bài là theo đúng lối viết của Ô. Nguyễn-Phụng (L.T.S.)

trích đăng (Cũng chưa hết Phần thứ nhất) họ lại tự đối tựa bài là : « Con Đường Tiến-Triển Đầu-Tiên của Am-Nhạc Việt-Nam ». Thật ra cũng vì khuôn-khổ của tập Văn-Hữu không tiện đăng trọn phần thứ nhất của loạt bài khảo-cứu ấy cho nên tôi rất cảm-thông sự ngộ-nhận của Ông đối với việc làm của tôi mà Ông cho là tương-tợ với của Ông Bạn Trần-Văn-Khê (Thú thật với Ông, tôi chưa hề giám tự so-sánh mình với ai cả, song lại càng tỏm lánh hạng trí-thức lưu-mạnh với lối đoạt của người làm của mình). Chủ-tâm của tôi khi viết loạt bài ấy không phải chỉ ghi-chép nguyên-văn hay dịch lại từng câu, từng chữ các tài-liệu nhạc-sử đã được xem, mà là kiểm-điểm sơ-lược nhạc-sử của Nước nhà so-sánh với của Âu-Mỹ (Nhất là đối với nhạc-sử Tây-phương) để giúp phần nào cho chúng ta sớm được vạch đường, tìm lối tiến-triển trên con đường sáng-tác mai-hậu.

Về Ban Tiều-Nhạc, Ông đã cho rằng tôi dịch sai. Thật suy ra Ông quá nóng-nổi vì có lẽ Ông thiếu nhận-thức nhạc-sử trong việc phê-phán hợp-lý như những nhà phê-bình vốn có căn-bản vững-chắc. Tuy vậy, bởi Ông tự cho mình là NGƯỜI CẦN-HỌC, nên tôi xin mách hộ Ông điều này: Ban Tiều-Nhạc của ta hồi xưa không phải chỉ chuyên-chú về thể-nhạc Tế-Lễ do đó không thể gọi là nó thuộc loại Nhạc-Lễ (Musique Rituelle) được. Mặt khác, loại nhạc tế-lễ của Ban Tiều-Nhạc đã thay hình biến điệu từ khi được truyền ra khỏi lăng-miếu và triều-đình (Khác với loại nhạc-lễ của Ban Đại-Nhạc), nó đã bị ít nhiều ảnh-hưởng của thể-tục

hay nói một cách khác hơn là nó đã bị phạm-tục hóa qua lối đàn, điệu tấu, tiếng hát lời ca của nhân-dân, khiến nó mất dần-dần tính-cách thuần-túy tôn-giáo để biến-thành một thể-nhạc có tính-cách nặng về Dân-Tộc hơn là Tôn-Giáo. Bởi thế cho nên, về phương-diện nhạc-sử, phải xếp nó vào loại-nhạc ngoại-tôn, mặc-dẫu nó vẫn được dân-chúng dùng vào các cuộc tế thần, cầu thánh (Theo ý-nghĩa tà-giáo). Khi tôi đậm thêm tiếng Pháp (Musique Profane ET Populaire) vào cuối câu đặt ở hàng thứ 14, trang 6, tập Văn-Hữu số 3, là 'ôi cố-ý chỉ-định rằng Ban Tiều-Nhạc chỉ chuyên-tâm vào các loại nhạc Ngoại-Tôn và Bình-Dân.

Từ Âu sang Á, hầu hết nhạc-sử của các nước đều chứng-minh cho ta thấy thường-thường nhạc Ngoại-Tôn và nhạc Bình-Dân hay phát-sinh từ các thể-nhạc Tôn-Giáo hoặc Nhạc-Lễ.

(Trên phương-diện nghiên-cứu Thể-nhạc (Formes Musicales) cho tương-hợp với mỗi thời-đại của nhạc-sử, tôi xin mạn phép lưu-ý Ông rằng lối dịch Musique rituelle à l'usage du Peuple do Ông nêu lên, không những vô-nghĩa mà lại còn thuộc ngoài đề tôi muốn nói).

Về Trịnh-Trọng-Tử.— Đúng như Ông đã đoán là tôi đã căn-cứ trên những tài-liệu soạn bằng Pháp-văn trong số ấy Luận-án Nhạc-Học của ông bạn Trần-Văn-Khê. Tất cả đều viết chữ *Cour* với chữ C hoa đặt trước danh vua tức là không thể dịch thành Sân được. Hiểu và dịch chữ *Cour* là Triều-Đình ở đây có nghĩa rộng, thanh-lịch hơn là chữ *Sân* mà sách

Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư đã dùng để xác-định nơi đã xảy ra sự-việc ấy. Tôi thiết-trưởng Sân của nội-thành vua cũng thuộc địa-phận của triều-đình, có cần gì phải chỉ rõ ở Sân Đền Vua, vì tôi tin chắc không ai có thể khờ-khếch đến nỗi nghĩ lầm rằng Trịnh-Trọng-Tử đã tụ-hợp binh-lính ở trong nhà bếp của cung-điện. Vả lại tôi xin ông vui lòng đọc lại cho kỹ Văn-Hữu số 3, trang 8, từ hàng thứ 13 đến 25 (Chớ không phải ở trang 7 hàng 23 như ông đã viết sai về đoạn nói đến Trịnh-Trọng-Tử).

Về danh từ ca - sĩ.— Khi tôi dùng danh-từ CA-SĨ là có ý chỉ định chung các nữ đệ-tử môn ca-xướng. Ngược lại dùng chữ Á-ĐÀO sẽ có mấy ai hiểu thấu rằng NỮ CA-SĨ (Trong các hộp đêm) đời nay được gọi là Á-ĐÀO hội thời-kỳ cách nay VÀI CHỤC NĂM (Như ông đã mách-bảo) Đúng ra danh-từ Á-Đào chỉ được áp-dụng (Một cách hợp-thời và hợp-lý) riêng cho các NỮ CA-SĨ chuyên về LỒ HÁT Á-ĐÀO thuộc đời Hồng-Đức và Cảnh-Hưng. Như vậy ông đã ngộ-nhận thêm một lần nữa ý-định của tôi. (Do đó tôi xin chua thêm tiếng Pháp và đề-nghị sửa lại Anachronisme thành Pédantisme.)

Về Năm Lê-Tác soạn Quyển An-Nam Chi-Lược.— Tôi xin đồng-ý với Ông là cần sửa lại năm 1307 thay vì năm 1279 như tôi đã ghi lầm mà chưa kịp đính-chánh trước khi trao bài cho tòa-soạn Văn-Hữu. Xin đặc-biệt cảm-ơn ông Trịnh về điểm này.

Về Trống Phạn-Cồ.— Nội-dung bài khảo-cứu của tôi không liên-hệ gì đến loại bài dạy về kỹ-thuật sử-dụng trống Phạn-Cồ mà cần phải đề-cập đến chi-

tiết nói về cách - thức đánh trống Cơm. Đại - khái tôi chỉ cần nói sơ qua về tục - lệ dùng cơm bôi vào trung-tâm của mỗi mặt trống trước khi sử-dụng, do thế-kỷ XIII lưu-truyền đến nay. Tôi thiết-nghĩ như vậy cũng đủ rồi.

Về vấn-đề «Ngô-Sĩ-Liên»: — Có nói cách nào đi nữa, một khi xem cho kỹ cả hai thuyết của Ngô-Sĩ-Liên và Trần-Văn-Khê, kết cuộc ai ai cũng phải nhận rằng tại nhà vua mê Nhạc lẫn Rượu mới khiến cho nước ta suy-vong hồi thời ấy. Khi tôi nói : NHÀ SỬ-HỌC NGÔ-SĨ-LIÊN ĐÒ TÔI CHO ÂM-NHẠC là một cách nói đậm-đã, bao-trùm ý-nghĩa TẠI NGƯỜI MÊ NHẠC tức là CÓ NHẠC NGƯỜI MỚI CÓ MÊ (Không Lừa Ông bảo làm sao có Khói) mà thật ra tôi muốn nói lý-do của sự suy-vong ấy là chỉ riêng tại RƯỢU hơn là NHẠC (Lý-luận của Ông Trịnh thật là quá-đáng).

Về việc dùng chữ «Mất» đối với vua Lý-thánh-Tông : — Dù vua Lý-Thánh-Tông có tiếng là nhơn-tử và khoan-hòa đến mấy đi nữa, khi tôi dùng chữ « BẤT » có nghĩa là « BẤT BUỘC » hay « BAN LỆNH » cốt-nhất cho hợp với thời phong-kiến ấy, vì thật ra khi đó Nhà Vua chỉ cần hạ-lệnh là đủ cho các nhạc-sĩ phải tuân theo. Nếu muốn dùng chữ BẢO nghe thanh-lịch hơn thì đến khi người xem cũng sẽ thâm hiểu BẢO là BIỂU có nghĩa là CHỈ DẠY, CHO BIẾT mà trường-hợp theo thời phong-kiến, khi Vua BẢO dân, nó sẽ có nghĩa là SAI KHIẾN.

Cơ theo phần phụ-họa do Trống đêm mà Ông Trịnh và VI TÚC NHO MIỀN NAM vô danh nào đó (Do Ông Trịnh giới-

thiếu vị này vốn ở ẩn nên Ông không muốn nhắc tên cho là điều hiếm có, riêng tôi nghĩ nếu đó là điều hiếm có đối với Ông Trinh và vị TÚC NHO kia nhưng nó không hẳn là một sự không có, hoặc không hiểu được đây chỉ là một điệu-văn (Tournure) cốt nói người hát có tiếng trống đệm theo. Nếu các Ông thuộc những người thật-sự ở trong nghề thì tôi thiết-tưởng nó không thành một vấn-đề phải nói đến.

Về ảnh-hưởng của truyện Tam-Quốc: — Đúng lý ra thì tôi không muốn đáp lại điều thắc-mắc này vì lý-luận của Ông Trinh sẽ trở-thành vô-lý (Absurde). Nếu không nói là CẢM-HỨNG truyện Tam-Quốc trước khi dùng nó làm đề-tài hay nòng-cốt cho một ca-kịch-phẩm thì thế nào Ông Trinh gọi là sáng-tác hay đúng ra là phóng-tác (Trên phương-diện đề-tài) theo truyện Tam-Quốc ??

Về chữ «Xử-Dụng» và «Sử-Dụng» — Cũng vì Ông Trinh là NGƯỜI BIẾT CẦN HỌC chonên tôi đành xin mách cho Ông biết chính-tả của danh-từ này chưa hề được quy-định rõ-rệt (Ông hãy xem tự-điển của nhiều tác-giả khác nhau sẽ rõ điều này). Người trong Nam thường hay viết Xử-Dụng còn người Bắc thì lại viết Sử-Dụng. Tôi chưa bao giờ có dịp tìm hiểu

lý-do chính-tả của danh-từ Xử hay Sử-Dụng ra sao. (Tôi xin nhường vấn-đề này lại cho các nhà văn và các nhân-vật của Quốc-Gia Hàn-Lâm-liên tương-lai).

KẾT-LUẬN.— Sở-dĩ tôi muốn đáp lại những điều thắc-mắc của Ông Bùi-Thu-Trinh là vì lòng kính-nể của riêng tôi đối với Quý Độc-giả VĂN-HỮU và BÁCH-KHOA và cũng vì LỢI CHUNG của những người có thành-tâm xây-dựng cho Văn-Nghệ Việt-Nam. Duy có điều đáng tiếc là thành-kiến hẹp-hòi của Ông Trinh khiến tôi phải nghĩ thầm rằng Ông đã làm một điều là viết bài khảo-cứu không thể hoàn-toàn là phiên-dịch, nhất là phiên-dịch theo lối NGẬY-NGÔ như Ông Trinh đã dụng-tâm phê-bình và chỉ-bảo suốt trong loạt bài của Ông.

Quyền ăn-nói, suy-xét phê-phán là sở-hữu của mọi người, không phân-biệt TIÊU-NHÂN hay CAO-THƯỢNG còn BỒN PHẬN NÓI RA thì tôi thiết-tưởng nên dành cho những hạng thông-minh và mở-mang hơn. Như vậy đỡ cho những người có thành-tâm, thiện-chi CẦN-HỌC và XÂY-DỤNG tránh được nhiều nỗi ngại-ngùng, e-thẹn.

NGUYỄN-PHỤNG

Bàn soi bằng ánh tuyết, cửa chiếu bằng đóm lập loè

Tôn-Khang, đời Tấn, nhà nghèo, đêm ngồi coi sách ở bàn, phải mượn ánh sáng của tuyết chiếu vào thay đèn. Trác-Dân, đời Nam-Tống, nhà cũng nghèo, đêm phải ngồi gần cửa sò, để nhờ ánh sáng lập loè của đóm-đóm mà học. Do đây có câu: « tuyết án huỳnh song » chỉ cảnh khổ của học trò nghèo.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUẢN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Ván-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE

DU VIETNAM

55 ĐƯỜNG NGUYỄN-HUỆ, SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95, ĐƯỜNG THỐNG-CHẾ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON

DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



Về lá thư của một bạn đọc đăng trên

Bách-Khoa số 76 ngày 1-3-1960.

Ông Nguyễn - Vỹ phúc - đáp ông bạn họ Nguyễn ở Hải-ngoại

Vài tháng trước Tết, bạn Nguyễn-Ngu-Í ở Bách-Khoa có nhã ý trao đến tôi một bức thư của một bạn đọc ở Hải-Ngoại. Thư ấy không có ký tên, nên tôi đề-nghị với anh Nguyễn-Ngu-Í đang Bách-Khoa rồi tôi sẽ trả lời.

Nay thư ấy đã đăng lên B. K., vậy tôi xin phúc đáp.

BỨC thư ấy trình bày những nhận xét về hai bài của tôi đăng trong Phô-Thông số 1 và 2 ra ngày 1 và 15 tháng 11 năm 1958. Tôi rất hân-hạnh được người bạn viết thư đã tỏ những lời khả ái đối với tôi và tạp-chí Phô-Thông, và tán thành ý-kiến của Phô-Thông về việc cần-có một Hàn-lâm-viện quốc-gia để soạn gập một bộ từ-diễn Việt-Nam chân-chính. Như vậy, Anh bạn đã hoàn-toàn thông-cảm với ý-nguyện của chúng tôi cũng như của các bạn đã cùng một quan-diểm với Phô-Thông, và đáng lẽ không còn gì phải tranh luận.

Nhưng trong đoạn sau của bức thư, bạn đã nêu ra vài ba "thắc mắc" để

"chất chính" tôi. Vậy tôi xin vâng lời phúc đáp.

I — Cũng như đa-số các bạn đã nhận thấy nhiều khuyết-diểm lớn lao trong một số tự-diễn Việt-Nam và tự-diễn Việt-Pháp đang được thông-dụng hiện nay, nhất là các giáo-sư và các bạn học-sinh, tôi có phân-nàn các nhà làm tự-diễn sao không làm cho đầy đủ và rõ ràng hơn một chút. Trong P. T. số 2, tôi có viết :

" Họ đã chịu khó dựa theo các bộ Từ-Điển sơ sài Việt-Pháp lúc ban sơ của vài bậc tiền bối mà biên chép thêm vào chút ít, rồi in ra bán gọi là Tự-Điển.

Hiện nay nhiều quyền « tự-diễn » ấy vẫn tiếp-tục xuất-bản hoặc tái-bản quyền nào cũng gần giống như quyền nào, không có quyền nào đầy đủ hơn và thích ứng hơn ».

Tôi tưởng nói thế không có gì là quá đáng. Sự thực, chúng ta cứ mở một đôi quyền tự-diễn nào đó mà đọc kỹ, và nhận-định đúng thiên-vị, thì tự khắc thấy rõ.

Không phải tôi « nghiêm-khắc ». Nhưng theo tôi, chúng ta không nên viện lý-do rằng họ đã « bỏ tám chín năm trời, xuất công, xuất vốn cho ra đời mấy cuốn Tự-Điễn » mà có thể che lấp những khuyết-diểm được. Kẻ làm Tự-Điễn bỏ vốn ra in, để thường họ không phải bỏ một mà thu vào mười hay sao ? Vì thế, chúng ta đã phải vui lòng mua một quyền tự-diễn trên 100\$.

Đành rằng trong lúc nước ta chưa có một bộ tự-diễn, xứng đáng đầy đủ, thì chúng ta nên cứ tạm dùng các tự-diễn kia. Nhưng, đứng trên lập-trường văn-hóa dân-tộc, chúng ta cũng còn có nhiệm-vụ vạch những khuyết-diểm, để chính các tác giả, hoặc những người đi sau, tìm cách bổ-túc.

Chúng ta chỉ những khuyết-diểm, không phải là phủ-nhận công-lao của tác-giả, mà chúng ta chỉ tiếc rằng các tác-giả đã chịu khó để tám chín năm trời làm một quyền tự-diễn mà không làm cho đầy đủ hơn. Chúng ta không đòi hỏi họ làm một công-trình toàn thiện toàn mỹ, nhưng chúng ta có quyền mong họ đừng làm vội vàng và thiếu sót quá.

Về Tự-diễn Việt-Nam, theo thiên ý chúng tôi, nếu không đủ điều-kiện làm tự-

diễn mới thì thà in lại các tự-diễn cũ của Paulus Của hoặc Khai-trí tiến-dức trong khi chờ đợi quyền tự-diễn Việt-Nam mới hơn và đầy đủ hơn.

Còn về Tự-diễn Việt-Pháp, thà rằng in lại tự-diễn cũ của Génibrel Trương-Vĩnh-Ký v.v... còn nếu làm tự-diễn mới, thì chúng ta không mong gì hơn là các tác-giả chịu khó thêm vào cho đầy đủ hơn một chút chớ đừng biên chép theo các Tự-diễn cũ hoặc chỉ sửa đổi chút ít, mà thiếu sót và sai lầm nhiều quá.

Mở một quyền Việt-Pháp tự-diễn ra tra, chúng ta thấy thí dụ :

Sông « Đồng-Nai » ở Việt-Nam thì không có, mà sông « Hoàng-Hà » ở bên Tàu thì có (Hoàng-Hà : Fleuve Jaune), những tỉnh Cần-Thơ, Biên-Hòa, Gia-Định v.v... của Việt-Nam không có, mà Vân-Nam, Nam-Kinh, Hương-Cảng của Tàu lại có. Đại-khái là có những thiếu sót vô lý như thế. Lại thí dụ như tra chữ « đào-hoa » thì thấy dịch ra Pháp-văn : Séducteur de femmes, Don Juan. Chúng tôi e dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp như thế thì có hơi câu thả. Chúng tôi cho như thế là sai lầm ý nghĩa của tiếng Việt. Người ngoại-quốc học tiếng Việt, gặp những chữ như thế có phải là họ sẽ hiểu lầm lẫn cả tiếng Việt không ?

Ấy là tôi nói một vài thí dụ. Còn đây rầy các lỗi lầm lớn hơn và khuyết-diểm nhiều hơn. Chúng tôi không muốn chỉ ra vô số những khuyết-diểm mơ-hồ, hoặc sai lầm lớn lao trong một vài loại Tự-diễn Việt, Việt-Pháp, Pháp-Việt... hiện nay. Trong Phê-Thông số 2, chúng tôi chỉ

nói sơ qua mà thôi. Chúng tôi được nghe vài ba người ngoại-quốc học tiếng Việt đã tỏ nỗi thắc mắc phân vân của họ khi gặp những chữ khó, tra các tự-điền Việt-Nam hiện hữu, Việt-Pháp, Pháp-Việt v.v... mà không có, hoặc không hiểu gì hết, hoặc hiểu lầm, và đem ra áp dụng sai lầm. Chính đa số người Việt, nhất là công - chức, giáo - viên và học-sinh, cũng phân nân như thế.

Ở đây, chúng ta đừng nói đến cá nhân các người làm Tự-Điền. Chúng ta chỉ nhận xét khách quan, không thiên vị ai cả, về các quyển Tự-Điền hiện đang thông dụng mà thôi.

Nhận xét như thấy, dễ thấy rõ sự cần-thiết gấp rút có các Tự-điền đầy đủ hơn, xác đáng hơn, dù là Tự-điền Việt-Nam, hay Tự-điền Việt-Pháp, Việt-Hán, Việt-Anh...

Muốn hoàn thành các Tự-điền như thế, theo thiên ý của tôi, không phải một

người làm được, mà phải nhiều người, nhiều người có học thức rộng rãi, nhất là phải có lương tâm, và nhiều kinh-nghiệm chuyên môn, chớ không thể một ông tú tài, một ông cử-nhân, hay một ông tiến-sĩ, một ông thạc-sĩ mà làm nổi.

Vì vậy mà khi hai bạn học-sinh vừa đỗ Tú-tài Việt đến hỏi ý-kiến tôi về việc họ cũng định làm một quyển Tự-điền Việt-Nam, tôi thành thực khuyên hai bạn ấy đừng nên làm vội để thì giờ học thêm cho giỏi đã.

2.— Về mấy điểm năm tháng xuất bản các tự-điền của Paulus Cua, Génibrel, v.v... tôi xin đồng-ý. Tôi nhìn nhận là có vội-vàng sơ-sốt trong lúc tôi chỉ chủ tâm bàn về sự cần gấp có quyển Tự-điền mới, hơn là chú ý đến một đôi chi tiết về năm tháng - lịch sử. Xin thành thực cảm ơn anh bạn đã chỉ cho.

NGUYỄN-VỸ

NÊN ĐỌC VÀ CỒ ĐÔNG CHO TẠP CHÍ :

Văn-Hóa Nguyệt-San

Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây

Đã phát hành

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 48 (n. 1960)

với nội-dung phong-phú, gồm nhiều bài vở chọn lọc, vui lạ và bổ-ích của những cây bút giá-trị.

Tạp - chí dày 176 trang, giá 12\$ có bán lẻ khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh và nhà sách Thống-Nhất Tổng-phát-hành 329, Đường Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn).

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐIỂM SÁCH

Tên sách : **Kỳ-môn Độn-giáp**

Tác giả : NGUYỄN-MẠNH-BẢO

Nhà xuất bản : — Cờ-kim ấn-quán — 1958

★ NGUYỄN-VĂN-THU

TÔI là người từng đợi quyển Kỳ-Môn Độn-Giáp ra đời để tìm thêm ít ánh-sáng của môn số-học này. Khi tôi mua được, đọc một lượt thì tôi thấy hoang-mang lắm. Tôi nghĩ mãi gần một năm. Nhân đọc báo Tân-Dân số 226-227 thấy Ông Nguyễn-Vạn-An có thuật lại cuộc diễn-thuyết của Nguyễn-Quân về Đông-phương Lý-học nên đánh bạo thỉnh-thị Nguyễn-Quân chỉ chính.

Tôi thấy quyển Kỳ-Môn của Nguyễn-Quân có 2 phần :

— Phần Trước Tác : do Nguyễn-Quân tham-khảo trước tác ;

Phần này có thể chia ra hai đoạn :

a) Đoạn luận thuyết.

b) Đoạn trình-bày bằng các phương-

trình và công-thức thuộc khoa toán-học đại-thành :

— Phần Phiên-Dịch : Tuy Nguyễn-Quân tuyên-bổ rằng Nguyễn-Quân không dịch theo sách mà chỉ biên-khảo nhưng tôi đọc thấy nhiều đoạn giống các đoạn sách mà tôi đã từng đọc nên tôi phải kết-luận là Nguyễn-Quân có dịch hoặc nhờ ai dịch hộ.

Tôi xin phép Nguyễn-Quân lần lượt trình-bày thiện-chí học-hỏi về mỗi phần quyển Độn-Giáp.

— Phần Trước Tác :

a) Đoạn luận thuyết Nguyễn-Quân nói về Dịch, về Thái-Ất, về Lục-Nhâm về Lục-Giáp.

Lúc nào Nguyễn-Quân cũng sáo trộn Ất, Giáp với Dịch-học ; cần phải minh-

định Dịch Kinh là Dịch Kinh, Thái-Ất là Thái-Ất, Lục-Giáp là Lục-Giáp, Lục-Nhâm là Lục-Nhâm nếu không thì ai phân chia ra làm gì.

Tuy các môn văn cùng chung về Nguyên-lý Đại-cương và cùng sử-dụng vài công-thức Đại-cương (chẳng hạn như tìm Kim-thần đại-sát, về Lộc-Mã-Quý-Nhân, Nhật-Thần, Nguyệt-Kiến, Nhị-thập-tứ-khí) là vì cùng là Lý-sở-học do thuyết Âm-Dương Ngũ-Hành mà ra, nhưng môn nào cũng có:

- 1)- Cứu-cánh công-dụng riêng;
- 2)- Phạm-vi ảnh hưởng riêng;

Thái-Ất là để coi đại-vận của trời đất, quốc-gia và chung thân sự-nghiệp.

Lục-Giáp có công-dụng là xem các việc vật như lấy cắp mất trộm cũng như việc to ra quân chém cờ.

Nhưng hai môn Nhâm Ất đều là *Thụ-Mệnh* nghĩa hiểu việc sẽ xảy ra để dựa theo mà sử-dụng hoặc làm hoặc tránh.

Hai môn là môn Lý-học tuy rằng phần độn-ngoại cũng dùng một vài linh-phù nhưng trường hợp này hiếm lắm.

Lục-giáp trái lại là sách *tạo-mệnh* nghĩa là lợi dụng can chi của ngày tháng năm giờ, khai bốn phương tám hướng và ba kỳ tám cửa để chuyển thế bại ra thắng, để quyết định đi đến một kết quả nào (ví dụ Khương-tử-Nha lập đàn để che mặt Văn-Vương mà cứu người Vô-Kiệt; như Gia-Cát quân-sư hô-phong, để tiến quân đánh Chu-Công-Cẩn; như Đức Trần-Hưng-Đạo lập đồn Vạn-Kiếp để ngự giặc Nguyên, lập trận Bát-Môn để lừa chém Phạm-Nhan).

Lục-Giáp sử-dụng Thiên-thần địa kỳ.

Nguyễn-Quân nên nhận-định rõ mà phân-biệt thì hơn. Ta giảng về Lục-Giáp thì cứ Lục-Giáp mà nói. Cổ-Nhân vẫn làm thế, từ Phong-Hậu qua Thái-Công-Vọng, Trương-tử-Phòng, Khổng-Minh, Lưu-Cơ cũng đã bàn về Lục-Giáp.

Đức Trần-hưng-Đạo cũng có dùng Lục-Giáp trong-quyển Binh-cơ, và chính kẻ viết bài này đã được đọc bộ Lục-Giáp của Trình-Quốc-Công Nguyễn bình-Khiêm.

Nguyễn-Quân đã rõ Ngài Trình-Quốc-Công thông Thái-Ất nhưng tuyệt nhiên trong bộ Giáp, Ngài không hề đã động đến Thái-Ất và cả đến Lục-Nhâm nữa.

Cổ-Nhân thận trọng lời ăn tiếng nói là thế.

Chưa từng thấy ai đem Giáp qua Ất, Ất qua Giáp. Còn Đối với bộ Giáp của Nguyễn-Quân độc-giả có cảm tưởng Nguyễn-Quân chưa muốn cho độc-giả được lãnh-hội chỗ sở đắc của mình.

Nói rộng, bàn dài là quyền Nguyễn-Quân mà quyền độc-giả là kiểm điểm câu chuyện của tác-giả và định giá-trị tác-phẩm.

Độc-giả xin bắt đầu hầu chuyện Ông về dịch; Quyển Kỳ-Môn-Độn-Giáp của Ông có nêu ra ở trang đầu quẻ Bác. Kẻ hậu học này đọc xong quẻ Bác của Ông thì thấy nó là câu chuyện đầu Ngô mình Sở vì không hiểu Ông thấy mối tương quan giữa quẻ Bác với Độn-Kỳ-Môn ở chỗ nào?

Độn-Kỳ-Môn là một môn học để hành động xuất tướng nhập tướng, để tạo mệnh (xem Ngao - đầu thông-thủ). Quẻ Bác là

tượng quẻ phản hoạt động : tượng quẻ là dè dặt nghi ngại.

Và nội dung quẻ Bác thì Nguyễn-Quân nên xem lại vì Nguyễn-Quân có lẽ dè nhờ ai chằm câu nhằm : Kẻ chằm câu đá phản Nguyễn-Quân, phản Vua Văn-Vương, Đức Chí-Thánh, Khổng-Tử và các tiền hiền.

Nguyễn-Quân viết rằng : « Quẻ Bác là đèo gọt mềm biến cứng, có chỗ đi chẳng lợi. Đạo Tiểu nhân lên, thuận mà ngưng. Xem tượng trời, người quân tử tốt hơn là nghi-ngại làm đầy chỗ vơi đó là trời vậy. »

Ai cũng rõ « *Bất lợi hữu du vãng : tiểu nhân trường dã* » là một câu. — Câu « *Tiểu nhân trường dã* » nó giải nghĩa lý do mà « *Bất lợi hữu du vãng* ». — Câu « *Thuận nhi chi chi : quan tượng dã !* » cũng là câu liền.

Ông đem chặt mắt khúc mà chấp đầu vào đuôi Ông lấy tượng quẻ dịch là tượng trời. « *Tiểu tức doanh hư* là làm đầy chỗ vơi.

Thực nghĩa ra, phải nên nói :

Bác là đèo gọt lột bóc, lấy thể mềm ảnh hưởng cứng, thay đổi thể cứng, biến hóa thể này.

Quẻ Bác giải rằng « Không nên qua lại. Hành động sẽ không lợi vì lẽ là lúc đạo tiểu nhân bành trướng ».

Theo Thuận thì dừng lại đây là tượng của quẻ (Quẻ Bác) nên ta cần hiểu lẽ tiêu tức doanh hư (tức là khi làm, khi nghi lúc đầy, lúc vơi). Vận trời là thế đó ». — Ông dịch « *Quan tượng dã* » là « xem tượng rồi ». Nhằm đẩy Nguyễn-Quân xem tượng của quẻ Bác thì mới đúng. Còn

« *Quân-tử thượng tiêu tức doanh hư* » Nguyễn-Quân dịch là « tốt hơn là nghi ngại làm đầy chỗ vơi ».

Nghi ngại còn làm sao đầy được chỗ vơi ? Và lại tiêu tức không phải là nghi. Tức là nghi nhưng tiêu có phải là nghi đâu. Thật là Nguyễn-Quân đã chữa cả lời lẫn ý của Vua Văn-Vương.

Xem như một quẻ Bác mà chằm câu không đúng chỗ người ta dám hoài-nghi nhiều về cả pho dịch lý của Nguyễn-Quân mà tôi chưa dám đọc.

Bàn về Thái-Ất

Nguyễn-Quân viết : « ...cho nên Độn-Giáp là cái hình của Thái-Ất.

Nguyễn-Quân lại giảng « Thái-Ất tức là cái Ất thái quá, cái âm thái quá tức là âm cực. Âm cực tức là dương suy ất phải ẩn tàng tránh đi. Mà dương ở đây là Giáp tức là độn Giáp ».

Thưa với Nguyễn-Quân ; Nguyễn-Quân cho Độn-Giáp là cái hình của Thái-Ất thì thật quá là cũng kỳ cục quá và độc-giả hình dung mãi cái Thái-Ất không nổi hưởng chi Nguyễn-Quân còn nói « Thái-Ất là Ất thái qua cái Âm thái quá tức là Âm cực... thì Dương suy. Dương suy ất phải ẩn danh tránh đi. Mà Dương ở đây là Giáp tức là Độn-Giáp ».

Như thế « *Giáp trốn Ất* » nên gọi là Thái-Ất ? Thế thì Nguyễn-Quân tiền hậu bất nhứt, và tự mâu-thuẫn.

Tại trang 122 Nguyễn-Quân viết :

« Canh-Kim khắc Ất-Mộc nhưng hai can hợp nhau nên cứu được nhau mà vô hại vì vậy Ất mới thay Giáp là kỳ thứ nhất ». Xin nói rằng Nguyễn-Quân dịch không nổi ý sách.

Điều thứ nhất: « Canh Ất « Không cứu được nhau » mà chính là Ất đã hợp với Canh để cứu Giáp vì nói cứu nhau thì ai cứu ai, ai bị cứu? Chữ được nhau của Nguyễn-Quân dùng đã là sai mà Nguyễn-Quân còn đem thêm vào đây câu « Ất mà thay Giáp là kỳ thứ Nhất ».

Ất thay Giáp ở chỗ nào nhỉ? và bằng cách gì? Vì trên hai vòng Thiên-bàn Địa-bàn chỗ nào có Giáp thì không có Ất làm sao mà thay nhau được. Thay cho Lục-Giáp là Lục-nghi mà lục-nghi đâu có phải là Ất, Bính, Đinh tam kỳ.

Nhận xét như sau đây mới đúng nghĩa sách: Can-Ất hợp Can Canh để cứu Can-Giáp khỏi bị Canh hại. Ất chẳng thay nổi Giáp, mà Ất không cứu Canh, Canh cũng không cứu Ất. Vậy Ất cứu Giáp chút có phải Giáp sợ Ất mà trốn đi đâu!

Ất là Âm Mộc; Giáp là Dương Mộc. Ất thuộc Âm, và Giáp thuộc Dương nhưng Ất không phải là âm mà nhất là « Âm-cực » nữa. — Nói tóm lại Nguyễn-Quân chưa rõ lãnh-vực của Thái-Ất thần-kinh và Độn-lục-Giáp nên nhầm chữ « Ất » của Thái-Ất với « Can Ất » là âm mộc, mà chữ Ất theo nghĩa Thái-Ất, Nguyễn-Quân cũng nhầm nốt.

Người ta sẽ có cảm-tưởng là Nguyễn-Quân chưa rõ nghĩa danh-từ Lý-học, khi Nguyễn-Quân nói Thái-Ất là « cái Ất thái quá ». — Độn-Giáp là phép tính mà chữ Giáp không hiện ra trên thiên bàn địa bàn nghĩa người ta dấu chữ Giáp đi mà dùng Lục-nghi thay thế vào.

Có thể mà thôi đem lục-nghi thế vào nghĩa là khi gặp Giáp-Tý thì thay bằng chữ « Mậu Trục phù »

Giáp - Tuất thì thay bằng chữ « Kỷ Trục Phù. »

Tại làm sao mà làm thế, tôi sẽ bàn đến sau này. Ở đây tôi xin quay lại nghĩa Thái-Ất. — Chữ Thái là Đại là lớn. Chữ Ất là nguyên-thủy là chữ nhất mà lý học gọi tránh đi hay gọi dấu đi.

Thái-Ất theo nghĩa « Thái-Ất thần-kinh » tức là chỉ cái thái-cực. Học Thái Ất tức là học độ số của cái nguyên thủy Thái cực vận hành biến hóa, các trạng thái « Thành, Trụ, Dị, Diệt » của vũ-trụ.

Nguyễn-Quân nói Ất là can Ất thuộc âm thì quả là học rộng hơn cái biết của lũ chúng tôi — Lại bảo: gọi là Thái-Ất còn để tả cái đời vật chất âm u này và thêm nữa để tả cái vòng thứ tư là cái kiếp âm tốt cực theo một vận chuyển đến kiếp thứ năm là nơi dừng nghỉ.

Độc-giả muốn chiêu hồn Ông Thiệu-nghiên-Phu lên mà hỏi có phải trong bộ Thái-Ất thần-kinh tức là Hoàng-cực kinh thế thư, Ông đã dùng chữ Ất để tả các đời vật chất âm-u không? Hay bộ Thái-

Ất là Bộ Lý số học áp dụng cả hội Dương lẫn hội Âm, áp dụng cho muôn thừa, từ lúc tạo thiên lập địa cho đến khi vũ-trụ này tan rã trở về chỗ không của nó.

VỀ THUYẾT LỤC GIÁP TAM-KỶ

Chỗ nào ông chép theo cổ-nhân thì còn nghe được chỗ nào Ông bỏ cổ-nhân mà bàn rộng ra thì Ông lại vấp vào cái lỗi giảng dịch Phạm Huấn Mông là Ông Huấn, Ông Mông Ông Phạm như thầy đồ chuyện cổ.

Nguyên chữ Giáp là đầu của thập Can. Nếu lấy Giáp làm tượng của *Chính-quyền* thì Canh Kim khắc Giáp-Mộc phải tượng trưng *nguy-quyền*. Canh Kim vốn khắc giáp Mộc nên Giáp sợ Canh, phải trốn Canh; vì lẽ đó nên trên thiên Địa-bàn phải Độn-Giáp, nghĩa là tìm cách dấu Giáp đi cho Giáp khỏi bị hại. — Ấy nó là thế đấy chứ không phải là chuyện Ất là Thái-âm mà Âm cực Dương suy nên phải Độn-Giáp (như Nguyễn-Quân đã bàn tại trang 6). Canh đã là giặc thì Giáp tượng trưng cho Chính quyền mà Chính quyền cần phải thoái giặc, hoặc tránh giặc.

Có 3 trường hợp thoái giặc hay tránh giặc: tức là ba mưu cơ (chữ Kỳ tức là Cơ). — *Cơ thứ nhất*: — Ất giữ Canh Hợp vậy Giáp đem Ất là em gái gả cho Canh để cho Canh ham Hợp mà quên giết. Thế là đệ nhất kỳ hay là Ất Kỳ.

— *Cơ thứ hai*. — Gọi con trai là Bính, Dương-Hỏa ra đốt Canh Kim để cứu lấy Bồ: đó là đệ nhị Kỳ hay là Bính-Kỳ.

— *Cơ thứ ba*. — Gọi con gái là Đinh Âm hỏa ra đốt Canh Kim cứu bồ: đó là đệ tam Kỳ hay là Đinh-Kỳ.

Thế mà chỗ này Ông nói Bính-Đinh là con Giáp-Ất vì chữ Bính chữ Đinh ở dưới chữ Giáp, Ất. Lý ấy không vững đâu ông ạ vì nếu chỗ ở trên dưới mà thành ra cha con thì Nhâm Quý là cháu mấy đời của Giáp-Ất vì đúng hàng thứ chín thứ mười làm thế nào lại sinh ra Ông Bà Giáp, Ất được — (Nhâm, Quý thủy sinh Giáp-Ất mộc) — hay là sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh Ông?

Vậy không phải là căn cứ vào từng dưới từng trên mà người ta kêu Bính, Đinh là con Giáp-Ất mà chỉ vì lý tương sinh: Giáp-Ất Mộc sinh Bính-Đinh Hỏa. Và khi gọi Giáp Ất thì Ất đứng sau Giáp, lại cùng một hành Mộc, nên gọi là em Giáp.

Khi Nguyễn-Quân bàn đến nghĩa của Tam-kỳ thì độc-giả nhận thấy Nguyễn-Quân lại bạo quá.

1— Nguyễn-Quân viết: Ất kỳ là gọi « Nhật-Kỳ » vì ban mai cỏ cây hưởng cái tinh-túy linh động của Thái-Dương nên cây cỏ tượng cái tinh-túy của mặt trời.

Lý ấy không đúng đâu nhưng tạm xuôi tai. Nguyễn-Quân lại nói Bính-Kỳ là Nguyệt-Kỳ vì lẽ « mặt trăng chiếu giao nhau ở cung Bính mà chiếu cái ánh sáng xuống muôn vật ».

Cung Bính ở đâu hay là ở bể Đông? Mặt trăng chiếu giao nhau như thế nào? giảng như Nguyễn-Quân thì cũng giống như thầy khóa nọ dạy trẻ « bắt là cây bắt mọc ở bể Đông ».

Về Đinh thì Nguyễn-Quân cho « Can Đinh là Hỏa ở Phương Nam, là tượng que Ly sáng sủa và bắt đầu từ cung Ngọ xuống Dương Cực Âm Sinh tức là tượng cái sao sáng lạng đến cực điểm ».

Theo Nguyễn-Quân thì vì thế nên Đinh-Kỳ là Tinh-Kỳ cũng như theo thầy Đồ nọ thì « Phạm-Huấn-Mông » là Ông Huấn, Ông Mông và Ông Phạm.

Trời ơi sao mà nhiều khê thế, xin Nguyễn-Quân khi nói thì phải nói đúng : — Ất là Can Ất Mộc, Bính là Can Bính Hỏa và Đinh là Can Đinh Âm-Hỏa.

Bằng cứ rõ ràng là :

Dương Hỏa mộ tại Tuất, Vương tại Ngọ thì Bính-Kỳ là Dương Hỏa cũng mộ Tuất Vương Ngọ. Mộc đáo Càn Cung bị khắc thì Ất Kỳ đến Càn Cung cũng bị khắc. Lại nữa Can Âm Hỏa vượng ở Dậu thì Đinh-Kỳ đến Dậu cung cũng là Ngọc-nữ Thăng Điện, đại vượng.

Còn tại làm sao gọi là Nhật-Kỳ, Nguyệt-Kỳ, Tinh-Kỳ. — Xin nói rằng theo mắt mọi người thường thì mặt trời chiếu sáng nhất, mặt trăng chiếu sáng bậc nhì và sao chiếu sáng (bậc thứ ba nên có thứ tự, Nhật, Nguyệt, Tinh, người ta dùng cái ý thứ tự đệ nhất, đệ nhị, đệ tam cũng như khi dùng chữ Giáp chữ Ất (Giáp Tiến-sĩ, Ất tiến-sĩ tức là Phó Bảng) cũng là dùng cái nghĩa là bậc nhất, bậc nhì.

Nói Nhật-Kỳ là chỉ phương pháp thứ nhất để cho Giáp tránh anh Canh.

Nói Nguyệt-Kỳ chỉ phương-pháp thứ hai.

Nói Tinh-Kỳ là chỉ phương-pháp thứ ba để tránh Canh Kim và chỉ có thể thôi.

Còn nói Lục-Ất thuộc Thái-dương ;

Còn nói Lục-Bính thuộc Thái-Âm ;

Còn nói Lục-Đinh thuộc ánh sáng các sao, là thuyết riêng của Nguyễn-Quân.

Phân Giải Thích Bằng Các Phương-Trình Toán-Học

Ông có công tìm tòi và cố áp dụng toán học Tây Phương vào Lý học Đông-Phương.

Chẳng hạn như tại trang 95, 96, 97 Ông đã viết rất đúng công thức : $F(X) = f(x) + f(y)$ và giảng rõ ràng. Song ác thay đồ biểu không rõ ràng gì cả và nhưt là không có ảnh hưởng trực tiếp đến môn Lục-Giáp.

Lẽ thường muốn tìm hiểu và học một đồ biểu về một Phương-trình thức, trình giả phải thứ tự chỉ cho diễn giả rõ mặt mũi cái công-thức mà trình-giả muốn họa đồ biểu chịu ảnh hưởng của bao nhiêu điều kiện và biến hóa ra sao.

Trình-giả sẽ chỉ cho ta cái tọa-độ được sử-dụng (système de références : như là coordonnées rectilignes, angulaires, polaires, v.v.....)

Trình giả lại ấu định cho rõ tung-độ chỉ về cái gì ;

Hoành-độ chỉ về cái gì và Tọa-độ chính điểm ăn nhập vào hiện trạng nào ? Sau đó

cho ta theo xem công-thức biến hóa chỗ điểm nào là cao-độ hay là tối đa, chỗ điểm nào là tối đậm độ hay là tối thiểu. Chỗ nào ẩn chỗ nào hiện ra sao.

Từng ấy cái cần để hiểu một đồ biểu, nhưng cái cần nhất và thiết thực nhất là phải nói rõ được ý-nghĩa của đồ biểu, trình bày nổi mối tương-quan giữa đồ biểu với hiện-tượng Vật-Lý và ý-nghĩa hiện-tượng này trong học thuyết dịch lý.

Nếu không thế thì các đồ biểu chỉ làm hoa mắt kẻ không học toán-học và cũng không có ích cho kẻ đã có chút toán-học đại-thành.

Tôi xem lại các đồ biểu phương-trình-trong quyển sách của Ông thấy vui vui vì nó nhắc nhở lại những bài toán xưa kia tôi đã học (fontions continues discontinues, exponentielles, logarithmiques v.v...) mà ngày nay tôi đã trả lại cho giáo-sư toán pháp của tôi rồi.

Nhưng thú-thật tôi vẫn ước-ao thấy rõ cái liên-quan đến chuyện Lục-Giáp mà chúng ta học vì Ông chỉ bảo : nó là thế, nhưng Ông chưa hề nói tại làm sao nó lại là thế, và nó như thế ở chỗ nào vì lẽ gì? Thấy Ông nói : hay lắm, huyền-diệu lắm, tài lắm, khéo lắm, đúng lắm.

Tôi nghi mãi chưa hiểu Ông chỉ cái gì là tài, đúng ở chỗ nào. Có lẽ Ông quên không chính danh, định vị cho (cái gì) mà Ông muốn trình-bày để giải-thích môn lý-số-học ngô hầu Độc-giã trông thấy vật mà Ông chỉ, nhận thức được điều Ông muốn nói, Dù sao có lẽ tất cả các cái Ông biết Ông nói có tương

quan xa gần và có giá-trị tại chỗ khác ; vị-trí nó ở một tập khái-luận về Lý-học thì đúng hơn là ở « Bộ Lục-Giáp Thực-Hành » với cung cách trình-bày như Ông đã dùng.

Tuy nhiên tôi cũng kính-phục công-phu sưu-tầm của Ông và giá-trị riêng của nó nhưng một là Ông nói rõ ràng hơn, một là Ông nói đại-khái để dễ hiểu hơn. Hành văn của Ông làm Độc-giã sẽ có cảm-tưởng Ông muốn làm hoa mắt họ để đưa ra các thứ « Hàng hóa giả » như là phần sau của quyển Độn-Giáp.

Phần Phê-Dịch

Dù Nguyễn-Quân có nhận là trước tác như lời.. tuyên-bố ở trang 119 nhưng Độc-giã vẫn thấy ở đây người Quân chỉ đóng vai dịch-giả hoặc lấy ở Thống-Tôn-Đại-Toàn hoặc dịch ở Bộ Ngũ-Thái-Kỳ-Môn, hoặc có đoạn trích ở Ngao-Đầu Thông-Thư v.v...

Nhưng không chắc dịch-giả đó là Nguyễn-Quân. Dịch-giả có lẽ là một vài Ông Đồ nho mà Nguyễn-Quân đã giao công-tác.

Mà tai hại cho Nguyễn-Quân là các Ông đồ ấy hoặc đã kém quá mà dịch không nên câu, hoặc đã đùa một cách chua chát Nguyễn-Quân mà dịch bậy.

Dịch bậy có thể phân ra ba loại :

- Không hiểu mà dịch bậy ;
- Nhầm chữ mà dịch bậy ;
- Dịch không hết ý mà thành láo bậy ;

A) — Không hiểu mà dịch bậy :

Trang thứ 106, Ông có hai câu « Âm dương thuận-nghịch diệu nan cùng ; nhi chí hoàng hương nhất, cửu cung » hai câu này mở đầu bài Yên Ba Biểu Tẩu Ca.

(Yên Ba Điều Tẩu là Ông Cự già ngồi câu khôi sóng. Cự già này chẳng phải ai mà chỉ là Khương-Thai-Công) Nguyễn-Quân dịch rằng :

Âm Dương thuận nghịch huyền diệu vô cùng, hai chí (Đông-chí, Hạ-chí) trở lại cùng của nó là « Một trong chín Cung » Dịch « Nhất cửu cung » là một trong chín cung ; có lẽ vì thế mà từ khi tôi mang quyển Giáp của Nguyễn-Quân về thì vẫn nghe phát xuất ra những tiếng thờ dài của Thái-Công, của Trương-Lưu-Hầu, Lưu-bá-Ôn v.v....

Thưa với Nguyễn-Quân, *nhất* là cung *Nhất Khâm* (cung Tý). — *Cửu* là cung *Cửu-Ly* (Cung Ngọ).

Đông-chí khởi ở cung Khâm Nhất thuận hành Dương độn cửu cực ;

Hạ chí khởi cung Ngọ nghịch hành Âm độn cửu cực ;

Đây là tôn chỉ của độn « Lục-Giáp ».

Nguyễn-Quân chưa rõ nổi tôn-chỉ ấy hay sao ? Nếu chưa rõ tôn-chỉ mà viết nổi sách thì hơi bậy.

— Trang, thứ 227 Nguyễn-Quân viết :

« Nếu muốn sự nhanh chóng không có kỳ Môn theo Ngọc-Nữ đó là thuật lại *phản lại sự bế-tắc.* »

Xin Nguyễn-Quân đọc lại nguyên văn mà xem.

Đây là phép « Ngọc-Nữ phản Bế » tiếp theo phép « Chân Nhân Bế Lục-Mậu » ở Đôn Ngoại-Kỳ-Thuật dùng cho lúc nào không gặp được Kỳ Cát.

Nguyễn-Quân dịch nhầm : *Điều thứ nhất* không phải là « nếu muốn sự nhanh chóng » mà là « nếu có việc cần phải làm ngay ».

Điều thứ hai : Nguyễn-Quân nói « đi theo Ngọc-Nữ » theo thế nào, theo ra làm sao ? Nguyễn-Quân quên rằng Ngọc-Nữ tức là Đinh Kỳ mà chúng ta ở trong trường hợp không có Kỳ, Cát kia mà !!

Nguyễn-Quân lại nói : « Đó là cái thuật phản lại sự bế-tắc » trong khi ở Kinh-Sách « Ngọc-Nữ Phản-Bế » là một câu liền. Đây không phải là Ngọc-Nữ mà là dùng cái phương-pháp tên gọi là « Ngọc-Nữ phản Bế ». Thuật này được chỉ dẫn ở bộ Độn-Ngoại-Kỳ-Thuật để sử dụng khi nào có việc cần gấp mà không gặp Kỳ, Cát (Tam Kỳ và Cát Môn).

Trang thứ 595 (Định lý bất kể trốn) Ông viết « Đang ở năm tháng ngày giờ thì có thể bắt được » thật là một câu ngây ngô làm cho Độc-giả phì cười vì nó không có nghĩa gì cả.

Lúc nào cũng chả ở trong năm tháng ngày giờ, ai mà không ở trong năm, tháng, ngày, giờ nghĩa là sống trong thời gian ? — Sách nói *niên cách, nguyệt cách, nhật cách, thời cách* thì bắt được. Ông không hiểu nổi chữ *Cách* mà Ông dịch liễu.

Chữ Cách là một trường-hợp mà Lục-canb đến thiên bản trên Can của Nam, hay là Can của Tháng, của Ngày hoặc của Giờ có thể thôi.

Về Thiên Tam Môn Địa Tứ Hộ và Địa Tứ Môn sách nói rất rõ ràng nhưng xem bản dịch của Ông tại trang 629 thì thấy thật vô nghĩa.

Sau đây nguyên văn Ông đã viết : « Thiên tam Địa tứ (4) môn, Thiên tam (3) Nguyệt tứ gia thời lấy theo khôi là Tiêu Cát.—Thái xung lâm địa 4 nguyệt kiến chủ nguy dinh hợp với thời ấy là đường riêng của mình thì hanh thông, xuất hành thì đều đắc địa, môn của mình đều chiếu kỳ gặp trăm sự an-ninh. Bây giờ muốn hỏi tư-địa (đất riêng của mình thì khởi ở sự nào?...)

Người ta còn biểu ý-nghĩa các câu hát của người điên hơn là bản dịch của Ông, vừa nhầm vừa sai vừa vô ý-nghĩa.

Lại như câu « Âm-Dương tất cả đều ở chỗ mộ, muốn gặp kỳ tức hung, nếu mà gặp nó luôn luôn... » thì Ông muốn nói gì ? Tôi thì rõ nghĩa ở bản chánh xem lại bản dịch thì tôi cũng lại thấy dịch-giả khinh độc-giả quá.

Lại ở trang 382 hỏi về « Âm dư » Ông nên đánh lại chữ câu đi và có đánh lại rồi thì bản dịch của Ông cũng bí-hiếm vì nó vô nghĩa-lý. Ông nên đọc lại Ngũ-Thái-Kỳ-Môn về đoạn này mà Ông dịch không ra nghĩa. Tôi cũng lấy làm lạ thấy Ông thông toán học đại-thành (Mathématiques supérieures) mà Ông lại viết những câu văn ấy. Ở đoạn này còn nhiều hạt đậu nhọn lắm, (chẳng hạn như trang

378 về thuyết Tam-Kỳ Nhập-mộ) nhưng thôi nhạt một vài hạt to kể cũng là đủ.

B) — Nhầm chữ mà dịch bậy

Trang thứ 374 và 375, Ông viết « Canh Gia Nhâm Hề vì thượng cách » dịch « Gia nhâm là thượng cách » Ông nhầm chữ thượng với chữ tiểu đây Ông ạ.

Vì Canh Gia Quy là *Đại-Cách*

— Canh gia nhâm là *Tiểu-Cách*

Trang thứ 376 và 377. Ông viết « Huyền bất ngộ thời, thời khác nhất » Ông nhầm chữ « Ngũ » với chữ « Huyền » và tai hại là Ông viết « Thời Vu-Đoài nhật can » là bất ngộ thì thật là thông-minh tột bực. Thời vu đoài nhật can-nghĩa là thế nào ?

Ông khinh độc-giả quá hay là Ông để cho người dịch hộ Ông chế giễu Ông ? họ đọc phải quyển sách in nhầm không đủ sức học để lập lại chánh-nghĩa mà cả gan nói láo. Thật là Ông mắc mưu anh Tàu nó có ý xếp nhầm chữ chữ *Thời can khác nhật can* ra *thời vu đoài nhật can*. Tại trang 620 :

Đàng sa yêu kiều thì Ông viết Đàng sa thiên kiều, chữ yêu chữ hơi giống chữ thiên là gì !!

Các trang 36, 365 Ông đánh nhầm chữ câu nhiều lắm.

Trang thứ 367 khi Ông viết Thiên-Ất ở trên canh là Ất-Canh tương hợp Ông nhầm *Thiên-Ất* với *Ất-Ky* và Ông phản lại với trang 375 vì thiên-Ất gia canh là *Thiên-Ất phi*, canh gia thiên-Ất là *Thiên-*

Át phục. Ông đã rõ Thiên-Ất tức là Giáp-trực phù không bao giờ hợp với Canh và đó là tôn-chủ và nguyên lý của Độn-Giáp. Cái làm của Ông lần này không bé đâu nó trình-bày tất cả cái đại-nguồn của Ông về Lục-Giáp. Bằng có Ông không mờ hồ Lục - Giáp là câu « Chực phù trong Lục-canh » ở trang 372, làm thế nào mà trong lục-canh lại có trực phù được ! Có lẽ ông muốn nói *Giáp - thần tuần thủ* là Canh trực phù thôi.

Điều đáng trách là Ông là người Việt-Nam mà Ông không muốn viết chữ Quốc-ngữ.

Trang thứ 374 ; Về mục (Kịch hình) chẳng hạn khi phải viết « Giáp-Thìn chực phù » tức là chữ Nhâm đến *cung thứ tám* thì Ông viết « Giáp-Thìn đến 8 cung ». Độn - Giáp đã dấu Giáp còn tìm đâu ra *Giáp-Thìn* và lại *một Giáp-Thìn* đến thế nào *nổi cả tám cung* ? — Cũng như chữ « Chấn tam cung » nghĩa là cung số ba, tên là cung Chấn (Tính theo thứ tự cửu cung) mà Ông dịch là « *chấn ba cung* » thì còn trời đất nào nữa ! !

Nhưng đến đây mới thấy cái buồn không bờ bến của chúng tôi.

Trang thứ 3707. — Mê lộ pháp.

Bản dịch của Ông hai từng bậy, bậy về nghĩa và bậy về chữ. Ông nói « Phép làm quân dịch mê hoặc không thấy *đường về* » thật là đáng thương hại cho Ông vì trái hẳn bản văn « *Phép tìm ra đường* » khi bị lạc mê lộ là « *Lạc đường* » Ông hiểu chưa ?

Ông lại dịch : « Đó là nhờ nguyệt kiến thêm giờ thấy thiên cương *thêm*

manh ở Tả lộ thông, *thêm* quý ở hữu lộ thông, *thêm* trọng ở trung đạo thông ».

Ông chú thích : « Mạnh trọng quý tức là cái *đầu lớn*, cái *giữa*, cái *chót* ». Nếu lập lại bản dịch của Ông thì ta thấy được câu « Nguyệt kiến *thêm* » giờ thấy Thiên Cang *thêm* cái *đầu lớn* ở tả lộ thông v.v... Thêm thế nào, thêm bằng cách gì và tìm cái *đầu lớn* ở đâu ? Thêm cái *đuôi* cho nó thành hình cái *gáo*.

Ông nhầm « Nguyệt tướng » với « Nguyệt-kiến ». Và chẳng phép này ở Lục-nhâm chớ ăn nhíp gì vào Lục-Giáp. Lục-Nhâm nói lấy Nguyệt-tướng đặt vào giờ mình xem quẻ mà tính đi thấy thiên cương tức là chữ « Thìn » lạc vào bốn cung « Tứ Mạnh » tức một trong bốn cung Dần, Thân, Tỵ, Hợi hay là lạc vào tứ Trọng tức là một trong bốn Cung Tý, Ngọ, Mão, Dậu hay là lạc vào tứ Quy tức là một trong bốn Cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì ta phải dò đường phía tả mà ra, dò đường phía hữu hay là dò đường giữa mà tìm lối ra. Có thể thôi chứ thêm cái *đầu lớn* hay cái *đuôi* của Ông vào thì làm sao mà ra nổi. Và lại tìm ra cái *đầu lớn* hay cái *đuôi* nhỏ nó là một vật gì thì người ta, cũng đã mệnh một ở trong rừng.

Về đoạn dịch lạc ý thì cũng xin đem ra một thí-dụ cụ-thể là phép chạy trốn « Đào tỵ-Pháp » ở trang 409, Ông viết : « Tư Sở đứng trước Vua Ngô tâu rằng : « Ngày xưa Vua Sở bị lâm khốn nguy không ra khỏi được cung-điện nhà Vua, theo một vòng 12 cung trên đất bèn lấy

một nét theo Thanh-Long cung mà bắt đầu mà bước ra, Quân sĩ không thấy.» Ông nhằm Tư-Sở với Ngũ Tử-Tư.

Ông dịch lộn vì Ngũ Tử-Tư bị quân Sở vây chứ không phải là Vua Sở bị vây trong Cung Điện. Còn Pháp đào ty của Ông dịch thì có lẽ chỉ Ông hiểu « theo một vòng 12 vùng 12 cung trên đất bèn lấy một vệt theo Thanh-Long cung v.v... » là thế nào? — Ông đã làm sách Ông phải hiểu đã rồi hãy viết; dịch bừa bãi, dịch bậy bạ, dịch nhằm lộn là Ông khinh Độc-giả có phải không thưa Ông?

Sau hết tôi tự hỏi có phải Ông đã có một ác ý là bỏ Bộ Đầu-Pháp.

Vì nếu Ông bỏ Bộ Đầu thì cả quyển Lục-Giáp của Ông thành vô dụng.

Ai cũng rõ muốn thực hành Độn-Giáp phải thông thần mà muốn thông-thần phải Bộ Đầu; có lẽ Ông đã không rõ và không hiểu bộ Đầu đồ Pháp nên Ông không dám đưa vào sách.

Nếu thế thì Ông còn chút thành thật.

Nhưng nếu chưa hiểu Bộ Đầu, thì chưa thông-thần và chưa Độn Lục-Giáp sao Ông làm nổi sách giải các quẻ.

Tất cả các quẻ của Ông có giá-trị của các giải-đáp của những giang-hồ thuật sỹ Đông Tây, nó hàm một vài mảnh khoé nhà nghề. Ông đứng trên lập trường lý-học Ông nói huyền, nói bí, linh với rợu, Giáp với Ất lung tung cả lên mà Ông đưa ra cho chúng tôi một mớ sai lầm ngớ ngẩn, vô nghĩa lý thế. Người ta « treo đầu Dê để bán thịt Khuyển » nhưng ta không buồn bán, chỉ khảo-cứu cổ học phải không thưa Ông?

Nếu ả, Ông là người có thiện-chí, có học lực về toán-pháp và có khiếu về lý số, có nhiệt tâm với đồng-bào, xin Ông hãy tự trọng mà thu quyển Lục-Giáp về, hoãn việc ra Thái Ất. Ông tham-khảo lại và tìm hỏi các vị cao-minh đỉnh chính lại các điểm sai lầm để một ngày kia kẻ cầm bút này lại có hân-hạnh được xin Ông chỉ giáo cho các điều chưa rõ ấy là mục-đích hoàn-toàn xây-dựng của chúng tôi.

NGUYỄN-VĂN-THU*

-
- * Người lãnh-đạo không bao giờ được ra lệnh trực-tiếp mà không qua sự trung-gian của giai tầng, đảng cấp đã được thiết-lập theo qui-tắc.
 - * Khi một lệnh khẩn cấp đưa ra đã khởi sự thi-hành rồi thì không nên tìm cách cải-thiện lệnh ấy bằng những tu-chính trái thì nữa; lệnh phụ đưa ra liên-tiếp để cải-thiện chỉ làm cho những người thừa-hành sinh bối rối mà thôi.

TA LÒNG TRI-KY

Bề bề, dàu dàu trái máy đời,
Thi gan bão-táp, gốc mai côi,
Miền Nam độc chiếm: hoa trinh bạch,
Trăm trận hung vong chẳng đời đời,



Trăm trận hung vong chẳng đời đời,
Mím cười thế sự diễn trò chơi.
Tranh tranh, chiếm chiếm trăm năm sử,
Thành, bại cùng như mộng-ảo thời !



Thành, bại cùng như mộng-ảo thời.
Hận lòng ai vầy máu tanh hôi ?
Uồng gieo băng tuyết không nhằm chỗ,
Mai một đành cam cỏ loạn đời.



Mai một đành cam cỏ loạn đời,
Trần-ai tri-kỹ biệt tâm hơi.
Văn-đàn, Thi-xã nào đâu thấy ?
Chỉ thấy đồn canh súng nổ hồi.

Chỉ thấy đồn canh súng nổ hồi,
Đâu vãn thơ đẹp, khách thơ ơi !
Câu ngâm cảm-khái xa xưa vắng,
Trăng ngại-ngùng soi, gió ghen lời.



Trăng ngại-ngùng soi, gió ghen lời,
Sớm chiều; xe ngựa thét rung đời.
Giật mình, lả-tả hoa rơi lệ,
Khép-nép đầu cành nụ lẻ-loi.



Khép-nép đầu cành nụ lẻ-loi,
Hương lòng ấp kín để dành hơi,
Phẩm tiên chờ thuở trao tay ngọc.
Mà khách Giang-Nam vẫn biệt hoài.



Mà khách Giang-Nam vẫn biệt hoài,
Giật mình, nào tưởng có hôm nay :
Vi hoa, thi-sĩ phăng tìm lối,
Cảm-cựu, văn-nhân cất dặm hài.



Cảm-cựu, văn-nhân cất dặm hài,
Vạch lau tìm dấu viếng thăm mai.
Mai gầy, trắng điềm cành xuân muộn,
Tiếc ngọc, thương hương, khách ngậm-ngùi,



Tiếc ngọc, thương hương, khách ngậm-ngùi,
Bút hoa nhỏ lệ khóc cho mai,
Tạ tình tri-kỷ, hoa cười gượng,
Diếc cả hương lòng gửi tặng ai.

Bà ÁI-LAN

(làm hộ cho hoa Bạch Mai)

Đ I M Ò

LÚC thường những người ra vào đều dùng cửa nhỏ bên cạnh, nhưng khi xe chị Văn tới thì hai cánh cửa lớn mở rộng hình như với con bệnh này bệnh viện thấy cần phải sẵn sóc hơn. Văn bước xuống xe, bơ phờ, một tay đỡ vợ, một tay cầm cái lẵng mây trong có ít quần áo, mấy trái cam, một bình thủy. Chị Văn gặp người trên cánh tay chông, tóc rũ rượi, mặt nhợt nhạt, mắt sâu hoắm, thỉnh thoảng lại khẽ ỉt một hơi qua hai hàm răng cho dịu cơn đau nhức nhối.

Một thứ mùi ngai ngái, dai dẳng quyện lấy không khí làm người ta nghĩ đến những cuộn bông, băng dầy cộm, những thuốc sát trùng nồng nặc. Qua những khung cửa sổ xám ngắt thỉnh thoảng lại hiện ra một vài bóng trắng, chập chờn giữa những giường sắt gãy gò, sơn một thứ màu trắng nay đã đổi thành một màu vàng bệnh hoạn.

Nếu không có những cơn đau dẫn vật, có lẽ chị Văn đã về ngay. Chị tiến tới chỗ của mình, leo lên giường một cách miễn cưỡng, nằm thờ một lúc rồi đưa mắt nhìn quanh. Từ các giường bên, những cặp mắt lơ đãng, vắng sinh khí, đang mệt nhọc day về phía chị như muốn hỏi : « Làm sao mà tới đây ? ».

Chị chợt nghĩ đến các con ở nhà, giờ này không biết đã ai cho ăn uống gì chưa hay vẫn chạy rong ngoài đường, đánh lộn với trẻ con hàng xóm. Vắng mẹ, chúng nó có thấy thiếu thốn không, có nhớ mẹ hay không ? Con Bích bao giờ cũng ngủ với mẹ, đêm nay có khỏi quấy khóc không ?

Những ý nghĩ đó làm chị ứa nước mắt.

Văn đi vào đi ra chẳng biết làm việc gì rõ rệt, nửa sốt ruột muốn về, nửa thương vợ muốn ở lại.



Bác-sĩ tới. Chị Văn chờ đợi sẽ được uống ngay một thứ thuốc gì thật mạnh dứt hết cơn đau rồi được về với con, nhưng bác-sĩ chỉ dặn người y-tá ba hôm nữa cho chị đi chiếu điện. Ba hôm nữa ! Từ nay tới đó, không biết còn sống không, nói gì đến đi chiếu điện.

Sau đó, trong mười ngày liền chỉ thấy nghe với thở, nghe tim, nghe phổi, thở máu, thở nước tiểu và giữa lúc chị Văn bắt đầu quên là mình có bệnh thì bác-sĩ cho biết bệnh chị phải mổ.

Phải mổ ! Chỉ có nghe hai tiếng đó chị đã hoa mắt trước ánh sáng xanh lạnh của con dao giải phẫu mà chị tưởng tượng phải lớn hơn, nhọn hơn, ngọt hơn con dao bầu mổ lợn. Chị đã thấy máu đỏ vọt ra, gan ruột lầy nhầy như ở trong những hình ảnh Thập-diện Diêm-vương vẽ trên tường các

ngôi chùa. Chị đã nghe dội trong tai tiếng dao kéo leng seng, tiếng thịt da đứt soèn soẹt và không làm sao hiểu nổi mình lại vô phước đến như vậy.

Khi Văn vào thăm, chị vẫn còn nằm úp mặt trên gối, chồng hỏi gì cũng không nói. Một lúc lâu chị mới nhắc lại lời bác-sĩ và bảo chồng : “ Đẳng nào cũng chết, thà em cứ để nguyên bệnh thể này, sống thêm được ngày nào với các con thì sống, chứ mổ là chết chắc chắn rồi — Không, anh cho em về đi, em nhất định không mổ đâu, cho em về đi ”. Văn khế vỗ lên vai vợ : “ Can đảm lên em ”. Nhưng chính anh là người đang cần có một ai nói với mình một câu tương tự.

Chị vốn là người dễ xúc cảm. Đi xem chiếu bóng gặp những đoạn đậm chém đứt dội, chị thường nhắm mắt lại, quay mặt

BẠN ĐỌC BÁCH-KHOA ĐÓN COI :

MAI,

★ TẠP-CHÍ CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU MÈN VĂN-NGHỆ VÀ XÂY-DỰNG XÃ-HỘI.

MAI,

★ TẠP-CHÍ DO NHỮNG CÂY BÚT CỦA **BÁCH-KHOA** ĐÃ TỪNG ĐƯỢC BẠN ĐỌC TIN-YÊU CHỦ-TRƯỞNG, HỢP TÁC CÙNG MỘT SỐ LỚN CÁC CÂY BÚT TƯƠI-TRẺ, ĐỘC-ĐÁO MÀ BẠN ĐỌC HẰNG MONG ĐỢI.

MAI,

★ TẠP-CHÍ TỔ-CHỨC THEO MỘT THỂ-TÀI HOÀN-TOÀN MỚI MÈ, SẼ RA MẮT BẠN ĐỌC VÀO THÁNG **6-1960**.

đi. Và có lần đưa con đi nhờ răng, thấy bác-sĩ cho kim vào trong miệng con, lôi ra cái răng hư với chút máu ở chân răng, chị đã ngất siu đến nỗi bác-sĩ phải đỡ đứa con đấy mà ra săn sóc người mẹ.

Bây giờ cũng con người đó nói chuyện phải đi mồ. Văn không tin rằng vợ mình sẽ đủ sức qua được cơn thử thách này. Mà nếu không qua... anh sợ quá, không dám nghĩ tiếp nữa.

Họ hàng bè bạn cũng chia ra làm hai phe, chẳng biết nghe ai cả, vừa mới cho người này nói là phải đã thấy người kia khuyên cũng có lý.

Điềm làm cho vợ chồng Văn phân vân nhất là phe nào cũng dẫn ra những bằng chứng cụ thể. Bà cụ kể ra Văn nhất định cho rằng phương pháp trị bệnh Âu Tây thường mạnh bạo quá không thích hợp với thể chất người Á-Đông và theo cụ, chỉ ba thang thuốc tiêu của ông lang Chợ Đười là dứt bệnh : « Mọi xem bà Cả Thìn đấy, trước đây bác-sĩ cũng bảo mồ, bà ta không chịu, bỏ ra về xin đơn thuốc ông lang đó uống, nay còn có bệnh tật gì nữa đâu ? ».

Cô em chị Văn lại kể chuyện người bạn mình ốm yếu gầy nhom, mồ xong lên cân đến mười kí, rồi lại vừa sinh đứa con trai thật kháu khỉnh.

Chị Văn như trôi nổi lênh đênh, giạt đi giạt lại giữa những luồng ý kiến trái ngược đó. Chưa biết quyết định ra sao thì một việc xảy ra đã làm chị hoang mang thêm — Bà bạn nằm cùng phòng, đến ngày đi mồ, đã lên trốn biệt dạng từ sáng sớm, chồng con tìm đâu cũng không thấy nữa.

Nhưng dần dần chị làm quen với cái không khí đau thương của bệnh viện. Một thứ tình bạn mới cũng đã chớm nở giữa những người cùng cảnh ngộ. Họ chưa biết nhau bao giờ nhưng gặp nhau trong một khung cảnh bệnh não xót xa, mỗi người đã quên phần nào nỗi đau khổ riêng của mình, để làm nhẹ nỗi đau chung, cho tất cả cùng đủ sức bầu vùi vào sự sống. Họ biếu nhau tấm quà miếng bánh, chia xẻ nhau từng nụ cười, từng hi vọng. Họ kể cho nhau nghe về con cái, gia đình, họ còn có gì phải giấu nhau khi họ đã phô trần trước mắt nhau những sự thực thắm kín hơn nữa. Đêm đêm nếu có người nào không nén được tiếng rên, tiếng khóc, người bên cạnh sẽ tới bóp chân, xoa đầu tìm lời nặng nịu. Họ đến để săn sóc bệnh mình mà ai nấy cũng thấy mình phải săn sóc bệnh người khác và khi có một người trong bọn đã lấy lại sức khỏe họ thấy như chính họ đỡ đau rồi.

Cái không khí đùm bọc đó như là một thứ nệm êm ái làm người ta quên những giường sắt khẳng khiu và có lúc chị Văn không nhớ ra mình đang nằm nhà thương mà tưởng như hãy còn là nữ sinh nội trú trong một trường trung học. Chị đã bớt thấy ghê rợn với cái ý nghĩ phải đi mổ.

Bên tay mặt chị là một bà cụ, đã ngoài sáu mươi, phải mổ để gắp một viên đạn bắn vào bụng mà vẫn khuyên chị bằng một giọng rất vui-vẻ :

« Sống chết mạng trời chẳng việc gì mà lo. Chữa cho khỏe hẳn có sướng không — Kéo dài bệnh-hoạn chỉ làm khổ chồng con ».

Cô nằm giường bên tay trái, vén ngay áo lên, chỉ vào mấy cái sẹo trên bụng rồi nói :

« Chị xem em đây này, mổ hai lần rồi, bận này nữa là ba. Các cô y-tá trên khu giải-phẫu quen hẳn mặt em rồi. Chiều nay em đưa chị lên giới-thiệu, đến phiên chị, các cô ấy trông-nom cần-thận cho. Chẳng sao đâu. Bác-sĩ này mát tay lắm, rồi chị coi ».

À, phải mấy người bạn tri tình này nói mới tin được. Sau khi được giới thiệu với nhân-viên phụ-trách, sau khi được coi tận mắt mấy người vừa mới mổ xong, chị thấy vững dạ quá. Hình ảnh mũi dao nhọn thích vào bụng mình không gọi cho chị cái cảm-giác như lửa cháy trên da thịt nữa. Và chị bình-tĩnh chờ.

Nhưng trước hôm đi mổ, chị lại thấy nôn-nao một cách khó tả — Mắt những người bạn cùng buồng nhìn chị hôm nay có chút xót-xa thương hại. Chị xin được phép về nhà, và khi đi qua một tiệm bán quần-áo trẻ con may sẵn, chị vào chọn mua cho 3 con một số đủ mặc trong một năm.

Chị thu-xếp lại các giấy má, dọn-dẹp thật gọn các ngăn tủ để ai nấy có thể không cần chị cũng tìm thấy các thứ một cách dễ-dàng.

Chị gọi u-già lên, tính hết công xá, và trả lại cái vòng-vàng u vẫn gửi chị.

Chị tháo đôi hoa tai đưa bà cụ mẹ chồng :

« Con biếu mẹ — À, còn bát họ mua rồi của bà giáo Kính, phải đóng 3 tháng nữa, mỗi tháng hai ngàn, mẹ nhớ nhắc nhà con đóng nốt ».

Chị đem lau bức ảnh của mình và nghĩ thầm : « Cũng may mà chụp lúc còn béo tốt — Bây giờ mới chụp chắc xấu như ma ».

Có một ngày thôi mà chị thấy còn nhiều việc phải làm quá !

Mọi người trong nhà gương nhẹ, nghĩ hết cách để chiều chị. Ai nấy cố gây một không khí vui vẻ nhưng vẫn có cái gì nặng nề đè chiu lên từng lời nói, từng cử chỉ.

U già dọn một bữa cơm chiều thật ngon lành nhưng cả nhà ăn uống chần chẫn. Văn nhìn các con rồi nói : « Hôm nào mẹ mờ xong, khỏe hẳn rồi, bố khao chúng mày một bữa chim quay đã đời ».

Không thấy đứa nào vỗ tay reo hò như mọi khi.

Cơm xong, bà cụ ra bàn thờ Phật thắp hương, tụng kinh cứu khổ. Văn hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác. Chị Văn lúi húi ngồi viết ở một góc bàn, không ai hiểu chị viết gì, nhưng dáng điệu hình như không muốn cho ai lại gần. Mấy đứa trẻ hết nhìn bố lại nhìn mẹ, còn u già ngồi rửa bát ngoài sân nhưng thỉnh thoảng vẫn liếc trộm lên phía chị Văn.

Bỗng chị gọi các con :

« Hôm nay cho cả 3 đứa ngủ với mẹ ».

Ba đứa rúc vào nách mẹ như mấy con gà con. Chị nhẹ đưa tay lên mặt từng đứa, vuốt sống mũi đứa này, sờ vành tai đứa kia, như muốn thấu tóm hết những nét thân yêu đó vào trong hai bàn tay. Chị khẽ nói với chúng :

« Vâng mẹ, các con phải ngoan nhé ». Rồi cứ thấy như nghẹn tắc ở cổ. Đứa con gái đang hôn lên má mẹ, bỗng thấy mặt ửng đỏ môi bèn kêu lên : « Mẹ khóc đấy à mẹ ? »

Văn đến bên đầu giường, chị dơ tay nắm lấy tay chồng :

— « Anh có thương em không ? »

Văn không đáp, chỉ ghì chặt tay vợ trên ngực mình.



Những việc xảy ra hôm mờ chỉ còn để lại trong óc chị Văn một vài hình ảnh lơ mờ.

Một phát tiêm ở cánh tay. Có ai bảo chị đếm 1, 2, 3... Cái ảm ức của một người muốn tỉnh mà vẫn bị thuốc mê ngấm... Chồng có đây không nhỉ... các con đâu... một ánh đèn chói lòa... Sau đó là hư không.

Văn đi đi lại lại ngoài hành lang, vừa lo vừa buồn, bỏ cả cơm trưa, chờ đến chiều mới được vào thăm vợ. Chị vẫn chưa tỉnh, chân tay còn buộc vào thành giường, mắt nhắm nghiền, người gầy tọp, nước da xám ngoét.

Hết giờ thăm người bệnh, anh chán nản bước ra, chưa nói được với vợ câu nào và để vợ nằm lại chênh vênh giữa cái sống và cái chết. Ngoài sân bệnh viện, bóng

chiều chập choạng sắp tắt hẳn trên những hàng cây thê lương.

« Trời ơi ! đau quá ! » Chị Văn đã bắt đầu tỉnh lại. Chị chẳng còn đủ sức nghĩ tới việc chi cả, chỉ thấy toàn thân nặng chịch và bụng đau ê ẩm.

Trong năm, sáu hôm liền, chị vẫn sốt và máu ra nhiều, hy vọng sống càng ngày càng mỏng manh. Mỗi lần mở cửa vào buồng chị anh rón rén chỉ lo một luồng gió lọt vào cũng đủ sức tắt phụt cái hơi sống còn leo lắt kia. Anh tiến đến bên giường vợ mà run sợ không biết rằng dưới cái mền trắng nõn còn có cái gì thoi thóp không, hay tất cả đã im lìm lạnh ngắt rồi.

Nhưng không, đôi mắt chị vẫn mở, có lẽ mờ mịt nhọc nhưng vẫn bám chặt lấy ánh sáng bên ngoài. Chị thấy rõ ràng nếu không cố gắng thì chỉ một phút buông trôi, đôi mắt mình sẽ nhắm hẳn, và tất cả chỉ còn là đêm tối.

Nhìn nét mặt xót xa của chồng, nhìn những người bạn tới thăm khẽ quay đi lau vội nước mắt, chị đo được hết sự gay go của một cuộc vật lộn chênh lệch.

Nhưng chị không tuyệt-vọng — Bác-sĩ đến tiếp máu cho chị và ngắm dòng máu đỏ tươi đang rỏ giọt vào cơ-thể mình, chị thấy như cả Sức Sống màu nhiệm đang cuộn-cuộn chảy trong huyết-quản, đang rân-ran chạy khắp nơi đánh thức từng đầu gân, thớ thịt. Không, nhất định chị sẽ thắng ! nhất định chị sẽ sống !

Văn mở cửa sổ trông ra đường và ra một dấu hiệu nhỏ — Ba đứa con đứng ngoài hàng rào, do thằng lớn cầm trịch, hô từng tiếng một thật đều : « Chúc mẹ chóng khỏe, về với chúng con. Chúng con nhớ mẹ lắm ».

Đôi môi của chị héo-hắt từ lâu bỗng nở một nụ cười. Tiếng hò của mấy đứa con thân-yêu nghe vang-dội như tiếng kèn trận và thổi lửa vào căn-phòng chị nằm một nguồn sinh-khí mới.



Thằng Tùng, thằng Long, con Bích hôm nay đều mặc quần-áo đẹp. Chúng khoe với trẻ con hàng xóm :

« Hoa cúc nghênh ngang với sương lạnh »

Người xưa thường ví bậc cao-sĩ ở đời loạn-ly như hoa cúc nghênh ngang ở giữa sương lạnh ; mùa đông, các bông hoa khác đều tàn cả, duy có cúc là vẫn tốt tươi. Nguyên-văn câu ví là : « Cúc ngạo hàn sương ». Câu trên cũng hợp với câu : « Ngạo khí hoành sương », chỉ cái chí khí cao ngạo, dám đương với sương thu lạnh lẽo.

« Tao đi đón mẹ tao đây ».

Hình như mấy tháng trời vắng mẹ, chúng đã thấy thua kém bọn kia, nay mới có dịp được đền bù.

Văn dẫn vợ con vào phòng bác sĩ và nói với 3 đứa nhỏ :

« Các con có biết nhà ta mang ơn bác-sĩ như thế nào không? Các con nói cảm ơn bác-sĩ đi ».

Sau đó chị Văn đi chào hết một lượt các cô y-tá, các bạn cùng phòng, nói mừng được khỏi bệnh về với gia đình, lại càng làm chị nhớ thăm-thía những người bạn đã chia sầu sẻ não với chị.

Tối hôm đó, Văn đang thu dọn những đồ mang ở bệnh-viện ra, bỗng đề ý tới một phong bì mang tên anh. Bên trong là bức thư chị đã lúi-húi ngồi viết, bữa trở về ngủ một đêm với các con trước hôm đi mồ :

« Anh,

« Khi hai vợ chồng ta lấy nhau, có ai ngờ được rằng em 30 tuổi đã phải viết chúc thư để lại cho chồng và anh 36 tuổi đã gặp nghịch cảnh trung niên chôn vợ.

Em đi mồ lần này, mười phần chết không có một phần sống nên em để lại thư này xin anh tha hết lỗi cho em nếu trong thời gian ngắn ngủi hai vợ chồng sống bên nhau, em đã làm anh buồn phiền hay em đã không chiều anh hết mực.

Em không dám nghĩ như một chị bạn em trước khi chết đã nắm lấy tay chồng mà năn nỉ : « Dầu anh nói dối em cũng được, anh hứa với em đi rằng em chết anh sẽ không lấy ai ».

Không, em không có sợ gì anh lấy vợ khác. Em chỉ lo anh không trông nom đến các con, bỏ mặc chúng lêu lộng đến nỗi chúng đã thiếu tình mẹ lại còn thiếu cả những cơ hội thành người.

Thiếu tình mẹ là do em bạc phước nhưng còn nên người được hay không là trông cậy nơi anh. Em chỉ xin anh có một điều : Trông nom lấy các con anh nhé, nuôi nấng dạy dỗ chúng cho chúng được tự hào là con anh là con em. Em không viết được dài hơn nữa.

Người vợ chết rồi cũng hãy còn yêu anh ».

Văn đọc xong, cầm bức thư đưa trả vợ rồi mỉm cười :

« Thế bây giờ sống thì sao ? »

P. V. T.

XOA DIU

Cao xanh thăm vô-tình mây lảng tránh,
Bóng ôm cây không diu nổi lòng ve,
Giờ bon chen nắng ngập lối đi về,
Tiếng rưng rúc nhạc hè rung lá gió...

Hồn đón mộng, tay buông, đầu lả gối,
Cúc-cu nào ém ái gọi yêu đương ?
Đắm thình-không, âm-hường lảng quanh giường,
Gợn mi mắt trùng-dương man mác sóng...

Thả thần trí lênh đênh tùy bích-lãng
Lãng lơ trôi dĩ-vãng rụng hoa mai,
Nhuộm khói sương trắng lạnh thấm u hoài
Gợi thương nhớ những lan-dai biệt bóng...

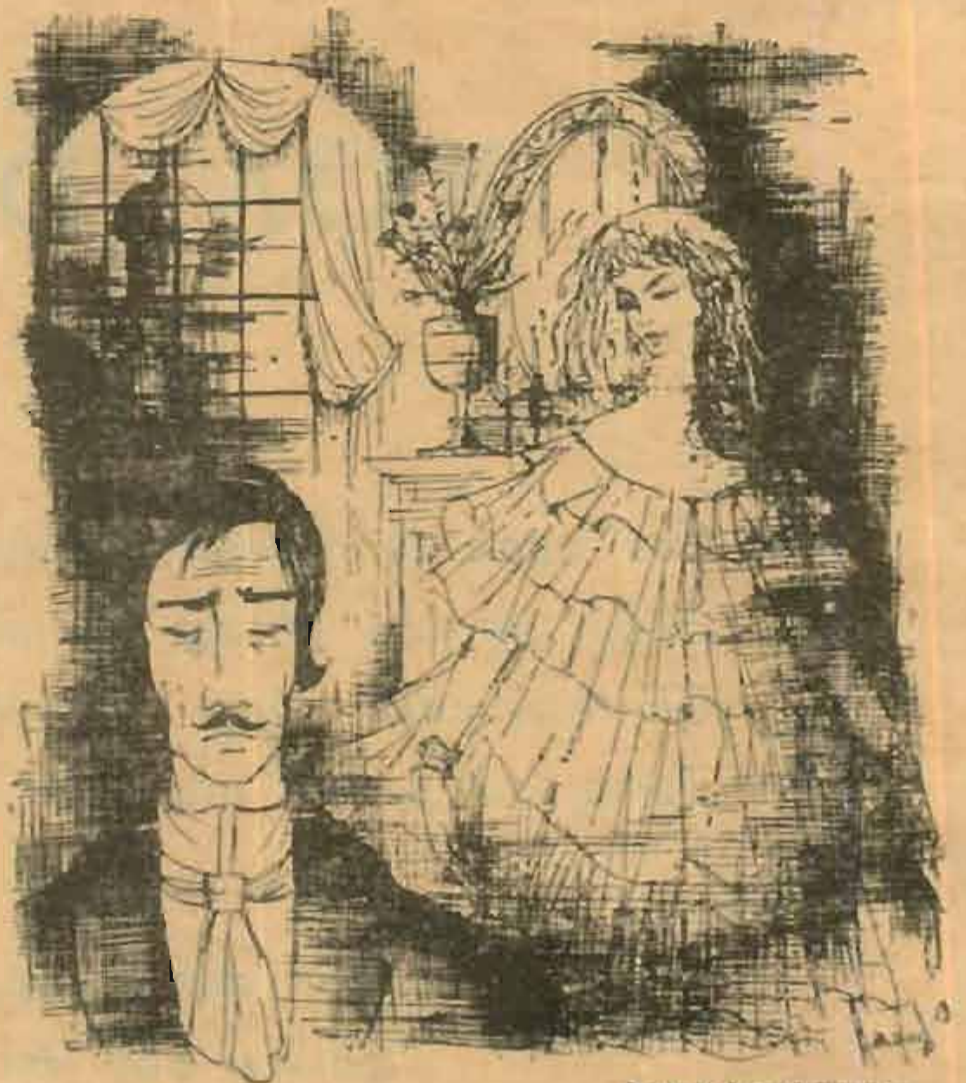
Ấp khăn lụa, tay mềm lau trán ướt,
Ngón măng ngà xoa vuốt nhẹ tâm-tư,
Phấn gầy hương như yêu đượm tình-thư
Bâng khuâng cõi không-hư mờ ý-thức.

NGƯỜI VỢ

(L'ÉPOUSE)

TCHEKHOV

NGUYỄN (dịch)



Desiné de Bernard Ducourant.

Hình của BERNARD DUCOURANT
trích trong «Les Nouvelles Littéraires»

« TÔI đã van chị là đừng có đung đèn cái bàn của tôi, Nicolas Eugraphovitch cầu nhàu. Mỗi lần chị xếp dọn là tôi không tìm thấy gì nữa. Bức điện-tín ấy đâu? Chị nhét nó vào đâu rồi? Phải tìm cho ra! Bức điện-tín ở Kazan đề ngày hôm qua ấy. »

Chị hầu phòng xanh xao, mảnh khảnh, nét mặt bất-động, bởi giờ đung giấy, moi ra 2 bức điện-tín và lẳng lẳng đưa cho bác-sĩ. Nhưng đây là hai bức điện-tín của các thân-chủ ở chính trong tỉnh.

Bác-sĩ và chị hầu phòng tiếp tục tìm kiếm, trước còn ở trong phòng khách rồi đến phòng của bà bác-sĩ.

Lúc đó đã quá nửa đêm. Bác-sĩ biết là vợ mình chưa về sớm thế, chắc chắn là chả đời nào nàng lại về trước 5 giờ sáng; ông không tin vợ, mỗi khi nàng về muộn như thế này, là ông bồn chồn, không thể nào chợp mắt được — tuy vậy ông khinh nàng, kể cả đèn cái giường, tấm gương và những hộp kẹo của nàng cùng những bó linh lan (muguet) và dạ hương

lan (jacinthe) của một người lạ gửi đến thường nhật, đang tỏa một mùi hương dịu dịu lan khắp căn phòng như trong một cửa hàng hoa. Vào những đêm như thế này, bác-sĩ đắm ra nhỏ nhen, xét nét, tính khí bất thường. Bởi vậy mà lúc này bác-sĩ cảm thấy cần có bức điện-tín kia vô cùng, để được tiếp nhận lòng ân cần của cậu em mình, mặc dầu bức điện-tín chỉ vắn vắn có vài lời chúc tụng tân-niên.

Trên bàn vợ, ông thấy có một bức điện tín, gói dưới một hộp đựng giấy viết thư, ông đưa mắt liếc trộm: bức điện tín đã được cân-trọng gửi qua tay bà mẹ vợ rồi mới chuyển cho vợ ông; bức điện tín gửi từ Monte-Carlo và ký tên « Michel ». Nhưng bác-sĩ chịu không hiểu nội-dung bức điện-tín ra sao, vì nó được viết bằng ngoại-ngữ — có lẽ là Anh-ngữ.

Michel là gã nào nhỉ? Tại sao lại gửi ở Monte Carlo? Sao bức điện-tín lại gửi cho mẹ vợ ông?

Bảy năm trời chung sống, ông đã làm quen với ngờ vực, suy-đoán và xét định các chứng tích, ông vẫn thường tự-nhủ là vì quá quen với môi phiến-lụy vợ chồng này mà hiện-thời ông đã nghiêm-nhiên trở thành một nhà thám-tử (hạng nhất) có hạng.

Ông trở về phòng làm việc, suy-nghĩ; và ông nhớ ngay rằng một năm rưỡi trước trong cuộc du-hành tới Pétersbourg ông đã dùng bữa tại

nhà hàng Cubas cùng với vợ và một bạn học cũ một viên kỹ-sư kiều-lộ, người này đã giới-thiệu với vợ chồng ông một thanh-niên trạc độ 22 hay 23 tên là Michael Ivanovitch mà tên gọi trong gia-đình thì lại cụt-ngùn và hơi kỳ-cục: Riz. Hai tháng sau đó, bác-sĩ nhận thấy trong tập album của vợ có tấm ảnh của người thanh-niên nọ, với vài dòng để tặng bằng chữ Pháp: « *En souvenir du passé et en témoignage d'espoir dans l'avenir* ». Tiếp đó ông còn gặp hẳn ta một hai bận gì đó ở nhà mẹ vợ. Chính vào dạo đó vợ ông bắt đầu bỏ đi chơi một mình cho đến tận 4, 5 giờ sáng mới về và cứ nài nỉ ông một tấm giấy thông-hành đi ngoại-quốc — lần nào ông cũng từ chối, khiến có bận xảy ra những vụ cãi lộn gay gắt đến độ làm ông phải xấu hổ trước kẻ ăn người làm.

Chừng sáu tháng nay, mấy ông bạn bác-sĩ, khán-nghiệm thấy ông bị chớm lao, khuyên ông nên gác công việc lại mà đi Crimée dưỡng bệnh. Lúc đó vợ ông ra vẻ hết sức xúc động về chuyện đó; nàng thật là vốn vấ âu yếm ông, và từ đó mà đi nàng chẳng ngọt mồm quả quyết rằng Crimée là một vùng lạnh lẽo, thăm đạm và Nice mới chính là nơi thích hợp với ông; nàng sẽ theo ông để săn sóc ông, chăm nom, nâng giãc ông...

Bây giờ ông mới biết tại sao Nice đôi với vợ ông lại có vẻ quyền rũ

đền thê : Michel của nàng ngụ tại Monte - Carlo mà lại.

Ông dùng một cuốn tự-điển Anh-Nga để dịch từng chữ một, mong đoán được phần nào ý-nghĩa bức điện-tín, rồi cuộc ông có được đoạn văn như sau : « *Uống mừng sức khoẻ em yêu, hôn bàn chân nhỏ của nàng ngàn lần. Nóng lòng chờ đợi.* » Ông tưởng tượng ra cái vai trò lộ bịch và đáng thương mà ông sẽ đóng ở Nice nếu ông theo lời khuyên của [vợ, ông xuýt khóc vì tủi hận. Trong cơn xúc-động, ông đi đi lại lại quanh căn phòng. Lòng tự tôn, niềm kiêu-hãnh của giai-cấp bình-dân trong ông bùng lên. Siết chặt nắm tay, cau mặt kinh tởm, ông tự hỏi tại sao ông, con một giáo-trưởng tại làng được giáo-huấn tại chủng-viện, một bác-sĩ ngoại-khoa lành nghề, một người thẳng thắn và giản-dị, lại có thể để phó mặc cho bị giáng xuống thành nô-lệ, uốn mình một cách vô-sĩ trước cái con đàn bà yếu đuối, vô nghĩa, hèn nhát và ham lợi kia.

— Bàn chân nhỏ của nàng, — ông vờ nát bức điện-tín trong tay, lầm bầm—Bàn chân nhỏ của nàng!

Bảy năm trời đầu gối tay ấp — kể từ ngày ông yêu đương, ngó lời cầu hôn — ông chỉ giữ được một hối-ức đó là mở tóc dài ngát hương của vợ ông, những lớp dăng ten óng mượt và đôi bàn chân quả là xinh-xắn mê hồn. Mỗi khi ve vuốt đôi bàn chân ấy, ông có cảm

tưởng là ông cũng thụ-nhận được cùng một cảm-giác óng mượt như lụa và riềm dăng ten trên tay, trên mặt nàng — chỉ có vậy thôi. Chỉ có vậy, nếu không muốn kể đến những tiếng la cáu kỉnh, những tiếng thét the-thế, những lời đay nghiến, những câu đe-dọa và những lời lẽ dối-trá một cách trắng-trợn và trơ-tráo...

Ông nhớ lại cảnh một con chim nọ vô ý lọt vào một căn phòng tại căn nhà thân-phụ ông ở miền quê, nó cuồng quít đập cánh vào những mặt kính làm lộn bậy cả mọi việc trong phòng ; con mụ đàn bà kia cũng vậy, mụ thuộc một khu-vực hoàn-toàn khác hẳn và nhảy vào đời ông mà hủy-hoại tất cả.

Một cơn ho làm ông ngạt thở, lẽ ra ông nên đi ngủ cho âm ; nhưng ông không quyết-định nổi ; ông lại tiếp-tục đi đi lại lại quanh phòng hoặc giả cũng lằm thừ ngồi xuống bàn, đưa cây bút chỉ một cách nóng nảy trên mặt giấy và viết một cách máy móc :

« Thử bút... Một bàn chân nhỏ... »

Chừng đèn khoảng 5 giờ sáng thì ông nhược cả người và chỉ còn biết trách mình : ông tự nhủ nếu Olga lấy một người nào khác có thể đem lại hạnh-phúc cho nàng thì biết đâu nàng chẳng trở thành một người đàn-bà lương-thiện và hiền hậu ; còn ông, một người kém tâm-lý, chả hiểu gì tâm-hồn phụ-

nữ cả, ông chỉ là một thằng tầm thường và thô-lậu...

« Minh chẳng còn sống được bao lâu nữa, ông tự nhủ, ta chỉ là một cái xác chết; ta không có quyền làm vương những người còn sống. Nếu còn cứ khăng khăng tranh-đấu để bảo-vệ quyền của mình thì thật là xuẩn-ngốc thật là kỳ cục. Ta sẽ đích thân giải - thích cho nàng hay; nàng phải ra đi chấp cánh với người đàn ông nàng yêu... Ta sẽ thuận cho nàng ly-dị; ta sẽ nhận tất cả mọi lỗi về ta »...

Rồi Olga Dmitrievna cũng về; mình khoác áo choàng lông trắng, đầu đội mũ nhỏ, chân đi giày cao-su, nàng bước vào phòng việc của bác-sĩ và gieo mình vào một chiếc ghế bành.

— Đồ bản thú, quân thậm ngu chí ngu, nàng vừa nói vừa thờ hờn hèn và bật ra khóc tầm tức. Thật là đồ vô lương đáng tởm. Nàng giậm chân bành bạch. Thề này thì chịu sao được hờ trời!

Bác-sĩ tiến đến bên vợ, hỏi:

— Có chuyện gì thế?

— Gã sinh-viên Azanbekov, hẳn đưa tôi về tận nhà, đã làm mất cái « sắc » của tôi! Trong « sắc » có 15 roubles! Mẹ vừa cho tôi xong.

Nàng khóc thật sự, như một cô bé con; khăn tay và cả đèn găng tay của nàng đều đầm những lệ.

Bác-sĩ thờ dài.

— Biết làm sao được! Nó đánh mất tiền hả? Thôi, cần gì. Minh hãy trấn tĩnh, tôi có câu chuyện muốn nói với mình.

— Tôi đâu có phải là triệu phú mà coi tiền như rơm như rác. Nó hứa là nó sẽ trả, nhưng ai tin được, nó nghèo...

Một lần nữa ông lại phải yêu cầu nàng trấn-tĩnh để nghe ông nói, nhưng nàng cứ quay lại chuyện gã sinh-viên và 15 roubles của nàng.

Cuối cùng ông phát câu bảo vợ:

— Mai tôi sẽ cho mình 25 roubles, nhưng mình làm ơn im đi cho tôi nhờ.

— Nhưng tôi còn phải thay quần áo đã! Nàng lại khóc. Dễ thường tôi cứ đóng bộ áo lông như vậy mà nói chuyện được sao? Sao mà mình lạ đời thế!

Trong khi giúp vợ cởi áo lông và tháo dây, ông ngửi thấy mùi rượu vang trắng, thứ rượu nàng rất thích mỗi khi ăn sò huyết; vì mặc áo trắng trông có vẻ ẻo lả, nàng ăn rất khỏe và tưu-lượng khá cao.

Nàng vào phòng và một lát sau trở ra trong bộ áo mặc nhà, mặt nhối phàn, nhưng mắt vẫn còn ngân lệ; khi nàng ngồi xuống người ta có thể bảo rằng nàng đã tan biến đi trong bộ áo mỏng viền đặng ten; và trong lớp riềm đặng ten màu hồng ấy chồng nàng chỉ còn nhận thấy mớ tóc dài buông trễ trắng và

một bàn chân nhỏ nhắn xỏ trong một chiếc dép.

Đu đưa trong chiếc ghế bành nàng hỏi :

— Minh định nói với tôi chuyện gì cơ ?

Bác-sĩ đưa bức điện-tín cho nàng và nói :

— Tình cờ tôi đã tìm thấy cái này. Nàng cầm lấy nhún vai :

— Thì sao ? — nàng vừa nói vừa đu đưa nhiều hơn nữa — Đây chỉ là những lời chúc tụng đầu năm chứ có gì là lạ, chỉ thế thôi. Có gì bí mật đâu.

— Minh yên chí vì biết tôi dốt Anh ngữ. Phải, đúng vậy, tôi không biết Anh-ngữ, nhưng tôi có tự-diễn... Bức điện-tín này của Ông Riz, ông ta uông mừng sức-khỏe của người yêu, ông ta hôn nàng ngàn lần... Nhưng hãy bỏ qua chuyện đó, bỏ qua chuyện đó, — vị bác-sĩ hấp-tấp nói tiếp — Tôi không có ý-định trách móc hay la mắng Cô. Thế cũng chỉ bằng thừa, nên chằm dứt là hơn... Tôi định nói cho Cô hay, là Cô được tự-do. Cô có quyền sống hợp với sở-nguyện.

Cả hai đều im lặng một lát. Nàng khóc thút-thít

— Tôi tránh cho Cô đỡ phải đóng kịch, đỡ phải nói dối. Cô yêu gã thanh-niên ấy chứ gì ? Bây giờ sẵn dịp thuận-tiện. Cô muốn đi ngoại-

quốc chung sống với hắn hả ? Thì đi đi. Cô còn trẻ, khỏe mạnh, còn tôi, tôi bệnh hoạn chẳng còn sống được bao lâu...

Ông xúc-động không nói tiếp được nữa. Tủi thân tủi phận Olga vừa khóc vừa thú nhận là nàng yêu Riz, hai người vẫn thường dùng xe dạo chơi quanh thành phố, nàng đã từng dền với hắn tại khách-sạn và dĩ-nhiên nàng thiết-tha mong-ước được đi ngoại-quốc.

— Đây mình xem, em có giàu mình chút gì đâu, nàng thở dài nói tiếp, em đã thổ lộ hết nỗi lòng. Và bây giờ em lại van xin mình lần nữa : mình hãy rộng lượng cho em xin tấm giấy thông-hành.

— Kia tôi xin nhắc lại cho Cô hay : Cô được tự-do mà.

Nàng đôi ghê, ngồi xích lại gần chồng để quan sát sắc diện ông ta cho rõ hơn ; nghi hoặc, nàng muốn đi sâu vào những tư-tưởng thẩm-kin của chồng. Nàng luôn luôn nghi ngờ mọi sự vật, nàng luôn luôn nghi ngờ tất cả mọi người — Về những định-ý ti-tiện và những kế-hoạch vụ-lợi, dù trong thực-tế tâm-hồn họ có cao-thượng đến mấy đi nữa cũng vậy.

Trong lúc nàng chăm chú nhận xét sắc-diện của bác-sĩ, thì ông này tưởng chừng thấy trong đôi mắt vợ mình bỗng ngời lên một ánh sáng xanh biếc như trong cặp mắt mèo.

Nàng dịu dàng hỏi :

— Thế đến bao giờ em mới có giấy thông-hành ?

Đột nhiên ông chỉ muốn trả lời : « không bao giờ », nhưng ông lại tự-chủ được :

— Lúc nào Cô muốn.

— Em chỉ xin đi một tháng thôi.

— Cô sẽ đi mãi mãi. Tôi bằng lòng cho Cô ly-dị, tôi chịu hết mọi lỗi, và anh chàng Riz của Cô sẽ cưới Cô.

— Nhưng em không muốn ly dị, — Olga có vẻ ngạc-nhiên nói một cách hăng hái — Em có đời hỏi mình phải ly dị em đâu ! Cho em xin tấm giấy thông-hành, có thể thôi.

Bác-sĩ bắt đầu bực mình, hỏi vợ :

— Tại sao Cô không muốn ly dị ? Cô thật là một người đàn bà kỳ lạ ! Thật là kỳ lạ ! Nếu Cô thực tình yêu hẳn và hẳn cũng chia xẻ tình cảm ấy, thì đối với Cô thử hỏi còn giải-pháp nào bằng đi đến hôn-nhân. Hay là Cô còn phân-vân giữa hôn-nhân và gian-dâm ?

— Tôi hiểu ông rồi, nàng vừa nói vừa nhích ra xa, vẻ mặt đanh ác và căm hận, tôi hiểu ông lắm rồi. Ông chán tôi, ông định bày chuyện ly-dị ra để hắt tôi đi. Cám ơn ông lắm ! Tôi chẳng đến nỗi ngu như ông tưởng đâu. Tôi không bằng lòng ly dị, tôi không bỏ ông, không đời nào, không

đời nào, không đời nào ! Trước hết tôi không muốn từ bỏ cái địa-vị xã-hội của tôi, — nàng vội vã tiếp lời như sợ bị chặn lại không cho nói, — lại nữa tôi đã 27 tuổi rồi mà Riz thì chỉ mới có 23 ; chỉ một năm là nó cuốn gói bỏ rơi tôi. Sau hết nếu ông cứ đòi biết rõ nữa, tôi xin cho ông hay là nhiệt-tình của tôi chẳng còn kéo dài được bao lâu nữa đâu... Đây ông thấy đây ! Không, không đời nào tôi bỏ ông.

Bác-sĩ giậm chân, hét lên :

— À nếu vậy thì chính tôi đuổi Cô ra khỏi cái nhà này. Tao đuổi mày, cái con đàn bà khiếm nhược, bản thù kia !

— Được, để rồi xem, nàng nói và bước ra.

Ngày đã rặng từ lâu rồi, nhưng bác-sĩ vẫn cứ ngồi lì ở bàn, đưa cây bút chì trên mảnh giấy và viết một cách máy móc :

« Thưa ông... Một bàn chân nhỏ... »

Thằng hoặc ông đứng dậy đi quanh phòng, dừng lại trước bức hình chụp đã bảy năm trời, ngay sau ngày cưới ít bữa, và đứng ngắm rất lâu. Bức hình chụp một nhóm trong gia-đình : người ta thấy ông nhạc của bác-sĩ, bà mẹ vợ, Olga vợ ông vào tuổi đôi mươi và chính ông ta, người chồng trẻ trung sung sướng... Ông bỏ vợ, vị cô-vân thân-tín mắc bệnh thủy thũng mày râu nhãn nhụi, mặt nung núc những thịt, đúng là một người giáo

quyết giỏi xoay sở kiếm chác ; bà mẹ vợ phì nộn mà những nét nham hiểm và cái dáng tham tàn làm ta nghĩ tới một con chồn ; bà ta yêu con gái đến cái độ điên cuồng và giúp con về đủ mọi chuyện ; giả-sử như bà ta mà có thấy con gái yêu của bà bóp cổ ai, bà ta cũng sẽ chẳng trách móc nàng đến một câu và sẽ giàu nàng, một cách hết sức giản-dị, sau cái xiêm rọng thùng thình của bà. Cả Olga Dmitrievna cũng thế, nàng cũng có những nét nham-hiềm và cái dáng tham tàn ấy, nhưng nét mặt nàng có vẻ quả quyết hơn, gợi cảm hơn mẹ : đây không phải là một con chồn nữa, mà là một con thú nguy-hiềm ! Còn về phần ông, Nicolas Eugraphovitch, trong ánh trông ông mới hiển lành ngay thơ làm sao ! Đúng là một cậu bé phối bỏ ; một nụ cười cười mở nở trên môi ; lúc đó ông đã chờ đợi một cách ngây thơ ở cái bấy thú mà định-mệnh đã đẩy đưa ông vào kia, nào là thơ mộng

nào là hạnh-phúc, tất cả những điều mà khi còn là một gã sinh-viên ông hằng mơ tưởng mỗi khi cất tiếng hát : « Nào ai không muốn mất tuổi thanh-xuân... »

Và đến tận bây giờ ông vẫn chưa hết ngạc nhiên và tự hỏi sao một đứa con trai của vị giáo-trưởng, một học-sinh chủng viện, một con người giản dị, thẳng thắn và cương trực như ông mà lại có thể bị thúc thủ vô phương trong tay một con đàn bà vô nghĩa, dối trá, thông tục, một kẻ hoàn toàn khác lạ với ông ?

Vào khoảng 11 giờ, ông đang mặc áo để đến bệnh viện, thì chị hầu phòng bước vào. Ông hỏi :

— Gì thế ?

— Thưa ông, bà đã dạy, bà bảo ông cho xin 25 roubles mà ông đã hứa hồi nãy.

NGUYỄN

ĐÍNH-CHÍNH

Bách-Khoa số 79, ra ngày 15-4-1960, trong bài Nguyễn-Công-Minh, một nhà thơ miền Nam của Nguyễn-Văn-Hầu, có in sai mấy chỗ, xin sửa lại cho đúng :

- trang 4, cột 2, dòng 13, *làng tơ* xin đọc lòng tơ.
- trang 5, cột 2, dòng 17, *Điểm cỏ* : *Điểm cỏ*.
- trang 6, cột 2, dòng 20, *Kêu cao* : *Kêu rao*.
- trang 7, cột 2, dòng 22, *Rủ rèm* : *Giữ rèm*.
- trang 9, cột 1, dòng 9, *Lầu Khan, Sầu Khan*, dòng 18, *Vong vọng* : *Vọng vọng*.

BƯỚC THỜI GIAN

*Hãy gieo cánh hồng
Trên bước thời gian*

Semons de roses

Les pas du temps.

Gérard de Nerval.

III. CHIÊM BAO (I)

Thấp thoáng trong gương bóng lạ hình
Ngàn xưa mờ nhạt nét mày xinh
Bâng khuâng duyên mới tô hồng má
Phảng phất lòng xưa áo trắng trinh.

Những lối chiêm bao động tiếng hài
Dật dờ thoát hiện bóng Liêu-trai
Gây gây ý thoáng làn da lụa
Nhẹ hé răng ngà hoa mới khai.

Tình thức bờ tim vắng nhạc cuồng
Phòng không lạnh lạnh đẫm hơi sương
Trăng khuya lấp lánh tan trên gối
Chạm tóc người say giấc dị thường.

Bẻ khóa đào nguyên lướt dặm trời
Hồn xa dương-thế một lần thôi
Mênh mông bốn phía trời mây, nước,
Chỉ một người yêu với một người...

Phấn dụ nào vương trên áo đơn
Lòng nghe đau xót chạm hơi buồn.
Hương cay tê tái môi sâu úa
Vắng bước tình yêu những nẻo hồn.

Mở nẻo bình minh tiếc ý đêm
Tay yêu rời tiếc sưởi tơ mềm
Trời xa tiếp nẻo sang trần tục
Mộng đã xa, tình biệt cõi đêm.

Người nói ta nghe ta chẳng nghe
Tai dừng trong ý mới say mê
Lao đao thần trí lìa thân xác
Mực úa và thơ cũng lạc đề.

Riết gối chiêm bao níu bóng người
Hôn làn tóc rối để tìm hơi
Hương đêm huyền hoặc ru sâu mộng
Tỉnh giấc lâu hoang rợn tiếng cười...

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

(1) LTS. Vì một lẽ riêng, nay chúng tôi mới đăng tiếp bài thứ II này của « Bước thời gian ». Các bạn có thể xem lại hai bài đầu, I: *Nắng trưa*, II: *Chiều*, ở B.K. số 63, 64.

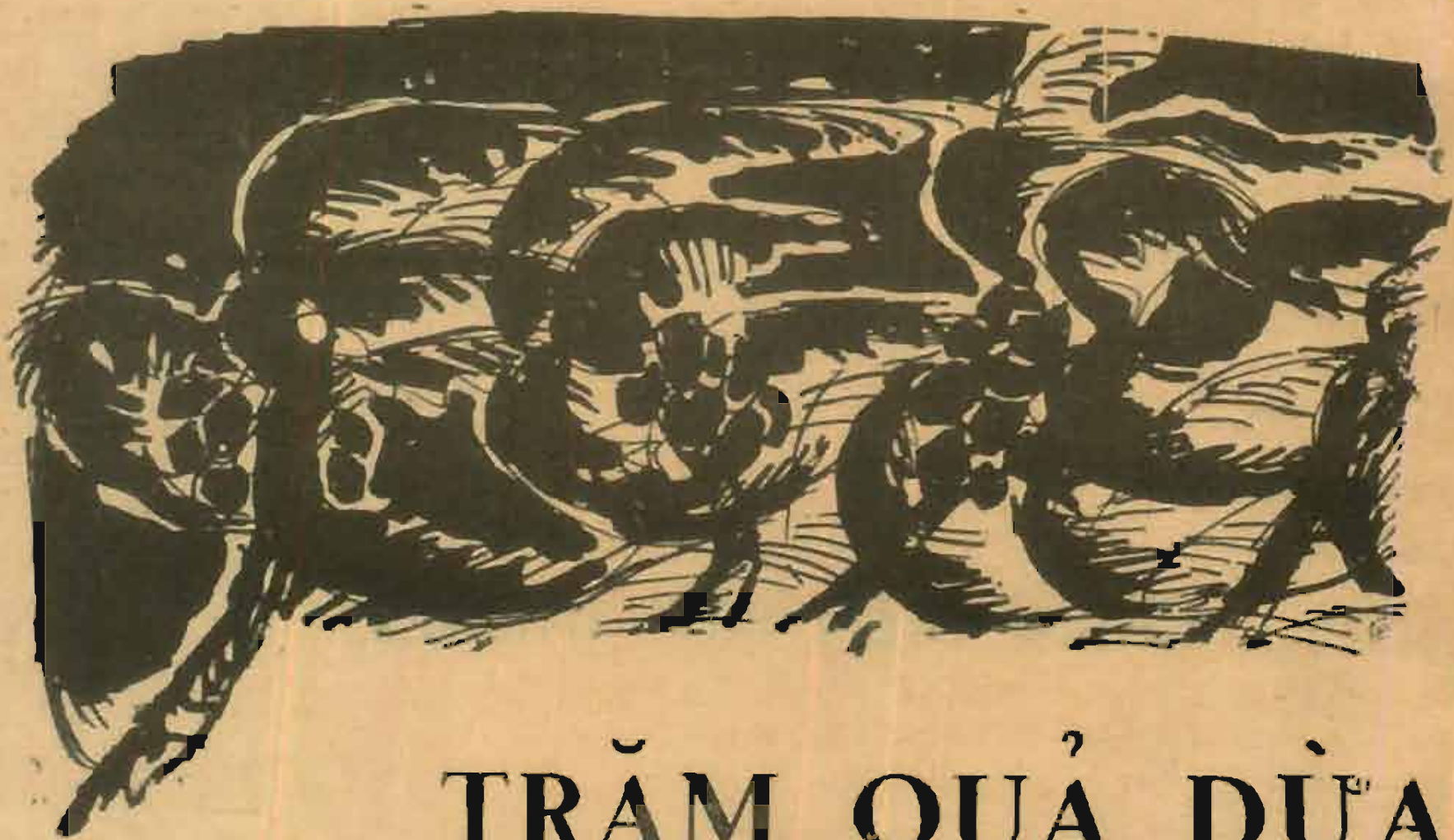
THƠ PHẠM-TẮNG

CHIỀU TRÊN ĐỒI THÔNG

Nét bút kia ai vẽ
Nền xanh vệt mây hồng,
Nhặt thưa từng khoảng lá
Đôi hàng cao dáng thông.
Hoàng hôn chậm chậm bước
Ngả bóng vào trong lòng
Thì thầm cơn gió thoảng
Gợi hồn quê băng khuâng.
Đồi sương lãng đăng vùng trắng
Phiêu du *nửa* cánh bướm căng biển trời.

Đồi thông Florence 1960,

Ph. TG



TRĂM QUẢ DỪA

★ VÂN-TRANG

THUỞ thiếu thời, anh rề tôi quả là một tay công-tử nhất vùng. Con nhà giàu, có vườn, ruộng, nhà máy xay gạo, đời anh thấy sung sướng trước mắt. Tánh lại bình-dân và rộng rãi nên được lòng tất cả mọi người.

Kể về tật xấu của các tay công-tử thời « thịnh hưng » đó, anh tôi chỉ có độc một tật : đá cá thia-thia. Mùa cá, anh đem cá so tài tận miệt Long-Xuyên, Châu - Cốc. Mỗi bận như thế, anh hay rủ theo một người để thay phiên nấu cơm, chèo ghe. Thắng thì đủ quà cho người này, người nọ. Có lần anh cho Sáu Chăng — vác lúa

mướn cho nhà máy anh — nguyên một bao gạo và lần khác — sau khúc khải-hoàn tại chợ Bông - Tảng — thắng Tư Méo được nguyên bộ bi-da ma lảnh.

Bác tôi cũng rầy la anh luôn, nhưng sau đó gì thì nguyên nấy. Tuy vậy chơi dao thì phải đứt tay, trận sau cùng đại bại tại rạch Chanh đã bẽ cuộc đời công - tử của anh tôi qua một cửa rất ngặt.

Lần đó, Sáu Chăng đi theo. Sạch túi, hai thầy trò chèo ghe đến nửa đêm mới tới nhà, cùng ăn cơm nguội. Bác tôi trở dậy, ngồi hút thuốc, không nói gì.

Anh mừng thầm, chắc là được " thông qua " yên lòng vô mừng đánh một giấc tới đúng Ngọ hôm sau, rửa mặt ăn cơm xong thì nghe Bác tôi gọi.

Bác tôi làm hương cả trong làng, người nhân từ, cương trực. Khi thấy con đã an vị trên chiếc ghế tô-nê, ông mới thông thả cất tiếng :

— Năm nay mày bao nhiêu tuổi ?

Nghe hơi gió câu hỏi, anh tôi biết ngay. Mồ hôi nhỏ giọt trong áo, đầu nặng như chì, anh nhìn xuống đất, thưa nho nhỏ :

— Dạ, con hai mươi chín.

— À, hai mươi chín tuổi mà chỉ biết đá cá thia-thia.

Ăn, thì vung cho hết, bây giờ thua, thua bằng mồ hôi của cha mẹ.

Bác tôi lại ngừng, nhìn theo khói thuốc. Giây lát, Bác mới ngó lại thẳng con quí khi ấy đang vuốt đầu luôn tay, nói tiếp :

— Mày không nghĩ gì tới hai đứa con mày cả. Chúng nó tới tuổi đi học rồi mà cả ngày mày chỉ dạy nó về cá thia-thia ! Lương người ta bây giờ chỉ có vài chục một tháng mà mày dám thua một chuyến đến 500\$. Tao dễ dãi là cốt cho bay sung sướng chứ không phải để cho bay hư. Nhưng tao thấy mày hư rồi. Phải sửa mày lại mới được.

Từ nay, Tao cho đút một trăm cây dứa ở ranh vườn cau, canh giữ, bẻ bán mà tiêu pha các thứ, gạo thì về đây xúc mà ăn. Tự lo lấy, đừng nói thiếu đủ với tao nữa. Lấy cây lá trong lùm, cất ba căn nhà

ngoài đó, cho đem vợ theo bầu bạn, để hai đứa nhỏ đây, tao cho đi học...

Ông lại ngừng, hớp ngụm nước súc miệng, nhõ vào cái khạp nhỏ kê dưới chân ngựa. Mấy phút chờ đợi đó đối với anh tôi dài quá, anh nghe đầu nóng ran, thần kinh căng muốn đứt. Nhưng rồi Bác tôi cũng nói tiếp :

— Ráng mà lo làm ăn. Miếng dứa đó trúng lăm. Chỉ thú thì vài năm cất nhà ngói cũng được. Tụi nó chỉ bẻ trộm ban ngày, chứ ban đêm thì sợ rần. Cũng tụi làng này, chớ ai vô đây. Rình bắt được một lần, thất kinh hết. Kêu thằng Méo nó theo ở với. Ít bữa nữa, tao vô Năm Nhẹo chuộc cho một cục thuốc rần. Với lại vô đó ở, không còn gì để cho chác ai nữa, coi có thằng nào theo mầy sát cánh như bây giờ không ? Biết nhân tình luôn thể cho khôn...

★

Nhất định anh phải theo ghe bán dứa ra chợ quận " xã hơi " một chuyến.

Cà-phê, hủ tiếu tiệm chệt Oai ngon làm sao ! Chị bán cari trước tiệm đó cũng ngon đến, ăn nói lại ngọt ngào nghe mát lỗ tai. Mấy cái tủ chung hàng của tiệm vải, tiệm bazar lau sạch bóng, sáng trưng !

Anh trần trọc hoài không ngủ được, ngày ngày lo nỗi rồi đây " bị mời " mua đồ, phải trả lời sao cho khỏi mất mặt với mấy cô gái ?

Bây giờ đâu còn " bánh " như trước nữa ! Anh đang suy tới nghĩ lui thì tiếng dứa rụng liên tiếp ngoài vườn làm anh tỉnh hẳn, khoát mừng, vợ ngon mác

vót và cây đèn bin, mở cửa định đi thẳng ra vườn. Nhưng chợt nghĩ điều gì, anh xuôi đèn, dừng lại trước sân.

Ngước mặt lên ngọn dứa, anh giương to đôi nhãn quang cố chọc phủng cái màn đen của một đêm không trăng sao. Trời lại có gió, những tàng dứa với ngọn lá thật dài chao đảo, ngoặt-ngoẹo như đầu người say rượu.

Anh đứng yên, chú mục như thể gần năm phút mới nhận được một bóng người, dưới trông lên nhỏ như con khỉ, đang cử động hai cánh tay như hai cái que đánh đeo tận trên ngọn một cây dứa rất sai trái ở giáp ranh ruộng. Bóng con người cùng với tàng lá dứa đong đưa theo gió, in lên nền trời xám tro trông vừa bị thương vừa quái đản! Anh tôi thở ra, ngồi xuống khúc gỗ dùng để làm ghế hóng mát trước nhà, dựng mát, chống tay đỡ cằm, nhìn chăm vào cái bóng.

Trầy độ vài mươi quả, bóng đen thôi leo, vào đám để sậy để lượm. Tiếng chân đạp gãy để khô nghe rảng rặc, rẽ cây sọt soạt. Hẳn ra vào được vài lượt thì trong nhà, chị tôi giật mình cất tiếng gọi:

— Mình ơi! mình đâu?

Anh tôi trở vào, trả lời khẽ:

— Tôi đây.

— Nghe như có tiếng trộm ngoài vườn, mình kêu thẳng Méo dậy đi. Mình đừng ra ngoài ấy nguy hiểm lắm. Đợi nó đi qua phía ruộng trống, mình bật đèn bin nhìn mặt rồi về cho Ba hay... họa là nó có bỏ làng đi biệt thì mới trốn khỏi.

Anh tôi thở dài rồi trả lời:

— Em à, đêm nay giông gió như thế này, ngoài kia lại đầy rần rít, mà nó liều mạng đến như vậy thì chắc nó túng thiếu lắm. Em coi lại, bớt phần chi tiêu của mình cũng như chia cho người nào đó chút đỉnh. Nhưng để anh coi, nếu nó cứ tiếp tục trộm đến đôi vợ chồng mình phải thiếu thốn thì anh sẽ liệu cách cảnh cáo nó.

Nói xong anh trở ra gài cửa, rồi leo lên giường, đập hai chân vào nhau đánh « xoét » một tiếng, ngã người xuống gối, kéo mền phủ lên ngực và bắt đầu ru giấc ngủ.

Ngoài kia, tiếng chân đạp để gãy rảng rặc, tiếng rẽ cây sọt soạt hãy còn nghe rõ mồn một...

Luôn ba đêm, tiếng bẻ dứa ngoài vườn vẫn còn. Anh tôi thấy không nhin được nữa. Hôm sau, dậy thật sớm, anh lặn cục thuốc rắn vào lưng, đi tắt đường ruộng tới nhà Tám Xe, vừa nghĩ bụng:

— « Còn ai nữa, lắm trộm chuyên nghiệp mà. Lâu nay hẳn yên thân được là nhờ khôn khéo, làm ăn ngoài làng. Nay lại muốn qua mặt cả mình nữa. Đồ xò lá.

Qua tới cầu khỉ thì tới nhà Tám Xe, vừa gặp ngay hẳn ở trần đang giũ dây khoai. Anh tôi đi thẳng vào câu chuyện:

— Anh Tám à, vườn nhà tôi mấy đêm nay bị trộm luôn...

Anh dừng một giây nhìn vào mặt Tám Xe, nhưng không gặp phản ứng nào, lại tiếp:

— Trong vườn có nhiều ồ rần độc lắm. Của không đáng bao nhiêu mà bỏ thây cũng tội. Tôi nhờ anh trao lại cho anh em nào

đó cục thuốc rắn này... và nhả với họ rằng bấy nhiêu cũng đã vừa rồi đó nhé, không nên quá trớn. Anh tôi vừa nói vừa móc cục thuốc rắn đưa cho tên kia. Lại thay, hắn đón lấy một cách thân nhiên. Anh tôi tức giận, lăm bằm :

— Lì thiệt, quả là tay già !

Nhưng thấy không đủ bằng cứ để làm to chuyện, anh tôi ngắt ngang :

— Thôi, tôi về.

Rồi anh quay lưng trước sự ngạc nhiên của hắn. Hắn gọi theo :

— Cậu hai ! Cậu hai !

Anh tôi không đáp, xách guốc lên, bước mau qua cầu khi. Cũng từ hôm đó, vườn dứa không bị khuấy phá nữa.



Những việc ấy đã qua xa lắt xa lơ rồi. Cái chuyện mình của cả con rồng Việt-Nam xóa sạch những gì không xứng đáng trên đường đi của nó. Nhìn vào, người ta chỉ thấy có nó — con rồng to tướng đó — và bước tiến vĩ-đại do nó vạch ra. Những buồn, vui, thương, giận của cá-nhân không nghĩa gì nữa. Anh tôi hiểu thế lắm nên đã sáu năm làm bôn phận công-dân, có lúc nào dám nhìn lại lòng mình đâu. Nhưng ba ngày rày — kể từ lúc chị tôi dưới xuống bước lên cầu — anh không yên-tâm được, bấn-khoăn vì một câu nói cứ như vang mãi bên tai.

— Minh ơi, chuyến tôi vô này vợ chồng con cái mình phải mang ơn anh Sáu Chăng suốt đời đó, ghen mình. Nếu

một người nào khác rước tôi thì chắc hôm nay tôi không được thấy mình và sáu đứa con phải mồ-côi. Khi vòng qua Mương-Cạn để tránh bớt lính thò ở chợ Cái-Tắc, gặp nước ròng, không chống sào được, anh lên bờ, cột sợi lòi tới ở đầu mũi xuống vào eo ếch, rồi vừa nhai bánh tét, vừa chạy lạch-bạch suốt ngày như con vịt bầu dưới trời nắng thiêu giữa ruộng khô. Nhớ tới, tôi khổ trong lòng quá. Tôi yếu đuối, đi đâu cũng làm cục người khác nhưng tôi không quan-niệm nổi cái cục của anh Sáu Chăng trong chuyến đi này. Có khi bơi suốt đêm, có khi chạy suốt ngày, mà tuyệt-nhiên không nghe một tiếng phàn nàn, Tại sao anh tốt với mình quá vậy, mình ?

Ờ, tại sao vậy ? Anh tôi trần trọc trên chiếc giường tre, suy nghĩ — mà đâu phải lần này ! Suốt sáu năm nay mình đã hưởng sự săn sóc, giúp đỡ của con người dốt nát kia mà không hề đặt câu hỏi « tại sao ? » nay nhân câu nói của vợ, mới kiểm điểm. Bận bề, bà con ly tán hết từ ngày khói lửa. Do sự tình cờ hay cố ý mà anh Sáu Chăng hãy còn sống bên mình ?

Trong sự sống chung, anh ta lại luôn luôn dành lấy phần chịu thiếu thốn, nặng nhọc. Tánh lại ít nói cười, vô ra, lặng lẽ như một cái bóng. Mai này là ngày chị tôi phải đi thì chiều nay anh ta đã lo đủ giã, xuống, cơm nước, sẵn sàng bôn phận để đưa. Vừa bồi hồi cảm-động, vừa nghĩ ngợi, phân-vân, Anh tôi tự hỏi không biết con người ấy tốt tự nhiên như thế hay do động-tác gì ? Một đặc-điểm nữa là anh ta hết sức chu-đáo, tận tụy với tất cả việc gì có quan-hệ tới anh tôi.

Anh tôi thở dài, hơi thẹn-thẹn chợt thấy như lâu nay mình đã lạm-dụng lòng tốt của một người thấp kém hơn mình. Và nếu tiếp tục nữa thì mình là một con người không biết điều.

✱

Chừng nào máy bay bổ tới sẽ hay chớ bây giờ thì cảnh thức dậy của thôn quê thật là một bài thơ tuyệt-diệu ! Muôn tiếng chim líu lo trên cành tre, mấy đợt khói lam từ mái lá bốc lên, uốn éo trên không, là lướt như những chèo khăn san của các nàng tiên-nữ. Không-khí trong lành, sạch tinh, hít vào nghe mát cả phổi !

Nhưng anh Sáu Chẳng không thèm — hay không biết thưởng-thức gì cả ! Anh đang bận đặt một nồi cơm, một ổ cá kho tiêu và một nải chuối chín cho kín đáo dưới sạp xuống để lát nữa đây, bắt đầu một cuộc hành-trình có thể gọi là nguy-hiêm. Xong đâu đấy anh giũ chiếc chiếu manh trải trên sạp để lát nữa chị tôi ngồi.

Anh đang lui cui, chông khu quay qua quay lại thì nghe tiếng anh tôi ngồi trên bờ rạch, kêu :

— Anh Sáu ơi ! để đó, lên đây tôi hỏi chuyện một chút, anh Sáu !

Anh ta giật mình quay lại hơi ngạc-nhiên, nhíu đôi mày rậm nhìn anh tôi mấy giây đồng hồ. Từ ngày biết nghe tới giờ, chưa lần nào anh được ai cần nói chuyện với anh tới nỗi bảo anh “dừng tay lại”.

Nhưng anh cũng không hỏi thêm gì, sắp lại mấy tấm ván rồi ngoan ngoãn đi lên.

Địa-diểm hội đàm là bóng bụi tre cạnh đầu cầu ván. Anh tôi ngồi chồm hồm, chông hai tay lên đầu gối, buồn buồn, nói :

— Anh Sáu à, anh em mình gần nhau đã hơn ba mươi năm rồi. Anh đã biết tôi từ ngày tôi mới đẻ, vậy mà có vài điều tôi thấy anh không được thành thật với tôi... Anh ta ngạc-nhiên hết sức, đôi tròng đen châu sát lại hai bên sống mũi, tỏ ra anh đang nhìn thẳng vào đối tượng, nhưng không trả lời chi hết. Lặng thinh, đó là cố tật của anh ta.

Anh tôi lại nói tiếp :

— Trong lúc gian-khò này mà anh không theo thằng Bưởi con anh, lại theo tôi. Săn-sóc lo lắng cho tôi mà mỗi mỗi manh quần tấm áo, trà thuốc thì thằng Bưởi đều sắm sửa cho anh. Còn tôi, sáu năm nay, chưa hề cầm cho một cục bạc ! Tôi không tin rằng anh có thể thương tôi hơn con anh, nhưng lý-do gì đã khiến anh khổ-nhọc vì tôi, hy-sinh vì tôi thì anh không cho tôi biết. Anh không thành thật với tôi, anh không tốt, anh Sáu à !...

Anh ta ngồi bẹp dưới đất, hai tay bó gối ngược mắt nhìn trời, yên lặng nghe anh tôi “kể tội”, thỉnh-thoảng lại cúi nhìn xuống nước, lượm vài cục đất liệng tòm cho nước bắn tung lên, tuyệt-nhiên không nói tiếng nào. Một hồi, không thâm-hoạch được chút gì khả dĩ có thể “vén màn bí mật”, anh tôi nổi cáu gay gắt :

— Thôi từ nay, tôi không dám nhận sự giúp đỡ của anh nữa, tôi xét thấy không có quyền. Còn bây giờ, để tôi

nhờ Chín Tú hay tự tôi đưa vợ tôi ra Cần-Thơ cũng được, anh ở lại nhà cho khỏe.

Bây giờ mới thấy anh ta hốt-hoảng, lắp bắp :

— Đề tôi đưa vợ hai đi, chớ cậu ra tới Thới-Lai thì lính bắt liền. Bây giờ nó bắt được thì bắn ngay.

Còn vợ hai thì tụi nó...

Rồi hình như sợ hãi, anh ta bỏ lửng, không tiếp-tục câu nói. Anh tôi bèn đứng dậy :

Tôi hiểu rồi. Đề tôi dặn Chín Tú kỹ một chút.

— Chín Tú, trời đất ! Cái thằng cha làm biếng đó, gặp chỗ cạn, nó bắt vợ hai đi bộ cho nhẹ xuống dặng chống cho khỏe, về trên mở đau một trận cho cậu coi.

Anh tôi buồn bã :

— Anh nói đúng lắm. Nhưng tôi không muốn lợi dụng lòng tốt của anh nữa. Tôi không có quyền đề anh phải cực vì tôi mãi.

Đang nói đó, bây giờ anh ta nín lại như cũ, cầm cái que tre vè vè dưới đất.

Anh tôi vừa bước đi vừa nói :

— Anh về nghỉ-ngơi đi. Tôi đi kiếm chín Tú đây.

Anh ta vội quay theo, nói như van :

— Cậu đề tôi nói... cho nghe, cậu hai.

— Anh sẽ nói là anh thương tôi chớ gì. Như thế là anh không thành thật. Tôi có còn trẻ mỗ gì đâu, tôi biết xét lắm chớ ! Anh Sáu ơi ! Quả thật tôi là một

đứa hư, có máu công tử, không làm được một công việc lao động nào hết, cái gì cũng nhờ đến bàn tay người khác. Anh bỏ tôi ra đi, đừng giúp đỡ gì tôi nữa, may ra nhờ vậy mà tôi tháo vát hơn chút nào không ?

— Tôi... đâu phải tôi giúp cậu. Năm đó tôi nghèo quá mà thằng Bưởi đau ban...

Anh ta lại nín... Anh tôi hỏi lơ đãng.

— Ờ, năm tôi giữ vườn dứa đó hả. Mà thôi đề tôi đi kêu chín Tú, kéo trư, đi tới đồn Cái-Tắc khuya quá, xuống bị xét...

Anh ta liền nhóm dậy, phải dứt nói như năn nỉ :

— Cậu đề tôi đi, cậu hai. Tôi lên mời vợ hai đây.

— Không, tôi đã bảo anh nghỉ đi mà. Anh nên đề cho lương tâm tôi yên ổn.

Giọng anh ta như muốn khóc :

— Nếu cậu không cho tôi đi thì tôi cũng không yên ! Tôi nhớ ơn cậu lắm...

— Ơn gì với anh chớ ? Anh này bữa nay lại văn hoa và vòng vo dữ.

—... Nếu trước kia cậu không thương thì tôi đã ở tù mà thằng Bưởi đã chết rồi, đâu còn được sống đến ngày nay nuôi tôi và... tôi mới được một thằng cháu nội...

Cái chót mũi to như trái mận của anh ta đỏ đỏ và có bóng nước long lanh trong đôi tròng trắng, nhưng không thấy rớt xuống má mà lại lộn vào trong. Anh ta chớp mau mấy cái rồi nói nho nhỏ.

— Tôi nhờ bán trăm trái dứa đó mà chở thằng Bưởi xuống nhà thương uống thuốc...

TRĂM QUẢ DỪA

— Dừa nào ? Anh nói gì lộn xộn vậy anh Sáu ?

Anh ta bối rối chưa trả lời được thì may sao chị tôi cặp nón lá từ trong nhà vừa ra tới. Anh ta mừng rỡ, nói lắp :

— Ờ, xuống xuống mợ hai chiều trái rồi ở dưới.

Rồi anh ta bước thoăn thoắt xuống cầu. Nhưng anh tôi không chịu thua, anh nắm tay chị tôi lại và hỏi tiếp :

— Anh Sáu nói chưa rồi chuyện. Anh nói dừa gì tôi chưa hiểu.

— Dừa... trong vườn cậu.

— Dừa vườn tôi mà anh bán ? Hỏi nào ?

Vì chị tôi chưa xuống, anh ta không thoát được, phải trả lời, giọng đã mất bình tĩnh :

— Năm cậu giữ vườn...

Anh tôi đang nhíu mày ráng hiểu thì chị tôi đã vỗ bập về kêu « chét » một tiếng, nói to :

— Phải chính anh đã bẻ dừa trong mấy đêm giông hồi ở nhà tôi bị ông Nội nó « đày » ra giữ vườn đó không ?

Rồi trước sự lặng thinh sững sùng của anh ta và cái lặng thinh kinh ngạc của anh tôi, chị tôi cười hả hả gỡ tay chồng, lăn xuống cầu, leo lên xuống, nói vói lại :

— Mình ráng giữ sức khoẻ nghe mình. Chừng nào muốn tôi vô thì phải để anh Sáu đây rước tôi ghen, đừng thay người khác mà góa vợ đa ông... Mình đừng ăn măm ruốc lắm mà lát nó cương lên... Mình nhớ...

Nhưng anh tôi có nghe vợ nói gì đâu. Anh đứng sững một lát rồi thở phào ra như trút cả phôi, rên trong cuống họng :

— Dù vậy đi nữa, trăm trái dừa cũng không là một cái ơn phải trả suốt đời mà, anh Sáu !

Mà Anh Sáu cũng không nghe gì nữa. Vừa thấy chị tôi ngồi yên, anh ta thu lại tới lòn ròn, chống giẫm vào cầu đày một cái thật mạnh, xuống bung ra khỏi bến, anh ta liền bỏ giẫm bơi lia lịa như muốn chạy trốn.

VÂN-TRANG

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS, RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài đã nhận được :

Tư tưởng Đông - Phương trước Thời-đại (Thanh-Thuyền); Tôi làm ruộng (Vi-Bản); Nội-dung và hình-thức (Nguyễn-Tử-Quang); Thử tìm hiểu chính sách « Công-xã » của Trung-Cộng (Mai-Nương-Tử-Ngọc-Mừng); Hãy cứu lấy con chúng ta (Thiên-Giang); Thi ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn-Quang-Đieu (Nguyễn-Văn-Hầu); Sẽ trở về (Thái-Linh-An); Nắng (T.V.); Xa Ai đau thế hệ (Lâm-Tùng-Sinh); Lòng chiều — Tâm sự (Trần-Hà-Trung); Thương đau — Buồn đại lộ (Thế-Thanh); Mời — Năm người (Sơn-Nhật-Kiều); Dang dở — Mộng Liêu-Trai (Y Dịch); Tình mẹ (Phan-Thái-Linh); Quang Tâm — Sắc

không hương — Đêm nay (Cao Quang); Hôn — Buồn ra ngõ-Tổ quốc (Phương Cầm); Xa cách — Trăng tháng giêng (Lãng - An-Nguyên); Thương mùa hoa phượng — Đời kẻ gió sương (Mai-Nương-Tử); Nỗi niềm — Hoa Sầu — Tiếng sáo chiều thu (Phạm Năng Hóa) Trao (Nguyễn-Phong); Nửa chiều sơn thôn (Hàn-San); Chiều Bến Vĩ (Cao-Văn-Cúc); Lời cầu nguyện (Hanh-Thông); Muộn màng (Việt Sào); Nghỉ Hè (Mai-Đình).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- « Chi Trai » đặc-san giáo-dục Văn-nghệ của Tráng-Đoàn Bạch-Đẳng xuất-bản và gửi tặng. Tranh bìa do Ngy-Cao-Uyên và các bài do Hà-Dũng minh-họa, Giá bán 12đ.
- « Chính - tả Tân - Phương », quyền thượng (phương - pháp thông - lệ) của ông Đỗ-Kỳ-Nhân giáo-sư quốc-văn soạn. Quyền I thuộc trình độ lớp đệ thất, dày 90 trang giá bán 25đ.
- « Luật - pháp phổ - thông » của ông Phạm-Quang-Lộc soạn và gửi tặng. Sách gồm những luật phổ-thông về Hương - Hỏa, bất-động-sản, đoạn mãi, hội, hiệp hội và luật gia-đình... Sách dày 380 trang. Giá bán 45đ.
- « Khói sương muôn dặm » thi-phẩm của Hoàng-Sơn, do tác-giả gửi tặng. Giá bán 30đ.

- « Đêm không ngủ » thi - phẩm của Hoàng-Yên-Trang do tác-giả trình-bày và gửi tặng. Bản đặc - biệt không ghi giá.
- « Khoa-Học » số 2, do « cơ-quan phổ-biến khoa-học của « Hội sinh-viên khoa-học kỹ-thuật Việt-Nam tại Pháp » gửi tặng « Khoa-Học » do ông Đỗ-Thế-Gia làm chủ nhiệm và ông Trần-Ngọc-Toan làm chủ bút. Tòa-soạn đặt tại : 88, Avenue d'Italie, Paris XIII^{ème}.
- « Tô Ấm » thi - phẩm của Anh-Tuyển do Bình - Nguyễn - Lộc đề tựa và Phạm-Thăng, Tú-Duyên trình-bày gồm 19 bài thơ giá 45đ.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất bản và ân cần giới-thiệu cùng độc-giả.

B. K.

Hợp thư « Vườn thơ »

Ô.Ô. Lê-Văn-Tất *Châu-Đốc*; Xuân-Nghi, *Huế*; Trường-Anh, *Sài-Gòn*.—
Mộng-Trang, *Thu-Trinh, Đà-Lạt*; Trần-Thủy-Giàu, *Cà-Man*.—
Cc. Xuân-Thu, *Quảng-Trị*; Hồng-Nga, *Bình-Thuận*.— Đã nhận được thư
và thơ. Đa tạ.

B.K.Đ., N.H.L., N.H.N.

Ô. Lê-Hòa, *Chợ-Lớn*.— Đã tìm nhà ông để xem tài-liệu về thơ,
theo địa chỉ ông cho. Nhưng đường L.T.K. không có nhà số chẵn,
chỉ gặp một sạp bán hàng vải của người Huế-Kiểu mang số 22; hỏi thì
chẳng ai biết tên ông. Quả « số » lao đao lộn độn như ông bạn tiên
đoán !

Anh Phan-Lạc-Tuyên.— Có thư cho anh nói về việc thơ, gửi
địa chỉ cũ, nhờ cho thư theo. Anh đã được chưa? Xin anh cho biết
địa chỉ mới.

Các em học-sinh, sinh-viên : Huỳnh-Hữu-Nghiệp, *Cái-Bè*; Bùi-Thanh-
Kiên, *Đào-Minh-Nguyệt, Mỹ-Tho*; Nguyễn-Vay-Sơn, *Dương-Học-Lễ, Bạc-
Liêu*; Trịnh-Đắc-Nhân, *Ba-Xuyên*; Trương-Phước-Tuyên, *Sóc-Trăng-
Tôn-Thất-Hiệu, K.B.C. 3.318*; Nguyễn-Thị-Long-Vân, *Định-Tường*;
Nguyễn-Nghĩa, *Phan-Thiết*; Huỳnh-Quang-Ry, *Lý-Văn-Dũng, Võ-Văn-
Mình Mỹ-Tho*; Ô.Ô. Nguyễn-Văn-Tích *Phan-Rang*. Nguyễn-Văn-Mô *Nha-
Trang*, Trần-Văn-Lê, *Vĩnh-Long*. Nguyễn-Văn-Đề, *Sa-Đéc*, Trần-Công-
Thương, *Mỹ-Cây*; Võ-Văn-Tăng, *An-Giang*; Lê-Ngọc-Phách, Nguyễn-Việt-
Hùng, *Kiến-Tường*; Phan-Văn-Đường, *Võ-Hữu-Quyền, K.B.C. 3.317*;
Đức-Minh, *Huế*; Vũ-Ngọc-Lâm, *K.B.C. 4.125/OC*; Cao-Màng, *Quảng-
Ngãi*.— Cc. Tuyết-Linh, *K.B.C. 4741*. Bảo-Đức *Ba-Ri*.— Xin các em, các
ông và các cô cho biết địa chỉ hiện giờ để chúng tôi có thể trực
tiếp bàn về tài-liệu thơ thời tiền chiến mà các em, các ông và các
cô đã có thư hỏi từ đầu năm goái.

N. H. N.

(trong nhóm *Những người yêu
văn-nghệ ở Thủ-đô*)

ĐẠI NAM VĂN HIẾN
GIỚI THIỆU MỘT TỰ TRUYỆN :

**NỬA ĐƯỜNG
ĐI XUỐNG**

CỦA
THỂ - PHONG



200 trang khổ 21×33
rô-nê-ô. Chỉ bán 30 bản
đánh số từ ĐNVH 1 đến 30
200 \$ 00

Ở xa xin gửi bưu Phiếu :
Ô. TRỊNH-ĐÌNH-THĂNG
26712 Phạm-Ngũ-Lão
SAIGON

ĐÃ CÓ BÁN :

Một quyển sách mà mọi người chờ mong :

Việt-ngữ chánh-tả tự-vị

do Lê-Ngọc-Trụ

Một quyển sách khảo-cứu công-phu mà :

- học-sinh cần có luôn để viết ít sai chánh-tả,
- giáo-chức cần có để hiểu được lý-do chánh-tả mỗi tiếng dạng giảng dạy trẻ em
- học-giả, văn-nhơn dùng để tra-cứu Việt-ngữ, tìm nguồn-gốc và các biến-đổi chuyển di của ngôn ngữ nước nhà.



Sách dày 500 trang, có ghi chữ Hán, in giấy tốt, bìa cứng, giá 130\$
do nhà xuất-bản Thanh-Tân, 95 đường Cao-Thăng Sài-Gòn, Phát-hành.

ĐÃ IN XONG

COMMUNION

(CẨM THÔNG)

Thơ Vũ-Hoàng-Chương

với các bản dịch Anh-ngữ của Giáo-sư NGUYỄN-KHANG
và Pháp - ngữ của nữ thi-sĩ BỈ SIMONE KUHNEN DE LA
COEUILLERIE

Có kèm theo 4 phụ bản của nữ thi - sĩ BỈ YSABEL
BAES.

Sách dày 100 trang, giấy VERGÉ, in 2 màu và phụ-bản
in nhiều màu.

Giá : 50\$

Tổng phát hành : 53/18 Nguyễn-Khắc-Nhu Saigon

ĐÃ CÓ BÀN TẠI CÁC HIỆU SÁCH LỚN :

Luật-Pháp Phỏ-Thông

của ông Phạm-Quang-Lộc biên soạn

Sách dày ngót 400 trang, cỡ 10x15

Nội dung gồm có :

- Luật gia-dình xưa và nay ;
- Luật thương-mại ;
- Chế-độ hương-hỏa ;
- Chế-độ điền thổ ;
- Vấn-đề di-sản và nhiều bài nghiên-cứu giá-trị khác.

Giá 45\$

Quý Bạn ở nơi xa muốn mua, xin viết thư và gửi tiền cho ông :

Nguyễn-văn-Thanh
8, Ngô-đức-Kế — Saigon

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị.*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

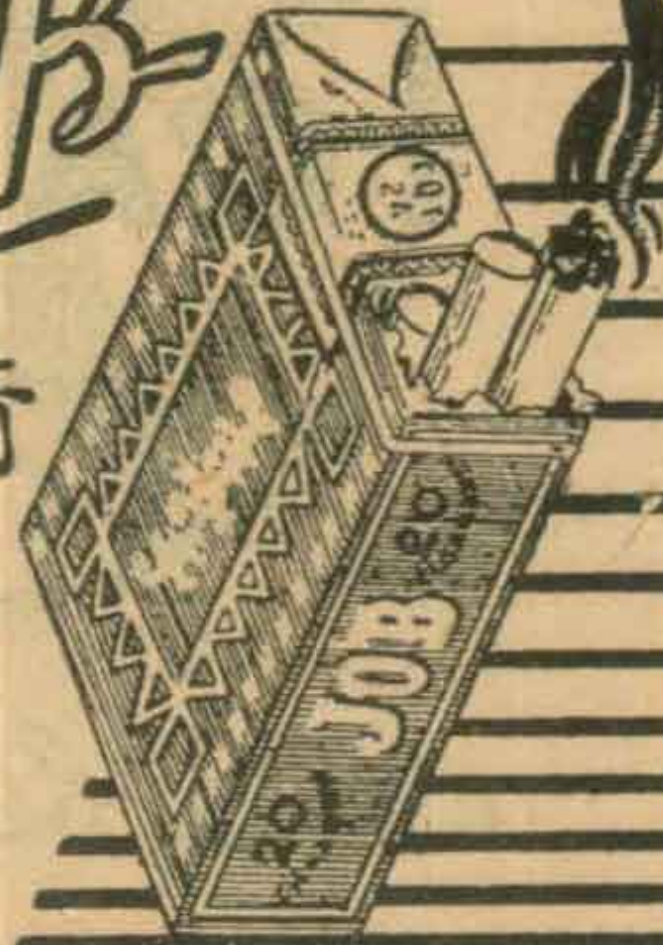
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MUI ỀM DỊU
 KHÓI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NƯỚC TIỀNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟



Hút Thuốc Thơm

Mã nhất tâm



Sảng Tinh Thần

Văn -

- Nghé -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15 \$





LA-VE

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUỠNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :

160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn
Điện thoại : 25.539.

Giá công sở : 15\$
Giá : 10\$

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo - SAIGON